

Phải ý-thức được sự chuyển mình của lịch-sử

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA cũng như các dân-tộc Tự-Do trên Thế-giới đều chống Cộng một cách triệt để, đến như những nước bị Cộng-sản thống-trị cũng có phong-trào chống Cộng, nào là nhân-dân Bá-Linh đã nổi dậy năm 1953, nhiều cuộc khởi nghĩa của công-nhân và thanh-niên ở Tiệp-Khắc, Ba-Lan (Poznan) năm 1956, vụ nổi dậy ở Quỳnh-Lưu tháng 11 năm 1956, ở Budapest (Hung-gia-Lợi) v.v..., bởi vì đời sống dưới chế-độ Cộng-sản chỉ là một địa ngục, xét cả về mọi phương-diện vật-chất cũng như tinh-thần, tình cảm lẫn lý-trí.

Như chúng ta đã thấy trong thực-tế, Cộng-sản chuyên môn lợi dụng, lừa bịp, chà đạp lên nhân phẩm Con Người. Chúng không ngần ngại thủ tiêu tư-hữu để độc chiếm toàn bộ tài sản của tư-nhân cũng như của quốc gia, để rồi tha-hồ vơ-vét, bóc lột, đến ngay cả người lao-động vô-sản, — làm toàn dân phải đói rách, thiếu-thốn.

Không những thế, chúng còn thẳng tay phá hoại tình gia-đình, tình bạn hữu, tình làng xóm. Khuyến-kích sự căm-thù giai-cấp, gây nên cảnh con đấu-tổ cha mẹ, vợ chồng đấu tố lẫn nhau, phản thầy, phản bạn, làm cho con người mất hết nhân-tính.

Bằng chứng cụ-thể, ngay tại Nga-sô, số người bị hành quyết đã lên đến 15 triệu, trong số đó chia ra như sau : bị qui vào các tội địa-chủ, phú nông 4 triệu rưỡi, phân động 8 triệu, (gồm phần lớn thanh niên thôn quê, sinh viên, học sinh, trí-thức đòi hỏi tự-do dân-chủ, thất vọng vì thấy sự trái ngược với sự tuyên-truyền Cộng-Sản). Công nhân, nông-dân bị ghép vào tội phá-hoại 2 triệu rưỡi. Đây là chưa kể số người bị chết đói vì những biện-pháp kinh-tế và chính sách bóc lột của chúng như ở Trung-Cộng lên đến 10 triệu.

Ý thức được sự chuyển mình của Lịch-sử và giúp quần chúng sớm nhận định được sự diễn biến đó là nhiệm-vụ của mỗi người Việt-Nam chúng ta trong công cuộc chống Cộng và xây dựng một ngày mai xứng đáng về với dân tộc Việt dưới chính-thể Cộng-hòa Nhân-vì, do **NGÔ TỔNG THỐNG** lãnh-đạo.

PHỔ THÔNG

TẬP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : **NGUYỄN-VỸ**

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307

NAM THỨ 3 — BỐ MƠI SỐ 39 — 1-8-1960

- 1.— Ó. Bộ-Trưởng Giáo Dục đồng ý
nhưng chúng tôi không đồng ý. . Nguyễn Vỹ 7 — 10
- 2.— Một hiện tượng kỳ dị : Thác Niagara
ngưng chảy Trần Phong 11 — 13
- 3.— Bóng người xưa (truyện ngắn) Hoàng Thắng 14 — 19
- 4.— Cuộc đời của các nhà Tỷ phú Trọng Tấn 20 — 25
- 5.— Mưa Saigon (thơ) Hoàng hương Trang 26
- 6.— Lịch sử đồng tiền Nguyễn Triệu 27 — 35
- 7.— Đêm Saigon 1946 (hồi ký) Mặc Thu 36 — 40
- 8.— Phương pháp truy tìm thủ phạm ở Anh Denis Bordens 41 — 44
- 9.— Thơ và nhà Thơ Jean Bouhier 45 — 48
- 10.— Thanh xuân (thơ) Văn Khanh 49
- 11.— Những con ma trong văn học sử Từ Trầm Lệ 50 — 52

- 12.— Văn sĩ thi sĩ tiền chiến Nguyễn-Vỹ 53 — 57
 13.— Người tù binh (truyện ngắn) Mỹ Khanh 58 — 63
 14.— Những cuộc tình duyên sỏi sỏi : Musset Tân Phong 64 — 71
 15.— Lệ Hải Bà Vương (Triệu Ân) . . . Nguyễn đình Diệm 72 — 76
 16.— Cô gái diên Vi Huyền Đắc 77 — 81
 17.— Nhân ngày kỷ niệm Phan Khôi Phan Vỹ 82 — 84
 18.— Nơi hẹn hò (truyện vui) Bà Lam Giang 85 — 88
 19.— Câu đối của Nguyễn công Trứ Nguyễn Vỹ 89 — 91
 20.— Những người đàn bà lưng danh
 trên thế giới : Agrippine Tân Phong 92 — 100
 21.— Minh ơi ! Diệu Huyền 101 — 107
 22.— Sách báo mới P. T. 108 — 109
 23.— Kiên trinh (truyện dài) Cô Vân Nga 110 — 114
 24.— Thơ bạn đọc P. T. 115 — 118
 25.— Đáp bạn bốn phương Diệu Huyền 119 — 130

* Ngoài những bài ký tên Nguyễn Vỹ, Diệu Huyền, Tân Phong, Mỹ Khanh, Tạp chí PHỔ THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai-cảo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế.)
 * Bài lai-cảo không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp - chí PHỔ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG, và đừng viết tắt.
- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
 Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam

Xã - luận

• Ô. Bộ-Trưởng
 • Giáo - dục
 • đ o n g - ý,
 ● nhưng chúng tôi không đồng ý.

VỪ A RỒI, ông Trần-Hữu-Thế, Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo dục, có nhĩ ý trao đổi với chúng tôi một vài ý kiến về chương-trình sinh - ngữ áp-dụng tại các lớp tiểu học và Trung-học.

Chúng tôi rất hoan-nghênh thiện chí của ông Bộ trưởng khi ông nhìn nhận rằng theo ý riêng của ông những quan-diểm của chúng tôi đã trình bày trong tạp chí *Phổ Thông* về vấn đề sinh-ngữ ở các lớp Trung học, là đúng và rất hợp với giai-đoạn tiến triển của Nước nhà hiện nay. Ông cũng nhận thấy rằng sinh ngữ phải học ngay từ lớp tiểu học, như chúng tôi đã nói trong *Phổ-Thông* số vừa rồi. Ông cho biết tình thế hiện nay do từ mấy năm mới thu hồi độc lập một số rất đông học sinh và sinh viên kém sinh ngữ hoặc không biết môn sinh ngữ nào, cứ đòi học Việt-ngữ cho dễ, vì vậy mà Bộ giáo dục lúc bấy giờ phải thỏa-mãn yêu sách ấy. Và lại mới thu hồi độc lập, mà còn dạy tiếng Pháp hay tiếng Anh thì sợ có sự hiểu lầm trong dân chúng.

Nhưng mấy năm sau này, vì những nhu cầu giao hảo về các phương diện trên lập trường quốc tế và để cho thanh niên tiến lên một trình-độ văn hóa cao hơn, nên chương trình sinh ngữ đã được áp dụng lần hồi và tăng cường dần dần. Nhưng có hai điều trở ngại lớn : một là thiếu giáo sư sinh ngữ, hai là học chữ Pháp rồi học sang chữ Anh thì dễ hơn là học chữ Anh rồi sang chữ Pháp, nên chưa điều hòa được chương-trình sinh ngữ. Ông Bộ trưởng cho biết hiện nay đã có đủ giáo-viên dạy Trung-học Đệ-nhất cấp, nhưng Đệ-nhi cấp thì còn thiếu nhiều. Ông Bộ-trưởng đã mở riêng một lớp huấn-luyện bổ-túc cho các giáo-viên Đệ nhất cấp, nhưng còn các cấp khác thì chưa đề cập đến.

Thành thử, theo lời ông Bộ-trưởng, chương-trình Sinh-ngữ năm nay ở các lớp Trung-học vẫn còn phải để y nguyên như năm rồi, chưa tăng cường lên được.

Chúng tôi hơi ngạc-nhiên và thành-thật không đồng ý với ông Bộ-trưởng về điểm này. Bởi vì trong khi ông Bộ trưởng nói với chúng tôi là riêng ông thì ông rất tán thành việc dạy thêm sinh ngữ để đào tạo một lớp thanh niên có thể du học ra ngoại-quốc, để sau này về giúp ích cho Nước Nhà, thì tại sao ngay bây giờ chưa tăng cường được môn Sinh-ngữ trong chương-trình Trung học ? Nếu giáo-viên mới chưa sành về Sinh-ngữ, vậy chớ lớp giáo-sư giỏi Pháp văn hồi thời trước, hiện giờ làm gì ? Còn giáo-sư Anh-ngữ đã được đào-tạo mấy năm nay dùng làm việc gì ở đâu ? Tại sao không mượn thêm giáo-sư ngoại-quốc ?

Chúng tôi không đồng ý về nguyên-tắc như thế nhưng chúng tôi vẫn thành-thật nhìn nhận rằng những cố-gắng của ông Bộ-trưởng Giáo-dục rất đáng khen : Cố-gắng đào tạo các cấp giáo-viên, cố gắng dung hòa nhu cầu học vấn về môn Sinh-ngữ với

trình-độ thực-tế của học sinh thiếu căn bản Sinh-ngữ ngay từ lớp Đệ-thất.

Chúng tôi mong rằng ông Bộ-trưởng thiết lập gấp rút một ủy-ban gồm một số nhà Trí-thức, Văn học và giáo sư Đại-học — như ông Bộ-trưởng đã có ý định đó, — để cùng ông thảo luận và xác định một phương-châm giáo dục mới, thích ứng với thời buổi mới.

Về chương trình Tiểu học, ông Bộ trưởng cho chúng tôi biết rằng "không thể thống-nhất được", và chương trình mới, — ông chỉ cho chúng tôi xem quyển chương-trình mới in xong, — phân biệt hẳn ba miền, Trung, Nam, và Cao nguyên. — Ông viện lý do rằng vì địa thế và hoàn cảnh sinh hoạt ở miền Trung khác hơn ở miền Nam, cho nên chương trình tiểu học ở các trường miền Trung phải khác hẳn với chương trình miền Nam, chương trình học ở Cao nguyên, cũng khác hẳn. Ông đưa ra thí dụ : như ở Quảng Nam, Quảng Ngãi (miền Trung) cần phải dạy cho học sinh về các mỏ kim khí, về các nghề làm rừng làm gỗ, vì ở đó có nhiều mỏ và nhiều rừng núi, còn ở miền Nam có nhiều sông ngòi, ít có núi, thì chuyên dạy về việc làm ruộng, đánh cá, v.v...

Chúng tôi hoàn toàn không đồng ý về điểm này. Ở bên Nhật chương trình giáo dục tiểu học cũng có chú trọng về từng địa phương, nhưng vì địa thế của Nhật bốn từ hòn đảo này qua hòn đảo kia quả có khác nhau. Ở Hokkaido không giống như ở Kyushu. Còn Việt-nam từ Nam chí Bắc vẫn là đồng bằng và ruộng lúa chiếm hai phần ba diện tích, chỉ có một phần ba núi mà thôi. Tuy vậy, ở núi như ở bể, ở đồng quê Quảng Trị, Quảng Nam, cũng như ở Long Xuyên, Rạch Giá, cuộc sinh hoạt toàn thể nhân dân Việt-nam vẫn có khác gì nhau đâu ?

Nếu chương trình tiểu học phải thay đổi từng địa phương, căn cứ trên các đặc điểm kinh tế riêng mỗi vùng, thì muốn cho hợp lý, học trò ở Quảng-Ngãi phải học về mía và đường, học trò ở Phan-Thiết học về nước mắm, học trò ở Bồng Miêu học về mỏ vàng, học trò ở Cà-ná, Vĩnh-hảo, học về nước suối? Và học trò ở Huế thì học về... nem Vỹ-dạ, bánh bèo núi Ngự, sò Lang-cô? Còn học trò ở Saigon thì học về gì?

Chúng tôi muốn biết ủy-ban nào đã đề nghị lên ông Bộ trưởng một phương pháp giáo khoa kỳ-cục như thế?

Chúng tôi thành thật không hiểu vì lý-do thực-tế nào Bộ Giáo dục lại không cho thống nhất chương trình tiểu học toàn-quốc? Hồi thời Pháp thuộc, lãnh thổ Việt nam bị chia hẳn ra làm ba miền Trung, Nam, Bắc, mà chương trình giáo dục ở học đường vẫn là duy nhất. Từ lớp năm lên đến lớp nhất sơ đẳng tiểu học, rồi từ lớp đệ nhất niên Cao đẳng tiểu học đến đệ tứ niên, học trò các trường ở Lạng Sơn, Hà nội, hay Huế, Qui nhơn, Saigon, Cà mau, Châu đốc, cùng một lớp vẫn học cùng những sách giáo khoa như nhau. Chương trình giáo huấn thuần nhất ấy có hại gì đâu?

Tại sao bây giờ Quốc-gia thống nhất, mà chương-trình giáo-dục tiểu học lại không được thống nhất?

Theo chương-trình tiểu học mới, như ông Bộ trưởng giải-bày với chúng tôi, thì việc giáo dục các em thiếu niên bị rút hẹp vào phạm-vi địa phương. Chủ trương như thế có những lợi ích gì? Có mục đích gì?

Chúng tôi thành thật cảm tạ ông Bộ trưởng Quốc-gia giáo-dục đã có nhã ý khen tạp chí Phổ-Thông có thiện chí xây dựng văn hóa và giáo dục cho thanh niên Nước nhà. Chúng tôi rất hân hạnh và cảm động được ông Bộ trưởng thông cảm, nhưng vì thiện chí ấy nên chúng tôi cũng xin ông Bộ-trưởng tha lỗi cho chúng tôi đã thành thật giải bày những quan điểm trên kia.



Một hiện tượng

kỳ-dị

trong Lịch sử

THÁC NIAGARA

ngừng chảy

CÁC H đây hơn 100 năm, vào nửa đêm hôm 29 tháng 3 năm 1848, một hiện tượng kỳ dị không điềm báo trước, và cũng không ai có thể tưởng tượng nổi đã xảy ra ở bên Mỹ: thác nước Niagara, ở rập ranh giới Huê-Kỳ và Gia-Nã-Đại đã ngừng chảy! Khi giòng nước của thác cạn dần và đến lúc thác nước biến hẳn đi thì một sự im lặng hoàn toàn đột nhiên bao trùm khắp cả một vùng xung quanh đó. Dân chúng lúc bấy giờ đang say sưa trong giấc ngủ

chợt bị thức giấc vì không còn nghe thấy tiếng ầm ầm quen thuộc nữa. Mọi người lo lắng xô nhau chạy ra khỏi nhà, nhón nhác không hiểu là cái gì đã xảy ra. Đến khi được biết là cái thác nước muốn đời vì đại của họ đã ngừng chảy, thì mọi

★ TRẦN-PHONG

THÁC NIAGARA NGỪNG CHẢY

người giật mình, vội mặc quần áo và chạy ra bờ thác để xem. Dưới ánh sáng của hàng ngàn bó đuốc đốt lên sáng rực cả một góc trời, mọi người đều thấy rõ ràng ở nơi mà mới trước đây mấy tiếng đồng hồ, hàng ngàn tấn nước còn đổ xuống ầm ầm như thiên binh vạn mã, thì bây giờ chỉ còn im lặng có một mặt bùn đen lóng lánh dưới ánh đuốc cùng với bao nhiêu viên đá lớn nhỏ nằm lán lóc giữa những vùng nước còn đọng lại.

Đến trưa hôm sau, đã có hàng trăm người từ mọi nơi đổ đến đông đặc cả hai bên bờ thác. Những người tò mò lội xuống hẳn dưới lòng sông menh mông giờ chỉ còn cạ trơ đến đây để nhặt những lưới riu sét rỉ hay những tàn tích của các thứ khí giới mà dân da đỏ hồi xưa thường dùng. Lần đầu tiên trong lịch sử, một phân đội kỵ binh đi ngựa xuống tận lòng sông, và dân chúng đi giày lội từ bên này sang tới bờ bên kia mà không bị ướt.

Trong khi đó, những ông già bà cả ở quanh vùng tin dị đoan đã vội cho đó là một điềm quái gở vô cùng. Chiều đến, tại các nhà thờ, đều đông nghẹt những người đến cầu nguyện Chúa hoặc xi xào bàn tán với một vẻ e sợ như sắp sửa đến ngày tận thế. Sự sợ hãi bắt đầu càng lan rộng và dân chúng vẫn lo lắng không cùng.

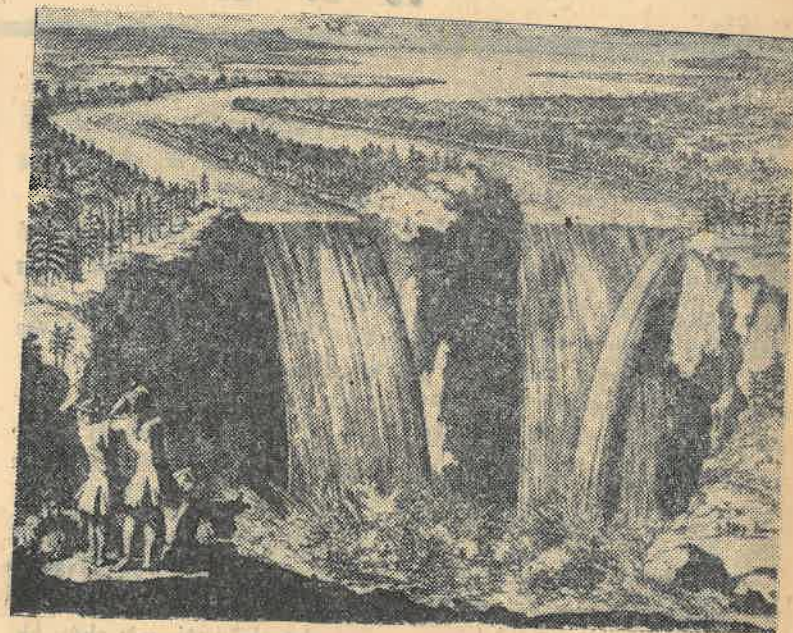
Thế rồi bỗng từ phía trên, thượng lưu của giòng sông hùng vĩ, người ta nghe dội lại một tiếng ầm ì nho nhỏ, và cứ thế to dần mãi lên. Tiếng động càng đồ mạnh về phía thác, nơi dân chúng đứng và trời lúc bấy giờ bắt đầu chuyển động mạnh như trong một cơn cuồng phong bạo vũ. Trái đất tưởng như sắp sụp đổ. Rồi đột nhiên bức tường nước trắng xóa lại hiện ra, và thác nước Niagara vĩ đại lại ào ào đổ xuống như vũ bão. Mọi người lại nghe thấy tiếng nước réo quen thuộc đã bật mắt từ một ngày một đêm, và trên những khuôn mặt lo âu lúc nãy,

THÁC NIAGARA NGỪNG CHẢY

nét vui mừng đã hiện lên rõ rệt. Những bàn tay không còn lên gân nắm chặt lấy nhau vì sợ hãi nữa, và mọi người đều thở dài nhẹ nhõm.

Về sau, nhà chức trách điều tra và giải thích rằng trong ngày 29 tháng 3 ấy, một cơn cuồng phong nổi lên từ hồ Erie đã làm chuyển động những tảng băng

đá ở đây, và hàng vạn tấn nước đá từ hồ trôi về bít chặt mất lối cửa sông ở gần vùng Buffalo làm nghẽn mất giòng nước trong gần 30 tiếng đồng hồ không chảy được. Cho mãi đến khi các tảng nước đá tan ra hết, thì giòng sông mới lại lưu thông như cũ.



Thác NIAGARA

Bóng người x u a

★ HOÀNG-THẮNG

HÀI CẢNG Saigon xa dần, xa dần. Khi thấy hình ảnh của những người tiễn đưa đã mờ mờ nơi phía bờ, Nguyệt mới lững thững quay về phòng. Bóng nàng giạt mình đứng sững lại, người run lên bần bật. Nàng phải nắm chặt lấy tay cô bạn gái như cầu mong một sự giúp đỡ.

Ngạc nhiên cô Lệ vội hỏi :

— Chị làm sao mà người run lên cùng mặt tái mét thế ?

Chưa đề nên được sự sợ hãi, Nguyệt chỉ thốt kêu khẽ :

— Chúng mình quay trở lại phía mũi tàu rồi về phòng bằng phía bên kia đi.

Nói xong nàng kéo nhanh cô bạn quay lại nhưng cũng không quên liếc nhìn người đàn ông đang đứng tì tay nơi lan can tàu trước cửa phòng giải khát.

Lệ thắc-mắc hỏi bạn :

— Có chuyện gì thế chị ? Sao mình không vào «foyer» uống một chút gì cho mát ?

Tỳ tay lên ngực như đề chặn tiếng tim đang đập mạnh, Nguyệt cầu khẩn với bạn :

— Lệ chiều tôi một chút, khi về tới buồng tôi sẽ nói cho Lệ nghe.

BÓNG NGƯỜI XƯA

Vì nề bạn và cũng muốn biết câu chuyện gì đã làm cho bạn mình phải lo sợ, Lệ vội bước nhanh theo.

Khi hai người đã đi sâu vào dãy hành lang phòng ngủ, Nguyệt mời thử phào rồi nói khẽ với Lệ :

— Hẳn đã không nhìn thấy tôi.

— Ai ? Chị bảo hẳn là ai ?

— Vĩnh.

Lệ kêu lên kinh-ngạc :

— Vĩnh ? Ồ, có phải là người chồng cũ của chị không ?

— Đúng Vĩnh ấy đấy.

Sau khi khép kín cửa buồng, Nguyệt ngồi phịch xuống ghế thử dài :

— Nếu hẳn thấy tôi thì tôi chết mất, Lệ ạ.

— Nhưng mà... việc gì chị phải lo ngại ? Hình như câu chuyện đã gần mười năm rồi cơ mà.

— Phải, đã mười năm trôi qua rồi nhưng sự thù hằn có thể tồn tại mãi suốt một đời người.

Lệ không nói gì chỉ nhìn bạn thương hại. Nguyệt thần thờ nhìn quanh phòng, mồ hôi lấm tấm trên trán.

Chợt Lệ lên tiếng :

— Em chỉ biết Vĩnh là chồng cũ của chị nhưng em không hiểu

tại sao anh ấy lại bị tù. Chị có thể tin em mà cho em biết được không ?

Nguyệt thử dài chán nản :

— Vĩnh bị năm năm tù vì tội buôn lậu. Trong thời gian Vĩnh nằm trong lao — chắc Lệ cũng hiểu — hầu hết đàn bà chúng mình đều trông vào đồng tiền của người đàn ông làm ra để chi dụng..., chẳng may Vĩnh bị như vậy, vì không có tiền để sống nên tôi đã phản bội hẳn. Người chồng về sau này tuy già hơn tôi nhiều nhưng giàu có. Nghĩ tới những lúc hao hụt túng thiếu nên tôi cũng không cần nghĩ tới tuổi tác chênh lệch vì đồng tiền nó giải quyết được mọi việc — dù khó khăn tới đâu.

Chắc có người bảo cho hẳn biết nên hẳn đã gửi thư cho tôi do một người bạn tù mãn hạn mang đến. Cho tới bây giờ tôi cũng vẫn còn nhớ rõ lời lẽ trong thư như đang cầm tờ giấy nơi tay.

— Em phải biết rằng anh đi buôn lậu cũng vì muốn cho đời em được sung sướng. Thế mà em đã phản bội anh khi anh bị bó tay trong chốn lao tù. Được. Không sao ! Nhưng em nên nhớ

kỹ trong óc rằng : Khi mà anh đã được tự do rồi, kẻ đầu tiên được anh tới thăm là em đó. Ráng mà giữ mình. Anh sẽ đòi nợ người đàn bà phản bội bằng máu ! Vĩnh ».

Lệ thắc mắc hỏi bạn :

— Thế từ khi ra tù tới giờ Vĩnh đã tới tìm chị lần nào chưa ?

— Chưa. Sau khi nhận được thư hăm dọa, tôi vội bán rẻ căn nhà đang ở rồi dọn đi nơi khác. Tôi cho rằng Vĩnh đã không tìm thấy chỗ tôi ở mới. Nhưng bây giờ... bây giờ Vĩnh mà trông thấy tôi thì tôi nguy quá.

Nghĩ tới lúc Vĩnh trợn trừng mắt nhìn mình, trong tay có con dao mũi nhọn, Nguyệt sợ hãi nhắm nghiền mắt lại.

Lệ vội an ủi bạn :

— Chị đã lo thái quá. Mười năm qua rồi, chắc Vĩnh không còn nhớ tới chuyện cũ đâu.

Nguyệt lắc đầu :

— Không, tôi biết tính Vĩnh lắm. Hắn đã nói là làm. Vì thế tôi mới lo ngại. Bây giờ chỉ còn mong sao khi tàu cập bến Hương-Cảng hắn sẽ xuống thì may mắn cho mình biết mấy. Nếu hắn cũng đi Nhật như chị em mình thì tôi cũng chẳng biết tính làm sao.

Ngày một ngày hai thế nào cũng gặp nhau, nhất là tại phòng ăn.

Lệ căn môi suy nghĩ. Như tìm được giải-pháp mới, nàng mỉm cười gật-gù :

— Hay là ta báo cho vị thuyền trưởng hay câu-chuyện đó. Ông ta sẽ cho nhân-viên tới bảo vệ mình hoặc giữ Vĩnh lại.

— Vô ích. Làm như thế tức là «lạy-ông-tôi-ở-bụi-này». Mà mình lấy cớ gì để yêu cầu ông ta giữ Vĩnh ? Hắn sẽ nói là không quen biết mình thì làm sao ? Như vậy càng làm cho hắn tức giận thêm nữa thì mình thoát đi đâu được. Hắn không hại tôi ở đây, hắn sẽ hại tôi ở đất Nhật chẳng hạn.

— Hay là... à tôi nghĩ ra rồi. Nếu vậy chị cứ ở trong buồng cho tới khi tàu tới Hương-Cảng. Nếu hắn không xuống đó cũng không cần. Trong thời gian chị ở trong buồng, tôi sẽ khai với thuyền-trưởng là chị bị bệnh để họ cho bồi mương đồ ăn vào tận trong buồng ngủ. Như vậy chị khỏi phải lo ngại hắn trông thấy chị nữa. Chị bằng lòng chứ ?

Nguyệt chán nản chép miệng :

— Đành phải tính thế chứ còn

biết thế nào hơn.



Con tàu vẫn phăng-phăng rẽ nước chạy trong đêm tối. Biển lặng, gió im. Đã hai đêm rồi, Nguyệt phải tự giam mình trong căn buồng nhỏ. Lắm lúc nàng muốn ra ngoài để thay đổi không khí nhưng nghĩ tới Vĩnh, nàng lại đành thở dài ở lại.

Tối nay trời lại nóng hơn mọi tối. Sau bữa cơm chiều, Lệ đã lên bong tàu hóng mát. Còn một



mình trong buồng, Nguyệt đành mang truyện ra đọc, cho khuây khỏa. Chiếc quạt máy quay tít nơi góc phòng càng làm cho không-khí ngột-ngạt hơn. Mồ-hôi ướt đầm lưng áo, Nguyệt không thể nào đọc nổi một trang giấy chữ in.

Sau cùng, không thể chịu đựng được nữa, Nguyệt phải lấy chiếc áo khoác để ra ngoài. Nàng nhẹ bước nơi hành lang dẫn lên boong tàu, trong thâm-tâm mong mỗi dừng gặp Vĩnh lúc này, nhưng... nàng đã sững-sốt khi nghe thấy có tiếng người nói chuyện phía trước mặt.

Đúng là tiếng nói của Vĩnh. Tiếng nói trong và to của Vĩnh nàng không thể nào quên được.

Chưa biết tính sao, nàng đã thấy hai người đi tới. Đúng là tiếng nói của Vĩnh. Vĩnh đang đi với một sỹ-quan hàng hải. Thấy Nguyệt đứng trên trời giữa lối đi lại, cả hai cùng im bật, chậm bước lại và chăm-chú nhìn nàng.

Nguyệt lăm lăm trong miệng « Vĩnh đang hăm hăm nhìn ta. Nguy rồi ! »

Mắt nàng nhìn thẳng vào túi quần của Vĩnh. Nàng như thấy

qua làn vải Tergal bàn tay của người đàn ông đang nắm gọn khẩu súng lục. Chỉ cần một cử động nhẹ của ngón tay trở, viên đạn sẽ xuyên qua làn vải túi quần rồi ghim đúng giữa trái tim nàng. Nguyệt cảm thấy tim mình như ngừng đập...

— Chào bà ! Viên sỹ quan vui vẻ chào Nguyệt khi đi ngang qua nàng.

Vĩnh cũng đi sát tới. Kìa, tay hắt đang rút ra khỏi túi quần. Nguyệt thấy chân mình muốn khuỵu xuống, mắt nàng hoa lên. Khuôn mặt của Vĩnh như nhầy múa lung tung trước mắt nàng...

— Chào bà ! Vĩnh nhún vai khi anh đi ngang qua Nguyệt.

Người đàn bà vội tỳ lưng vào lan can tàu cho khỏi ngã. Qua cơn sợ hãi quá độ nàng hoang mang ngơ ngác. Bóng hai người đàn ông đã mất hút nơi cuối tàu.

« Vĩnh đã quên hẳn ta rồi ! » Nguyệt reo thầm.

Sung sướng nàng nhìn ra ngoài biển cả mỉm cười thoải mái. Mấy ngày nay nàng đã sống trong sự hồi hộp lo âu, bây giờ mới được cười. Nguyệt thấy mình như được tái sinh, đời lại tươi

đẹp như trước.

Quay trở về phòng ngủ để thay quần áo cùng trang điểm lại khuôn mặt cho duyên dáng. Nguyệt bước lên boong tàu tìm Lê để kể lại cho cô bạn nghe chuyện may mắn vừa qua.

Tìm mãi mới thấy Lê ngồi một mình trong góc phòng giải khát, mặt dăm chiêu nghĩ ngợi. Trên mặt bàn, hai chai bia và hai cái ly còn vơi nước.

Nguyệt không hiểu Lê mới tiếp chuyện ai nơi đây. Thấy Nguyệt tới nàng không tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy bạn ra ngoài.

— Tôi mới gặp Vĩnh, hẳn không còn nhận được ra tôi Lê ạ, Nguyệt vừa kéo ghế ngồi vừa vui vẻ nói. Làm mấy hôm nay mình lo quá đề chẳng có gì hết.

— Thế à ! Lê thản nhiên đáp.

Dù Nguyệt không nói nàng cũng đã biết chuyện và nàng còn biết rõ hơn cả Nguyệt nữa.

Khuôn mặt đánh thép của Vĩnh như lại hiện ra trước mắt Lê. Giọng nói ngọt ngào vang lên :

« Tôi biết chị là bạn của

Nguyệt nên tôi mới mời chị vào đây uống nước. Chắc Nguyệt cũng có nói cho chị hay về tôi chứ ? Về chuyện cũ tôi khỏi cần phải kể lại cho chị rõ, trước đây tôi vẫn căm thù người đàn bà đó. Tôi đã tự thề rằng, nếu gặp Nguyệt ở đâu tôi sẽ giết ngay không luyến tiếc. Với con người phản bội đó không thề nào tha thứ được. Tôi đã tìm kiếm mãi nhưng không thấy. Một dịp may, tôi đã gặp Nguyệt trên chiếc tàu này. Nhưng lòng căm thù người vợ phản bội đã lấn chìm ngay khi tôi nhìn rõ Nguyệt. Tôi thấy tôi không cần phải trả thù nữa. Chính thời gian đã giúp tôi giết dần mòn Nguyệt.

Giờ đây Nguyệt đâu có phải là Nguyệt xinh đẹp của 10 năm về trước. Thù hận làm gì nữa con người mà sắc đẹp đã về chiều. Chị thử nghĩ xem, người đàn bà chỉ đẹp có một thời, thời huy hoàng lộng lẫy, còn sau đó... chỉ là vang bóng ».

« Người đàn bà chỉ đẹp có một thời, còn sau đó chỉ là vang bóng », Lê nói thầm.

Nguyệt ngạc nhiên ngừng mặt hỏi bạn :

— Chị vừa nói gì thế ?

— À không, tôi vừa hỏi chị tại sao Vĩnh lại không nhận được ra chị ?



★ Thuận vợ, thuận chồng

Chàng với nàng thơ từ qua lại yêu nhau lắm, trước khi lấy nhau. Nhưng về ở chung được 3 tháng thì cãi nhau cả ngày, nàng chửi chàng, chàng mắng nàng, đập đổ chén bát lung tung, cả xóm ai cũng khó chịu. Bỗng suốt 3 năm liền tiếp trong gia-đình thuận hòa, êm-thắm, không có tiếng ồn ào. Người bạn gái của nàng ngạc nhiên hỏi lý do, nàng bảo :

— *Phải, từ ba năm nay, hẳn làm gì mặc hắt, tôi làm gì mặc tôi, tôi không thêm nói chuyện với hắt nữa đâu !*

THANH-LIÊN
(Mỹ-Thơ)

các nhà Tỷ-phú

trên Thế-giới hiện nay

(Tiếp theo P.T. 38)

DETERDING, NÃ - PHÁ - LUÂN DẦU LỬA VÔ HÌNH

TU Y nhiên, người ta không thể nào hiểu đường lối chính-trị quốc-tế trong nửa thế kỷ vừa qua, nếu người ta chưa tìm biết rõ được cuộc đời Deterding, nhà tỷ phú dầu lửa.

Ngày 1 tháng giêng năm 1939, Sir Henry Deterding tạ-thế tại Saint-Moritz (Thụy-sĩ). Thi-hài ông được chôn ngay về Đức, và một đám táng vô cùng trọng-thể được cử-hành trước sự có mặt của các nhà tai mắt Đức Quốc-Xã, trong đó có cả

Thống-chế Goering. Viên quản-trị ngân hàng Deutsche, phó chủ-tịch quốc-hội Đức đứng đọc diếu văn. Cổ quan tài bằng chì của ông do chính tay 6 nhân viên trọng yếu Đảng Quốc-Xã hạ huyệt, trong khi đó, các tai to mặt lớn hiện-diện kính cẩn do tay phải lên chào. Tờ "Hamburger Fremdenblatt" ngày 6 tháng 2 năm 1939 đã viết về Deterding như sau :

« Ông đã hành động một cách đầy hiểu biết, trước đường lối chỉ huy sáng suốt của Quốc Trưởng Hitler. Ông luôn luôn chứng tỏ mỗi cảm tình nồng nhiệt của mình đối với nước Đức mới. Năm 1937, ông đã

dành cho ta quyền xử dụng món tiền 10 triệu đồng Florins » (tiền Hòa-Lan)... (1)

Lời-lẽ ca tụng của tờ báo nói trên cho ta thấy, nếu đám ma Deterding được nước Đức cử hành như một quốc-táng thì cũng không có gì là lạ.

Trong khi ấy, ở Pháp, một tờ báo chuyên về vấn đề tài chánh đã làm lễ táng Deterding bằng câu sau đây :

« Một trong những điển-hình của nền tư bản kiến tạo sự sản đã biến theo Deterding » (2)

Tại Anh, báo chí có vẻ dè dặt hơn :

« Con người đã từng nhận danh-tước của vua Edouard VII (1841 - 1910) ấy, cổ chủ-tịch công-ty Royal Dutch, chỉ là một tên lính hàng dịch. Căn cứ tài sản của ông ta không còn phải là Luân-Đôn nữa. Ông đã làm phép cưới lần thứ ba với 1 cô gái Đức, mà ảnh hưởng của người vợ này trong quãng tuổi già của ông đã làm cho Bộ Ngoại-giao Anh thắc mắc không ít. Nhưng, chính cũng nhờ đó mới cho Anh Quốc có cơ hội tiếp xúc với Đức, sự tiếp xúc mà báo chí không được mời. Người ta không thể định chắc vai trò

của Deterding trong Hội-Nghị Munich (cuộc Hội-Nghị các quốc trưởng Anh, Pháp, Đức, Ý năm 1938 để ký kết một thỏa ước có lợi cho Đức, buộc Tchecoslovaquie phải nhượng lại phần đất Sudètes của xứ này cho Hitler, phần đất có đông người Đức trú ngụ). Chỉ được biết chắc chắn rằng Deterding có gặp Thủ-Tướng Anh Chamberlain và đã tiếp tay với ông để cho Đệ nhất công dân Anh Quốc đến gặp Hitler tại Godesberg vào tháng 9 năm 1938. »

Báo chí Anh lại còn thích đề-cập đến một cuộc chống Nga sau đây của Deterding :

« Trong khi sống với người vợ thứ hai, 1 bà vợ ly-dị của Đại-Tướng Bragratanni và là con gái Đại-Tướng Koudayaroff tên là Lydia Paolavna, bà này đã gây ảnh hưởng không nhỏ trước mỗi tình nhục dục của con người lưỡng tuổi ấy. Chính bởi đó mà Deterding đã từng đứng ra khỏi xương cuộc chống đối

(1) (2) Đoạn trích mượn của Raymond A. Dior trong « Dầu lửa và chiến tranh » (1939).

Nga xô. (Deterding · phu-nhân thuộc người Nga Trắng tức là xứ Biélorussie, 1 quốc gia hội viên của Liên bang Nga xô, ở gần Pologne).

Một ký giả tờ báo « Life », trong dịp đi làm phóng sự ở Berlin năm 1937 đã tả ông như sau :

« Ông có cái đầu hói và tròn như viên bi, ria ngắn mà bạc, tra ngậm chiếc ống vớ bằng đất nung. Thú thật, trong thời kỳ đó nhìn bóng dáng con người ấy tôi chỉ có một cảm giác mơ hồ. Cũng như tất cả các bạn đồng thời tôi không hề hay biết 1 tí gì về cuộc đời ông ta cả. Chỉ có sau khi ông chết đi, mọi công cuộc mạo hiểm, mọi kế-hoạch của ông mới bị phơi bày ra ánh sáng.

Deterding trước kia chỉ là một chuyên viên bút toán cho một công-ty Hòa-Lan Nam-Dương. Nhưng chẳng bao lâu, với cha con Kessler, ông đã nghiêm nhiên trở thành Giám Đốc Công Ty Royal Dutch. Khi đó ông bèn vận động ngay để cho công Ty Hòa-Lan lại gần với Anh Quốc. Năm 1903 công Ty Royal của ông bắt đầu chú trọng đến nguồn lợi dầu hỏa, một nguồn

lợi trước kia vẫn nằm trong tay các họ Montacheff, Tzatoureff, Rotchschild và Nobel. Sau cuộc cách mạng Nga năm 1918, Deterding nhận thấy đến lúc cần phải chiếm cứ các giếng dầu lửa Nga ở Bakou (vùng đất ở giữa 2 con sông Oural và Volga, thuộc Bachkirie). Có hai thủ-đoạn được nêu ra : thương-lượng với nhân dân Xô Viết, là cốt để chờ xem câu chuyện sẽ đi về đâu ; tuy vậy, bề trong, ông vẫn mua lại với giá thật hạ những quyền sở-hữu của mấy địa chủ cũ đã từng bị tước đoạt tài sản Công ty Standard của Mỹ, phía bên họ, cũng có mua lại một số nhượng-địa. Nhân-dân Xô Viết lúc đó, sẵn sàng bán lại thặng số sản xuất của mình cho người trả giá cao nhất và không muốn loại nhóm họ mà lợi cho nhóm kia. Deterding bèn chơi lối hàng hai : Ông đánh một ván bài. Ông vơ vét tất cả những quyền sở-hữu cũ và tin rằng sự sụp đổ trong tương lai của nhân dân Xô-Viết, sẽ biến ván bài này thành 1 vé số độc đắc cho ông, nhất là khi nhóm bảo hoàng phục hưng lên được. Nhưng ông vẫn bí mật thương-lượng với Krassine ở Luân Đôn,

ký kết một dự thảo hợp đồng, cho phép công Ty Shell được độc quyền chuyên chở, mua và xuất cảng dầu lửa Nga Xô. Ông Lloyd George (làm bộ trưởng quân bị Anh hồi đại chiến thứ I) hứa nhìn nhận sự kiện này trên mặt pháp lý.

Kịp đến khi có Hội Nghị Genève (tại Ý hồi tháng 5 năm 1922) nhân dân Nga được khắp nơi o bế mới cảm thấy rằng kết hợp với Công Ty Royal sẽ là 1 mối nguy, bèn tiết lộ công khai dự án hợp đồng do người của họ là Đại tá Boyle đã ký kết với Deterding. Vừa hay tin đó, các tàu dầu khắp nơi chạy lại. Các nhà ngoại-giao Mỹ sửa soạn cuộc phản kháng ; nước Pháp cử Laurent - Eynac tới. Đứng trước sự phản nộ ấy, hợp đồng chính thức của Deterding không được ký-kết. Bắt đầu từ lúc đó, trò chơi hàng hai của Deterding trở thành hàng ba, hàng tư. Ông phải, 1 mặt săn sóc, điều khiển sự liên kết của những địa chủ cũ, mặt khác, lập ra các liên-hiệp riêng biệt của mình. Ông cấp dưỡng, sửa soạn những cuộc tấn công chống Liên Bang Xô Viết như : Nàng đỡ người Nga Trắng,

vận động gây mâu thuẫn giữa các nước Anh, Pháp với Nga-xô. (Ông ta có một người phục-vụ đặc lực là Đại tướng Mac Donogh, xưa kia thuộc cấp chỉ huy của xô gián-điệp Anh). Đồng thời, ông vẫn bất liên lạc với các nhân viên Chánh phủ Nga, với hy-vọng chiếm bằng bất cứ cách nào, độc quyền một số lớn dầu lửa xuất cảng của Nga.

Năm 1939, Raymond A. Dior đã viết về chiến tranh và dầu lửa, mà sau đây là 1 đoạn trích :

« Không thể nào mở xê trong vài giòng cái chiến thuật vĩ đại ấy. Ta chỉ kể ra đây một vài sự việc nổi bật nhất đã gây ra các trận tiêu chiến liêu linh :

Một nguy tạo ?

Bức thư giả mạo của Zinoviév đã làm cho nội các Mac Donald (Thủ Tướng Anh) bị lật đổ !

Một lối trừng phạt tầm thường ?

Nhân viên gián điệp Anh, ở ngay trong lòng Hăng Royal Dutch, đã đồng ý với các đồng nghiệp bên ngoài tru-liệu những kế hoạch để lục soát các văn phòng của đại diện thương mại Nga tại Luân Đôn « Arcs ».

Do đó, liên lạc với Sô Viết bị cắt đứt !

Một thánh kinh ?

Đó là « cuộc chiến đấu của tôi ». (Mein kampf, tên cuốn sách của Adolf Hitler viết năm 1924-25, trong đó nhà độc tài định hướng chính-trị trong và ngoài, để đưa Đức Quốc lên đường phục-hưng) : Nếu nước Đức muốn xâm chiếm đất mới ở Âu-châu, thì điều đó chỉ có thể nhắm vào nước Nga thôi. Ta có thể quyết định 1 cuộc di-cư mới của dân Đức chỉ với người Anh !

Đúng ra, công ty Royal là nước Anh, mà nước Anh là nền tư bản cừ địch của chủ nghĩa Mac-xít. Hơn nữa, Deterding mệnh phụ phu nhân lại là người Nga trắng ; nước Nga của người Sô Viết chiếm giữ các mỏ dầu lửa mệnh mông. Cần phải thông đồng với các ông chủ tương lai của Nga Sô để chiếm lấy các quyền sở hữu này hầu kiểm soát những giếng dầu. Muốn như vậy, cần phải thành lập một khối chống cộng với sự hợp tác của Pháp và Huê Kỳ.

Một điểm đặc biệt nhất trong

lịch-sử là đôi khi Công ty Standard của Mỹ cũng đã cùng Công Ty Royal chống lại Nga Sô Viết. Nếu với các công-ty khác, có lẽ Standard đã xé rào ký tay đôi ngay với Nga để tưới ngập thị-trường quốc-tế, toàn dầu lửa Sô Viết dưới nhãn hiệu công ty này.

Khi có hòa ước Rapallo (ký ngày 12-11-1920 giữa Ý và Yougoslavie để giải quyết vấn đề thuộc 2 cảng Zara, và Fiume) thì Đức-Nga lại liên-kết. Nhân viên an ninh đôi bên trao đổi tin tức. Ngay lúc đó, người ta rất thắc mắc về một vụ làm giấy bạc giả ở Nga. Người ta cố điều tra để tìm ra manh mối thì một sự tình cờ nhà hữu trách Nga sô bắt được một nhóm người Géorgie (nước hội-viên Liên Bang Sô Viết) thủ phạm vụ này. Nhóm này đã hoạt động dưới sự cổ vũ của một viên bác sĩ tên là Bell (sau này bị ám sát). Họ thuộc phe bảo hoàng Nga. Điều khôi hài nhất là chính Deterding đã lòn bàn tay bí mật vào đây. Nhờ cuộc tranh biện sôi nổi của vụ án bạc giả này người ta mới khám phá ra sự thật.

Các quốc gia, các công ty liệu có mua dầu lửa Nga không ? Liên minh quốc tế các công ty dầu lửa Nga sô, được Deterding xúi dục, cho họ biết rằng một khi các cựu-địa-chủ, sở hữu những phần đất có mỏ dầu bị thiệt hại thì rất có thể những dầu lửa chứa trên các tàu dầu bị đòi lại để bồi thường các tổn hại đó.

Làm tiền, vận động, áp-lực, chiến dịch báo chí, âm mưu, tất cả đều lung lay hết. Trường hợp có xảy ra như thế ấy cũng không cấm công ty Royal tham dự một hợp đồng bí mật ký kết giữa Standard và Nga sô.

Tóm lại, Deterding tính thực hiện một cuộc liên kết toàn diện chống Liên Bang Sô Viết, nhưng vì thiếu sáng suốt, vì những

phương pháp quá mức và cũng vì sự thay đổi hướng nhìn của Anh đối với Liên Xô, đã đưa Deterding đến chỗ rủi ro.

Một điểm đáng chú ý là ngay cả lúc đang chống Nga, Deterding vẫn luôn luôn sẵn sàng ký kết với Nga những hợp đồng có lợi, và có lắm lúc còn đang công khai liên kết với Nga, Deterding vẫn bí mật gây các phong trào chống chánh phủ này. Thật là thiên biến vạn hóa ! Được mệnh danh là « Nã - Phá - Luân dầu-lửa vô hình » thiết tưởng không phải là không xứng đáng vậy !

Kỳ sau : *Bunau-Varilla* :
« chiếc ghế bành của tôi bằng 3 ngai vàng ».



★ DANH NGÔN

Khiêm-nhường là một lối kiêu-hãnh ít làm cho người ta khó chịu hơn.

(La modestie, c'est le genre d'orgueil qui déplaît le moins)

JULES RENARD
(Văn sĩ Pháp)

M U A S A I G O N

« Gởi về hai em Hạnh — Hảo »
— H.H.T. —

Saigon chiều ni mưa
Mưa nhiều không thề tả
Saigon chiều ni mưa
Không đi mô được cả.

Ngồi mơ về xứ Huế
Nhớ Hạnh-Hảo mến thương
Nhịp Trường-tiền còn trắng?
Sân trường, phượng đỏ vương?

Bến-Ngự chiều tím chưa?
Hương-giang vẫn lặng-lờ?
Sông hồ thao thức nhé
Trắng chuyện nhớ ngày xưa

Huế chữ nắng hay mưa
Buồn vui nhịp sống vừa?
Dặm đường loang nắng đỏ
Hay sáng trắng vườn chùa?

Áo trắng còn dề mê
Ôm ấp mái tóc thề?
Mắt nhung còn bờ ngõ
Lưu-luyến dặm đường về?

Vành nón nên thơ cũ
Còn nghiêngg mái tóc mơ
Chừ xa, lòng thăm nhủ
Nhớ Huế không phai mờ!

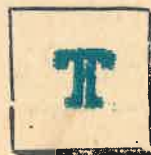
Hen mai về sẽ kẻ
Saigon những chiều mưa
Mắt nhung đẹp màu nhớ
Thương em mấy cho vừa.

HOÀNG-HƯƠNG-TRANG

LỊCH-SỬ



ĐỒNG TIỀN



A thường nghe
nói về « ĐỒNG
TIỀN », nhưng
ở thế-hệ ngày nay
ít ai biết hình

dạng nó trên các thị trường;
hoặc giả thấy nó nằm gọn trong
những trần-liệt-phẩm ở Viện bảo-
tàng hay trong tủ kính của các
nhà khảo-cổ sưu-tập tiền xưa.

Những câu tục-ngữ, ca-dao
nhắc đến « đồng tiền » cũng khá
nhiều... Hầu hết là những câu
mô tả thế-lực đồng tiền, cùng ảnh
hưởng của nó trong đời sống tinh
thần và vật chất của dân chúng.
Đại loại như những câu:

● Đồng tiền liền khúc ruột
Sao lại có đồng tiền liền khúc
ruột? Các nhà y học không khỏi
thắc mắc muốn giải phẫu người
ta ra mà xem đồng tiền ở trong

bụng mà ngờ nó là một thứ vi
trùng nào mới hay một loại sản
lãi chẳng! Sự thực câu ấy có
nghĩa bóng là đồng tiền gây được
sự thông cảm dễ-dàng của
con người.

● Có tiền, Tiên cũng mua.
● Có tiền mua Tiên cũng được.
● Khôn như Tiên, không tiền
cũng đại
● Đồng tiền đi trước là đồng
tiền khôn,
Đồng tiền đi sau là đồng tiền
đại.

● Hạt tiêu nó bé nó cay,
Đồng tiền nó bé, nó hay cửa
quyền.

● Đồng tiền không phẫn, không
hờ,

Đồng tiền khéo diêm, khéo tô
mặt người.

● Tiền chính đồ lần tiền chì,
Ở trong khăn gói đồ gì?... hời
anh!

9.0...

Thực ra, đồng tiền chỉ là một lợi-khí làm trung-gian trong các việc trao đổi những hàng-hóa hoặc phẩm-vật của một nước. Nó xác-dịnh giá-trị các đồ vật và vì thế người ta coi nó như cái « giá-trị-biểu », và đã được tất cả các tầng lớp xã-hội cổ-kim công-nhận và tiêu dùng trong các việc giao-dịch.

Thế nên đồng tiền đã được dùng làm tiêu-chuẩn chung gọi là ĐƠN VỊ TIỀN TỆ mà mỗi quốc-gia dùng một danh-từ riêng khác nhau để gọi...

Nước Việt Nam từ ngàn xưa đã dùng đến « Đồng tiền ». Nếu đúc bằng kẽm thì gọi là « TIỀN KẼM », đúc bằng đồng, gọi là « TIỀN ĐỒNG » và cũng gọi là « TIỀN CHINH ». Việt Nam không có tiền đúc bằng bạc, chỉ có những đinh bạc hay nén bạc mà thôi. Khi người Pháp đến mới có ĐỒNG BẠC, nó cũng như một đồng tiền của ta, nhưng đúc bằng bạc và không có lỗ giữa

Từ đời Gia-Long (1802-1819) có đúc rất nhiều tiền bằng kẽm hơn hết, để lưu hành khắp từ Trung ra Bắc, từ Thanh-hóa trở vô thì có rất nhiều tiền Chinh.

Ta cũng có tiền tệ bằng vàng và bạc nhưng đúc thành những thoi nhỏ gọi là « NÉN », « THOI » hay « ĐÍNH », được lưu hành và thông dụng đến đời Thiệu-Trị (1848).

Trị-giá trung-bình từ thời Gia-Long :

1 lượng vàng ăn 10 lượng bạc,

1 nén bạc ăn 1 lượng vàng,

1 thoi (5 lượng) tức đơn - vị nửa nén,

1 đinh bạc (tức 1/10 nén) ăn 100 đồng tiền đồng (tức 1 quan : 600 đồng tiền kẽm) ;

1 đồng tiền chinh ăn 6 đồng tiền kẽm.

10 đồng chinh : 60 đồng kẽm là 1 « tiền ».

10 tiền (100 đồng chinh là 1 quan : 600 đồng tiền kẽm).

Nước ta có ĐỒNG BẠC từ hồi người Pháp sang.

Năm quý - vị (1883) họ tải sang những đồng bạc (piastre mexicaine) mà ta gọi là BẠC CON CỎ. Hồi năm 1886 đồng bạc này đổi lấy 8 quan tiền kẽm của ta, sang 1898 thì xuống còn có 6 quan.

Sử (1) còn chép rằng đời chúa

(1) Bulletin des Amis du vieux Huế, số 1 trang 272-278, 1918. Nhật ký của P. Poivre.

VÕ - VƯƠNG NGUYỄN - PHÚC-KHOÁT ở Thuận - hóa (Huế) đã có một thương - gia người Pháp tên PIERRE POIVRE (1719-1786) lần mò tới cửa Hàn (Đà-Nẵng) rồi « lợi bộ » đến Phú-Xuân trên con đường ngoài 100 cây số, kiếm cách lừa lột đồ đệ cạnh quan Tả ngoại là cụ lớn TRƯƠNG-PHÚC-LOAN để xin phép chúa Nguyễn lưu - hành loại bạc mới, tức « ĐỒNG BẠC CON CỎ » tại xứ Đường Trong, khu vực của Chúa (1) Trong lúc này, Võ-Vương cũng đã có đúc tiền rồi, là đồng « THIÊN - MINH THÔNG BẢO ». Nhờ có cụ lớn « râu vô râu ra » cho nên được Võ Vương chuẩn tấu, nhưng với điều kiện là phải để cho Triều đình khắc chữ định giá tiêu xài vào những đồng bạc mới này, và giao phó cho cụ lớn Trương phụ-trách. Nhưng số bạc thì nhiều mà thợ trong hoàng-thành thì có ít nên lại phải phân công giao cho phụ-thuộc các Ty coi sóc... thành thử công việc thì hành bị chậm trễ lâu ngày.

Đến khi đem những đồng bạc « con cỏ » này ra tiêu xài thì từ quan đến dân, ai cũng lắc đầu,

không chịu tiêu nhận. Muốn gây chút cảm tình với P. Poivre, quan tả ngoại cũng muốn tự mình làm gương mẫu cho dân-gian, cụ lớn bảo đổi 3.000 quan tiền lấy thứ bạc mới. Theo Poivre thuật trong tập nhật ký của y rằng trong khi cần dùng tiền để mua bán thì cụ lớn Trương chỉ nói là đổi thôi, chứ không đưa tiền mặt, sau các nhà buôn đem bạc con cỏ vào dinh cụ lớn để đổi ra tiền ta thì cụ lớn nói « mệt » không tiếp...

Sau người Pháp lại đưa sang đồng bạc khác có giá trị hơn, chuẩn-độ (titre) 0.900, nghĩa là có 900 phần bạc nguyên-chất, nặng 27gr. Với những đồng nhỏ 0\$, 50, nặng 13 gr, 5, 0\$, 20 nặng 6gr 5 và 0\$, 10 nặng 3 gr 325 mà ta thường gọi 5 CẮC, 2 CẮC và 1 CẮC hoặc 5 HÀO, 2 HÀO và 1 HÀO ; rồi đến những ước số nhỏ nữa là một thứ tiền đúc hồi năm 1879 có những chữ : 大法國之安南 (Đại Pháp Quốc chi An-Nam) và những giòng chữ « Indochine Française 1879 » cùng những giòng khác nữa : « Cochinchine Fr. » hoặc « Protectorat du Tonkin » cũng như những đồng tiền kẽm hay đồng chinh của Nam

triều dúc.

Đến năm 1890, người Pháp lại đúc ra hai loại ĐỒNG XU: một thứ hơi lớn tức XU BẮN không có lỗ, một mặt có tượng hình «Hoa Xòe» như ta thấy ở trên mặt những đồng bạc nói trên, mặt trái có chữ 百 分 之一 và 1 C. nghĩa là 1 centime, $1/100$ của đồng bạc; đồng xu có lỗ thì nhỏ hơn, nên người ta thường gọi XU NHỎ. Theo giá bạc thời bấy giờ thì một đồng bạc (1\$) ăn 17 quan tiền Tây tức ĐỒNG PHẬT LĂNG hay đồng tiền quan (*franc*).



Các dân tộc trên Thế-giới từ đời Thượng-cổ, trước khi đúc ra các thứ tiền tệ để tiêu dùng đã biết lấy một vài thứ thô-sản trong mỗi địa phương dùng làm tiền để trao đổi. Như Tây-Tạng lấy bánh trà, Tây Phi Châu lấy con trầu (củ) và cũng có nơi lấy cả đến vỏ sò, vỏ hến hoặc lúa gạo để làm tiền, rồi sau này mỗi ngày một văn minh, các dân tộc đã biết lấy các loại kim như chì, kẽm, sắt, thiếc, đồng, cùng mấy loại kim hiếm và quý giá như bạc và vàng mà đúc làm tiền.

Từ đời PHỤC HY (2852 trước T. L.) và THẦN NÔNG (2737 trước T. L.) rồi đến Vua Hoàng-đế (2697-2597 trước) dân tộc Trung-quốc đã văn minh sớm hơn, chế ra những tiền tệ coi như hình con dao tức dao tiền. Đến đời ĐẾ THUẦN (2205 trước T. L.) cũng còn hình lưỡi dao và đỉnh hình tròn có lỗ vuông ở giữa, sau đến đời vua THÁI NGUYÊN nhà Tấn (sau T. L. năm 376), mới thấy có loại tiền tròn có lỗ vuông ở giữa và chung quanh có 4 chữ tượng hình.

Sau này đến đầu nhà Đường (713-747 sau T. L.) Vua HUYỀN TÔN mới bắt đầu đúc những đồng tiền đầu tiên bằng đồng, gọi là ĐỒNG TIỀN (銅錢) nghĩa là tiền bằng đồng. Thứ tiền này hình tròn, giữa có lỗ vuông, chung quanh có 4 chữ niên hiệu hay hoàng hiệu của nhà Vua, với đường kính từ 20 đến 25 m/m và mỏng độ chừng 1 m/m. Từ năm này, nhà Đường luôn luôn đúc tiền với một niên hiệu duy nhất là « khai nguyên », đến năm giáp thân (864) CAO-BIÊN sang đất Giao châu cũng tài sang khá nhiều loại tiền này

lưu hành trên lãnh thổ Giao - chi.

Đến thời Nước ta tự-chủ, từ nhà Đinh, vua ĐINH - TIỀN - HOÀNG (968-980) bắt đầu cho đúc tiền trước hơn hết ở Đại cồ Việt là đồng tiền THÁI BÌNH THÔNG BẢO, kể đến Vua LÊ ĐẠI HÀNH tức Lê-Hoàn, đúc đồng THIÊN PHÚC THÔNG BẢO.

Sang đến đời nhà Lý, THÁI TỎ là Lý công Uẩn cũng vẫn tiếp tục đúc tiền, từ đồng THUẬN - THIÊN (1010-1028) đến đồng ĐẠI ĐINH (1040-1062).

Sau đến đời LÝ - CHIÊU - HOÀNG (1225) thì không thấy sử nói đến việc đúc tiền...

Nhưng sang đến nhà Trần, cuối đời vua THÁI TÔN (1225-1258) thì lại thấy có đúc đồng NGUYÊN PHONG. Sau đây gần 60 năm đến đời vua MINH-TÔN (1315-1329) trong nước hết cả đồng để đúc tiền nên lại phải bắt buộc người Chiêm Thành mà đúc TIÊN BẰNG THIẾC.

Ba mươi năm sau, đến đời vua Thuận Đế, HỒ-QUÝ-LY làm thái-sư phụ-chánh, thì không đúc tiền nữa nhưng Quý-Ly cho

phát-hành ra một thứ GIẤY-TIỀN gọi là THÔNG BẢO HỘI SAO, bắt buộc nhân-dân trong nước phải tiêu dùng và những giấy tiền ấy liệt kê như sau:

Giấy 10 đồng tiền vẽ cây rong bèo,

Giấy 30 đồng tiền vẽ sóng nước, giấy 60 đồng (tức 1 tiền) vẽ con Rùa, giấy 120 đồng (tức 2 tiền) vẽ con kỳ lân, giấy 300 đồng (tức 5 tiền) vẽ con phượng-hoàng, giấy 1 quan, vẽ con Rồng.

Ngoài ra Quý Ly lại hạ lệnh cho nhân-dân: « ai có nhiều ít tiền đồng phải đem góp vào kho của nhà Vua mà đổi lấy tiền giấy kia về mà tiêu dùng, nghiêm - cấm không ai được cất giấu hay tích-trữ tiền đồng và lại ban hành một chỉ dụ riêng xử tử những kẻ làm giấy tiền giả, còn những người có tiền đồng không chịu nộp vào kho hoặc cất giấu tiền đồng thì cũng đồng tội ».

Từ đây, những tiền đồng hoặc các đồ đồng trong nước không ai có nữa.

Đến tháng 2 năm Canh-Thìn (1400) Quý-Ly phế bỏ Thiệu-Đế

(thái-tử Ân), cướp ngôi nhà Trần và rồi cũng đúc tiền mới nữa tức đồng tiền THÁNH NGUYÊN THÔNG BẢO đời nhà Hồ (1400).

ĐẾN đời vua LÊ-THÁI TÔ (Lê-Lợi) (1418-1433) lên trị vì, thì lại nhằm vào lúc trong nước Đại-Việt có bao nhiêu đồng đã hết cả trong mấy đời vua trước nên Thái-Tô lại phải cho khai thác tất cả các mỏ đồng trong nước để lấy nguyên-liệu đúc tiền.

Đồng tiền đầu tiên của triều vua Lê-Lợi là đồng THUẬN-THIỆN vào khoảng năm 1431-1433 (1) rồi đến đồng THIỆU BÌNH khoảng 1434 - 1439. Sang đời LÊ-THÁI-TÔN, đúc đồng QUANG THUẬN vào khoảng 1460-1469 và vua LÊ-THÁNH-TÔN đúc đồng HỒNG ĐỨC (1470-1479) và từ đây về sau đến hết nhà Lê, trong nước vẫn có đủ đồng để đúc tiền.

Sang đời nhà Mạc (1527-1593) cũng vẫn tiếp tục đúc tiền và cho ra ba loạt là đồng ĐẠI-CHÍNH 1530-1546, QUẢNG HÒA 1541-

1546 và VĨNH-ĐỊNH trong đời Mạc - phúc - Nguyên vào năm Kỷ dậu (1549), Loạt tiền này không phải đúc bằng kẽm hay bằng đồng, mà là đúc bằng thiếc pha sắt.

Đến đời MẠC KÍNH-CUNG (1593-1618) chạy lên Cao-bằng lại cũng đúc thêm đồng tiền KIẾN-THÔNG THÔNG BẢO nữa.

Sang đến nhà hậu-Lê - trung-Hưng, khoảng năm 1533-1543, vua TRANG TÔN cho đúc đồng tiền NGUYỄN-HÒA, kế đến vua THẾ-TÔN đúc đồng GIA-THÁI khoảng 1574-1577, rồi đến năm kỷ-hợi (1599), chúa TRỊNH TÙNG tự xưng là Bình-an-Vương cũng cho đúc ra đồng tiền BÌNH-AN THÔNG-BẢO.

Đời vua LÊ-THẦN-TÔN (1658-1661), đúc đồng VĨNH-THỌ; vua HY-TÔN đồng VĨNH-TRỊ (1676 - 1680) và CHÍNH-HÒA (1681-1705) và

(1) Thái-Tô cũng có đúc tiền bằng đồng và lại còn đúc với một thứ hợp kim đồng khác chuẩn-độ kém, nghĩa là đồng pha với chì và cát.

vua DỤ TÔN đúc 2 đồng VĨNH - THỊNH (1706-1719) và BẢO - THÁI (1721-1729).

Trong thời hậu Lê-trung-Hưng, đời vua nào cũng có đúc tiền mà trong nước cũng còn tiêu dùng nhiều tiền HỒNG-ĐỨC đời nhà Lê trước. Từ Đàng-Ngoài (miền Bắc) cũng như Đàng-Trong (miền Trung) nhân dân tiêu dùng bằng tiền kẽm hết, đồng thời trong xứ miền Nam có một thứ đồng bạc mà người Tây-phương gọi là «tontenague» hoặc «Packfung» của những Hoa kiều đưa tới để buôn bán. Thứ bạc này có 55 phần đồng, 23 phần kẽm, 17 phần sắt, 3 phần sắc và 2 phần thiếc, coi đồng bạc cũng có sắc trắng giống màu sắc của bạc. Vì hồi bấy giờ bên Trung-quốc có lệnh nghiêm cấm không cho xuất cảng những loại tiền đồng nên các thương-gia Tàu tải những đồng bạc kia đến buôn bán và đôi lúc lấy tiền đồng của ta lên đem về nước họ. Trước khi chưa có loại bạc này giao dịch trong các thị trường của ta thì 1 nén vàng đáng giá 120 đến 130 quan tiền rồi thỉnh linh vọt lên đến 230 240 quan. Các hàng hóa và sản-

phẩm khác trên thị-trường cũng theo đà ấy mà lên giá.

Rồi nhằm khi quân TÂY-SON nổi lên, NGUYỄN-VĂN-NHẠC ở Qui-Nhơn đúc tiền THÁI-ĐỨC vào khoảng năm 1778-1787; NGUYỄN-VĂN-HUỆ ở Phú-Xuân đúc đồng QUANG TRUNG (1787-1791) và QUANG TOÀN cũng lại đúc thêm đồng CẢNH-THỊNH khoảng năm 1792-1800.

Trong đời LÊ-CẢNH-HƯNG (1740-1786), nhà Vua cũng có cho đúc ra rất nhiều loại tiền khác nhau, phần nhiều những tiền các triều-đại khác đúc ra thì mặt phải có 2 chữ: THÔNG-BẢO nhưng tiền «Cảnh-hưng» thì khác hẳn, với những chữ «toàn bảo», «trọng bảo», «vĩnh bảo», «đại bảo», «chí bảo», hoặc «trùng bảo», còn các triều vua khác thì thường đề chữ «Thông bảo» như «Hồng Đức thông bảo», «Thuận thiên thông bảo», vân vân... Còn mặt trái thì có chữ «son tây» nghĩa là đúc ở trấn «son-tây» nếu là chữ «kính», hay chữ «Trung» thì nghĩa là đúc tại kinh đô (là Hà-nội cả).

Từ ngày nhà Hậu-Lê trung hưng lên rồi, đời vua nào cũng vẫn có đúc tiền để dân-gian tiêu-xài nhưng trong nước vẫn còn lưu-hành rất nhiều đồng tiền « Hồng-Đức » đời Lê trước.

Thời bấy giờ trong nước ta trấn nào cũng có sở đúc tiền nhưng vì lý-do có nhiều những sự nhúng lạm nên đến năm Quý-dậu (1753) chúa Trịnh Doanh bãi bỏ hẳn các sở đúc tiền ở các trấn và chỉ để 2 sở ở gần đất kinh-đô mà thôi.

Đến năm Bính thân (1776) đời vua LÊ - CẢNH - HƯNG thứ 37, sau khi quân Trịnh đã chiếm được hết đất Thanh-hóa rồi, lại mở lò đúc tiền ở Thuận-hóa và đúc ra 3 vạn quan tiền CẢNH HƯNG nữa. Hồi đó có câu ca-dao :

*Mẹ em tham thúng xôi dền,
Tham con lợn béo, tham tiền
Cảnh-Hưng.*

Đến đời Lê-mạt, vua CHIÊU THỐNG (1787-1780), lại còn cũng có đúc tiền, tức đồng tiền CHIÊU THỐNG THÔNG-BẢO, mặt phải, có 4 chữ trên, còn mặt trái có một chữ CHÍNH, có ý để phân biệt

với những đồng « Thái - Đức », « Quang - Trung » và « Cảnh - Thịnh » của nhà Tây sơn đúc từ Mậu-Tuất (1778) coi là tiền giả.

Từ đời GIA LONG (1802-1819) về sau, đã đúc ra rất nhiều tiền bằng kẽm để tiêu dùng từ Trung ra Bắc nhưng từ Thanh-Nghệ trở vô thì lại xài tiền đồng mà ta quen gọi là « tiền chính » hoặc « đồng chính »...

Tại sao lại gọi những đồng tiền đồng là « tiền chính » hoặc « đồng chính » ?

Cũng có nhiều thuyết cho rằng là vì thời Gia-long có chỉ dụ cấm thần dân không được tiêu dùng loại tiền của « Ngụy » là những đồng tiền Tây sơn đúc, đã nói trên và phải xài đồng « Chiêu thống » có chữ « chính » mới là tiền thật hợp-pháp, thế rồi sau chữ « chính » rất có thể trại ra « chính », và còn thuyết nữa, cho rằng là thời xưa. Triều đình ta có những nha và ty thuế-vụ, có những sở « chính thu » hoặc « chính thuế » là những cơ-quan thu góp thuế cho nhà nước và chỉ thu các loại tiền đồng mà thôi thì cũng có lẽ là tiền đem đóng thuế phải là tiền đồng, tiền ấy là tiền

« chính » thì cũng có lẽ lắm, vậy cũng xin chắt chính cùng các bậc đàn anh !

Từ đời Gia-Long về sau, đến đời MINH MẠNG, THIẾU-TRỊ, TỰ ĐỨC đời nào cũng có đúc ra rất nhiều tiền kẽm và tiền đồng hay tiền chính, riêng trong thời Tự Đức, triều đình giao cho những hoa-kiểu dấu-thầu đúc nên sau tiền đúc ra nhiều khi nhỏ hơn hoặc nhẹ hơn những đồng tiền pháp-định và ngoài ra bị họ pha nhiều các loại kim khác vào nên mất cả trị giá đồng tiền.

Cũng trong đời vua Tự-Đức (1848-1882) lại còn đúc ra loại bạc nén và đồng TỰ ĐỨC BẢO SAO trong năm Tân-dậu (1861), trị giá 50 đồng tiền kẽm, 7 tiền 5 phân (28gr). và có chữ

« chuẩn ngũ thập văn ».

Hai đời vua KIẾN-PHÚC (1884) và HÀM NGHI (1885) cũng có đúc tiền như những đời vua trước là những đồng « kiến phúc thông bảo » và « Hàm-Nghi thông bảo ».

Sau đồng tiền Hàm-nghi, lần lượt đến những tiền kẽm và tiền chính của các vua ĐỒNG-KHÁNH, THÀNH-THÁI, DUY TÂN, KHẢI ĐỊNH và BẢO ĐẠI.

Một-dồng tiền « Khải-Định » đời lấy 2 đồng chính « Bảo-Đại » nên đến nay dân gian còn câu :

« Hai con đòi lấy một cha
Làm cho thiên-hạ sót sa về tiền ! »

NGUYỄN TRIỆU



* NGỰA

Một con ngựa rừng ở cao-nguyên Darlac, từ nhỏ tới lớn chưa hề trông thấy chiếc xe hơi lần nào. Một hôm nó đi lạc lối, xuống đến một đường quốc-lộ, thấy một chiếc ô-tô đang đậu bên lề đường. Con ngựa ngạc nhiên hỏi chiếc xe hơi :

— Mày là cái gì ? Con gì ?

Xe hơi đáp :

— Tao là xe Citroën, 11 ngựa. Còn mày, mày là cái gì ?

— Tao hả ? Tao là... một ngựa.

B.T.



Đêm xuống
vội bao nhiêu
ràng rợn.



Con người
nín thở, đợi
đêm xuống.

Bóng tối
thường cũng
xuống vội mầu.

Người đi đường rào bước về
nhà. Cửa ngõ đóng chặt trước
khi đèn đường bật sáng.

Đường phố trở nên hoang
vắng, rộng thêm mệnh-mang,
dài thêm hun-hút.

Những tiếng súng «mọt» khời
cho đêm, dội lên chát chúa, bơ
vơ...

Đầu phố này hay cuối phố
kia, tiếng lựu đạn nổ rầm. Xe
«sáu bánh» lại từ đầu lao tới,
lại rít lên, lại nghiêng lấy mặt
đường nhựa rào rào.

Thành phố chết? Không! Nó
nhắm mắt, giả ngủ. Bên trong
những cánh cửa đóng kín, không
chút đèn lửa. Có biết bao nhiêu
trái tim hồi-hộp, bao nhiêu
mạch máu căng thẳng, ừ lên.

Người Saigon, trong ít ngày đã

Đêm SAIGON 1946

tản cư ra khỏi thành phố gần
hết.

Những người ở lại, đêm đến,
trần trọc thao thức, lắng nghe
những tiếng súng vọng xa-xa,
hay tiếng giầy đinh nện rầm-rập
trên các nẻo hè khuya.

Họ mong mỗi những tiếng súng
nổ, lựu đạn nổ. Nhưng họ lạnh
gáy khi bánh xe nặng nề như
chỉ muốn ngừng lại ngay cửa
nhà họ.

Ai cũng có thể bị bắt ngay
trong đêm. Người ta, những kẻ
mời chiếm lại quyền giữ trật-tự
của thành phố, không cần có
một cơ gì cả, để bắt người.

Ngư ời
Saigon, có
những nằng
khieu đặc
biệt của

thời-cuộc, chỉ lắng nghe trong
đêm cũng biết được tiếng súng
của «ta» và tiếng súng của
«địch».

Súng, lựu đạn, dao găm hoạt
động càng nhiều, bắt bớ càng
lắm.

Đêm nào, hè đường Saigon
cũng có máu đỏ xuống. Những
người lính viễn-chinh Pháp, ve
mặt còn mắng-tơ như những
sinh viên, đi từng tốp tuần-tiêu
súng tiêu-liên cấp kè-kè ngang
nách, như chỉ muốn nhả đạn vào
các bóng tối đáng ghê.

Mà thật vậy, từ mỗi bóng tối
đều có thể phát ra một tiếng
súng, thoát ra một trái lựu-đạn,
hay loáng lên một ánh thép.

Gớm-ghiếc hơn là hình-ảnh
những người Pháp lai, y-phục
thường dân đủ mầu, lăm lăm
khẩu súng «mút» hay tiêu-liên,
súng lục, xông-xáo ở các đầu
đường góc phố.

Có tiếng phá vỡ cửa, tử kính
ở nhà bên. Người nhà bên này,
nín thính, không cục-cựa, đợi
đến lần mình.

Một thành-phố bỏ ngõ. Không
có luật-pháp nữa! Chỉ một vẻ
đáng nghi thôi là bắn. Ngửa mắt
cũng bắn!

Lòng súng luôn luôn khét lên
mùi khói trả-thù. Ở những khu-
phố, ít ngày trước, đã từng có

máu người
Pháp rớt
xuống, sứt
bắt-bớ, bắn
giết lại càng

dữ-tợn.

Một ít người Pháp thường-
dân, cúc áo ngực để hở, lộ ra
những rúm lông-lá, quanh hông
đeo một «băng» đạn, giầy súng
quàng trên vai, trước ngực, có
một vẻ gì thực man-rợ. Man-rợ
và đáng ghê hơn cả những quân
nhân da-đen, rạch mặt trong
những cuộc hành-quân ở đồng
tây...

Cái vẻ man-rợ ấy có vì nó
hiện ngay ra giữa một thành-
phố văn-minh, vì nó gợn lên ánh
mắt đỏ ngầu những ý-muốn trả-
thù và nhất là vì nó hiện-hiện
trên những con người mà ta vẫn
tin là văn-minh hơn cả.

Tuy-nhiên, sự trả-thù của họ.

Hồi ký
MẠC - THU

không phải là không có lý.

Nghĩ lại, cũng thật gớm-ghiếc cho hôm ấy, một chiều làm râm mưa, thành-phố còn trong tay người Việt. Thành-phố lúc này đã hăm-hấp cơn sốt.

Một cuộc biểu-tình lớn đương diễn-hành thì bị những phát súng từ trên những nhà lầu — khu vực người Pháp ở — bắn xuống.

Cuộc biểu tình tan vỡ ngay. Thùng dầu đã bị lửa ném vào. Biển người đầy lửa trong lòng và trên ánh mắt ấy xô nhau đi về mọi ngả như con nước bị ứ, phá vỡ bờ thoát ra. Trai, gái như nhau, quần xắn cao, áo thắt lại lăm-lăm gây tầm vông vạt nhọn, dao găm đứng nấp vào các đầu phố, các góc nhà.

Một ít người Pháp — rất có thể có cả những người không phải là Pháp nhưng bị nhận lầm — đương dỡ đang mua bán hay đi dong ở phố, bỗng chốc biến thành những nạn nhân.

Nhiệt độ cơn sốt của thành phố tăng lên mạnh.

Cuộc xung đột, lại vì trả thù, bắt đầu.

Đây chỉ là một trong những nét thê-thảm ấy :

Một người Pháp, tuổi chừng 31, 32 vạm-võ, cao lớn, đẹp trai, mặc «soọc» trắng đi từ đường Chaigneau (Chợ-Cũ) về phía đường Đỗ-Hữu-Vị. Một tốp chừng ba thanh niên chặn giữ ở giữa đường với gậy nhọn

trong tay.

Biết cơ nguy, con mồi — vì y thực là một con mồi mà người ta đương săn đuổi — vụt nhảy qua đầu cả ba thanh niên. Trong đời y, có lẽ chưa bao giờ y nhảy được cao đến thế ấy.

Một thanh-niên khác đầu đội «ca-lô», tìm đón con mồi ở chặng thứ hai, nơi góc đường Đ.H.V. Con mồi chạy sát vừa tầm súng. Người thanh niên nọ bóp cò, nhưng súng không nổ. Y lăm - bằm, ngạc-nhiên cúi nhìn khẩu súng trong khi con mồi vọt chạy sang đường Ohier. Vào những ngày đầu Cách-mạng — có lẽ vì Cách-mạng tới sớm quá — nhiều người tham-gia Cách-mạng tuy mang súng nhưng chưa hề tập bắn. Khẩu súng nói trên không chừng chưa có lắp đạn cũng nên.

Sang tới đường Ohier, con mồi cũng không vượt khỏi số phận đã dành cho nó.

Một ngọn tầm vông như ánh chớp vụt trúng gáy nó. Nó ngã sấp xuống và dấy lên đàn đạch.

Cùng lúc ấy ở nhiều phố, cứ một tiếng gọi lớn ở dưới đường thì, từ các lầu cao, dao găm, dao dĩa, kiếm Nhật, hay bất kể một thứ gì có thể giết người được, ném xuống đường tua-tua như lá rụng.

Những kẻ «giết người vì chánh-nghĩa» kia có thể lượm bất cứ ở đâu cũng ra một thứ vũ-khí.

Nó là hậu-quả của một chánh-sách cai-trị khôn ngoan trong gần một thế-kỷ.

Chao ôi ! Hình ảnh thê-thảm này, kẻ cầm bút vẫn ứ kín trong tâm-tư, và vẫn nguyện có ngày phải viết đến, dầu chỉ là nhắc qua một cách sơ-lược.

Con người hai màu da thực đã tới chỗ hằn-thù cao độ nhất.

Tuy vậy, ban ngày Saigon vẫn cố giữ một vẻ bình-lặng, nhưng không sao dấu nổi vẻ bơ phờ, hốc hác.

Bên nọ cũng như bên kia, tất cả đều đợi đêm đến mới ra tay hành động.

Phá - hoại chống phá hoại. Khủng bố chống khủng bố. Tất cả đều diễn ra trong bóng tối. Đã có bóng tối đồng lõa với họ trong những tấn tuồng «loại đen» đẫm máu.

Người ở ngoài lên vào thành. Người ở thành lên ra ngoài. Họ đều đợi cho đêm tới.

Những nhiệm-vụ, những công tác được giao phó cho nhau, cũng trong bóng tối.

Dường như có thể nói nếu không có bóng tối thì không có cuộc chiến tranh ấy.

Một ngọn cỏ cắm ở nóc nhà ga Saigon, một trái lựu đạn nổ ở đường Bonard, một đám cháy ở Chợ Mới hay Chợ Cũ... cũng do những bàn tay ấy hành-động

trong bóng đêm.

Về phần người Pháp, những cuộc bắt bớ lùng xét cũng thường diễn ra trong bóng tối.

Vô phúc cho những ai, vì một lẽ nào đó, mới ngu hay tạm ngu ở những căn nhà trước kia đã từng là trụ sở của đoàn thể này hay đoàn thể nọ.

Đêm tới, họ bị những xe nhà binh — do những người Pháp lái dẫn tới — hốt đi như hốt rác. Thường thì họ bị trói cả chân lẫn tay từ trong nhà và bị quăng lên xe như những con heo chở đi xa để bán. Họ đi không biết bao giờ trở về.

Phú nhuận, dọc dài hai bên đường Tân Bình, khu xóm Cẩm-Ca bật hẳn tiếng xênh, phách.

Những nàng kỹ nữ tản đi đầu mất cả. Một số cũng gia nhập vào tổ chức chiến đấu ở ngoài. Những khách Tư Mã áo xanh cũng đã ôm súng lên đường.

Đêm Saigon còn có gì ngoài một màu sơn đen kịt quết lên.

Cũng còn một vài ả gái chơi lảng vảng ở mấy cửa tiệm rượu vọng lên tiếng cười sắc hơi men của những chinh nhân.

Đó một vài nét duyên dáng độc nhất còn lại của cái thành-phố thoi thóp này.

Những chàng Kinh Kha của đoàn quân Viễn Chinh Pháp vốn biết «một đi khó trở về» thì

những ả gái chơi kia dầu chẳng mấy nỡn nường cũng làm họ quên đi được chốc lát cái sầu, sủng, đạn ..

Một đêm kia, rượu Bò-đào đã chuếch-choáng, kẻ chinh nhân chẳng nằm ở một góc sa trường nào mà cười ngất, lại khoác tay một ả giảng hoa xuống thuyền lững thững, khoan nhặt chèo về bên kia sông Thủ-Thiên.

Giả thử nàng giỏi tiếng Pháp thì nàng đã mất công giảng-giải cho chàng hiểu : « Con sông nọ chẳng phải là con sông Dịch... »

Nhưng mắt nàng đã nói thể và đầy hứa hẹn.

Tôi được thiên thai, nàng không cho hấn cái hấn muốn mà lại giao hấn cho những người đương chiến đấu cho cách mạng. Thế là mạng hấn bị cách.

Người ta sửa soạn đem hấn ra hành hình. Anh chàng tỉnh rượu mới biết đã lọt vào một « ồ » nơi có những người giống như những đồng bào của hấn đã kháng chiến chống Phát-xít Đức mấy năm trước.

Hấn xin được đọc một bản kinh trước khi thọ hình. Người ta cho. Hấn rút trong túi áo ngực ra một cuốn kinh nho nhỏ, vẻ

rất trịnh-trọng, lầm nhậm đọc.

Cuốn kinh xinh-xắn ấy, có lẽ một bà mẹ già mái tóc bạc như sương hay một người yêu hiền-hậu, mắt trong xanh như da trời, một sớm nào đã ngùi-ngùi dặt vào túi áo hấn trước lúc hấn giả nhà đeo bực chiến bào vượt biển ra đi.

Bản kinh cầu nguyện chưa dứt thì một mũi dao của một kẻ nóng nảy đã cắm sâu vào lưng hấn. Máu hấn vọt lên có vòi.

Tội nghiệp cho một gã còn trẻ măng, mái tóc ánh vàng bông-bành như mái tóc một sinh-viên tha-thần nơi sân trường Đại-Học Pháp.

Ả gái chơi nọ, hấn chẳng có chút động tâm. Lòng ả còn bận dấy động lên một mối hận thù dân-tộc. Còn ai dám bảo ả là:

Thương nữ bất tri vong quốc hận!

Có ai trách được những cuộc đồ máu nho nhỏ như vậy, dầu trong bóng đêm, dầu cho mũi dao hay phát đạn từ đằng lưng đi tới. Chiến tranh là vậy! Đừng bắt nó phải đẹp vì chẳng bao giờ nó đẹp cả.

Máu quện vào bóng đêm, đã làm thành một thứ đêm Saigon nhầy nhụa của lịch sử Việt, của lịch sử Pháp, hay đúng hơn, lịch sử của Con Người giữa một thời đại đầy rẫy oán-cừu.



PHƯƠNG PHÁP

TRUY TÂM

THỦ PHẠM

Ở

ANH

★ DENNIS BARDENS

MI T công sở khắp thế giới đều biết dưới tên « Scotland Yard », thực ra là Sở Cảnh Sát Luân-Đôn. Sở này ở trong một tòa nhà bằng gạch đỏ, trông có vẻ tiêu tụy bên bờ sông Thames, gần trụ sở Quốc-Hội.

Nhiệm vụ của sở Cảnh - sát Luân-Đôn bao trùm một vùng rộng có 8.250.000 dân cư. Nói chung nhiệm vụ của Sở này cũng giống như nhiệm vụ các cơ quan Cảnh-sát khác, nghĩa là giữ gìn an ninh trật tự, phòng ngừa tội ác và truy tầm thủ phạm. Ngoài ra, cơ quan

Cảnh sát Luân-Đôn có thêm nhiệm vụ như bảo vệ Hoàng gia cùng các vị Bộ trưởng, canh gác Quốc-Hội, giữ các sổ ghi lý lịch tội trạng và dấu tay. Cơ quan này cũng là có chân trong Tờ-chức cảnh sát Quốc-tế có trụ sở chính ở Ba-lê.

MỘT SỔ LÝ LỊCH ĐỒ SỘ

Khu vực dưới quyền kiểm soát của Cơ quan cảnh sát Luân-Đôn chia làm bốn quận bao trùm 22 khu phố, ở mỗi khu có một cảnh

sát trường.

Sở ghi lý lịch thủ phạm của Scotland Yard cất 2.500.000 phiếu lý lịch thủ phạm. Cố nhiên như thế không có nghĩa là 2 triệu rưỡi người ấy hiện đang làm những nghề bất lương. Phần đông họ làm ăn lương thiện nhưng có thể là vài năm sau có người trở lại thói xưa, và trong trường hợp đó một dấu ngón tay sẽ làm lộ tung tích thủ phạm. Một vụ phạm pháp mà chưa tìm ra thủ phạm hoặc nguyên nhân thì không bao giờ được xem là đã kết thúc thực sự.

Phương pháp và thói quen của thủ phạm, cá tánh kỳ quái hay những chi tiết khác đều được ghi xếp để tham khảo cho được mau chóng, và thu hẹp phạm vi điều tra được nhiều. Công việc này thành tựu được nhờ cái máy tự động lựa những tấm « các » có đục lỗ. Những hồ sơ này có từ ngày Sir Robert Peel, người sáng lập ra Scotland Yard và vì thế cảnh sát Anh được gọi là « bobby » tức là tiếng ngắn của chữ « Robert » mà ra vậy.

Then chốt của Scotland Yard là phòng Thông tin và những ai gặp phải một tai nạn nào muốn

gọi điện thoại khẩn cấp đến số Cảnh sát chỉ quay số 999. Mỗi lần gọi điện thoại đều được coi là khẩn cấp mặc dầu không tránh khỏi có những lần báo động giả hay vì lý do nhỏ nhặt. Máy điện thoại trung ương của sở gọi mỗi ngày được 15.000 lần, buổi sáng vào lúc bận nhất có đến 2.000 chỗ gọi trong một giờ. Phòng bản đồ chỉ cho nhân viên phụ trách điện thoại chỗ nào có xe cảnh sát tuần phòng gần nhất. Một võ tuyến điện viên loan báo cho một chiếc xe hay một chiếc xuống máy cảnh sát hay đề đến ngay địa điểm.

BỮA BẮN ĐỒ

Một bản đồ khác ghi những vụ ăn cắp xe hơi. Một cây cờ chỉ chỗ xe bị ăn cắp, một cây cờ khác chỉ chỗ xe tìm lại được. Một bản đồ khác chỉ những nơi bị kẻ trộm lọt vào. Giá trị của loại bản đồ này là chỉ cho ta biết loại trộm cắp đặc biệt nào thường đặc biệt xảy ra ở một khu phố đặc biệt nào. Như thế, có thể đi tìm chỉ cùng một tên trộm hay cùng một bọn trộm đã hoạt động.

Nhưng quan trọng nhất là

phòng lấy dấu ngón tay. Đôi khi chỉ cần một vài phút là có thể khám phá tung tích kẻ đã để dấu ngón tay lại trên một vật gì. Nhưng thường không quá dễ dàng như thế. Một tên sát nhân hạ sát một phụ nữ bằng một cái cốc bằng sắt và để dấu tay trên đó. Trong bản ghi lý lịch không có dấu tay ấy. Người ta đoán chắc thủ phạm là người địa phương nên phải lấy dấu tay của 10.000 người và nhấn nài so sánh mỗi dấu tay với dấu in trên khí giới. Sau cùng dấu tay thứ 4.605 là dấu tay của thủ phạm.

Những trang cụ khoa học tối tân nhất được dùng trong Phòng Thí nghiệm Pháp Y học. Người ta tìm thấy một sợi len và một sợi tơ nhỏ ở nơi một người tự vẫn sau khi vợ và mẹ vợ y bị ám sát. Kính hiển vi cho biết rằng sợi len ấy do nơi áo choàng của vợ y và sợi tơ nơi áo ấm của mẹ vợ y. Một dịp khác, một chiếc xe hơi cán chết một người đi xe đạp rồi bỏ chạy không trình báo tai nạn. Một chút sơn còn dính lại ở chiếc xe đạp được đưa vào kính hiển vi rất mạnh và cho biết rằng đó là một trong hơn 14 lớp sơn khác nhau. Nhà

khoa học hay rằng loại sơn ấy chỉ có ở một vài hiệu xe. Cảnh sát địa phương được báo tin và trong vòng nửa tiếng đồng hồ, một cảnh sát viên tìm ra chủ chiếc xe đang cố sửa cái về xe bị hư hao khá nặng. Ông ta chịu nhận là người đã lái xe cán nhằm người đi xe đạp.

CẮN VÀO QUẢ TÁO

Cho đến cả dấu chân trên bùn hay dấu răng trên quả táo do tên trộm đói bụng cắn vào cũng đủ đưa tên thủ phạm ra pháp luật. Một dấu giày để lộ 8 cái đinh và một vết cắt nơi đế cao su. Cảnh sát tìm thấy chiếc giày ấy ở nhà một người bị tình nghi, và y đã nhận tội. Máy quang phổ ký chiếu một tang chứng nhỏ nhất thành một hình ảnh rõ rệt. Cảnh sát dùng máy hút bụi đóng vào quần áo của kẻ bị tình nghi, và dùng kính hiển vi so sánh với bụi ở nơi đã xảy ra tội ác. Các mẫu máu được kiểm soát để phân loại và đặc tính cũng tỏ ra quan trọng vô cùng.

Các nhà khoa học đều rất vô-tư, họ tìm tòi sự kiện và tang chứng khoa học mà không hề biết đến

trường-hợp xảy ra tội ác.

Những phương-tiện của sở Scotland Yard và các thám-tử điều-luyện của sở ấy một đôi khi, theo lời yêu-cầu của các sở cảnh-sát địa phương, được hoạt-động ngoài phạm-vi Sở Cảnh-sát Đô-thành. Tất cả sở cảnh-sát các tỉnh đều có Phòng Điều tra Thủ phạm nhưng một đôi khi xảy ra một vụ phạm-pháp có đôi chút tính cách phức tạp đòi hỏi phương pháp điều tra ngoài phương-tiện của sở cảnh sát địa phương, cho nên các sở đó có thể "cầu cứu Sở Scotland Yard". Trong mọi trường-hợp đều có sự liên-lạc hàng ngày giữa Scotland Yard và các sở cảnh sát ở khắp nơi. Điều đó không tránh khỏi. Các địa-phương có thể cần biết người bị bắt có tiền án không, hay là dấu ngón tay thấy trên đồ vật nào đó có thể giúp tìm ra tung tích của thủ phạm không.

Đã có hàng ngàn cuốn sách viết về Sở Scotland Yard và vô số những chuyện ly-kỳ về những thám-tử của sở ấy. Cổ nhiên phần lớn

các câu chuyện xảy đến cho họ đều ly-kỳ. Mặt khác, đức tính của kẻ truy tầm thủ phạm là nhẫn-nại, tò-chức khéo và không nóng nảy — đời người đầy rẫy những chuyện bất ngờ và các sự xảy ra không bao giờ minh bạch như ta thấy. Vì lý-do ấy, vội vàng kết-luận không phải là cốt cách của con nhà trinh-thám, dù cho các nhà viết truyện trinh-thám nói gì chẳng nữa. Ở nơi nào dính-dấp đến sự an - ninh và danh-dự của con người, các giả thuyết không còn đứng vững. Chỉ có các sự kiện, và các bằng chứng đã tìm ra được là đáng kể.

Ở Anh con số những vụ phạm pháp đã giải quyết được, đã là con số lớn hơn hết trên thế giới và vì lẽ ấy, Phòng Truy tầm thủ phạm của sở Scotland Yard có thể đáng được tin cậy. Sở Scotland Yard trong thực tế có, khác đôi chút với sở Scotland Yard trong tiểu thuyết, nhưng danh tiếng của sở ấy vang lừng trong thế giới thiệt là xứng đáng.

Thơ v à Nhà Thơ

Dạo này ở Việt nam, Thi-sĩ mọc lên như nấm. Thơ được xuất bản rất nhiều, hoặc in typô hoặc quấy ronéo, của từng người, hay từng nhóm, từ những ông Đồng-Lý văn phòng, Giám đốc các sở, cho đến các bạn học sinh đệ ngũ, đệ tứ, cũng kiếm được tiền để in thơ. Ở Saigon và các tỉnh miền Trung và miền Nam, có vô số những quyển Thơ mới ra đời, mà một số tác giả in cả ảnh của mình ngay trên những trang đầu.

Giữa mùa hoa bút nảy nở ngập tràn như thế, khiến những kẻ yêu thơ và đọc thơ rất cuộc bán khoán không còn biết thơ là gì nữa, tôi tưởng chúng ta

TH I sĩ ở nơi gốc cây Thơ, hai cánh tay như hai nhánh cây, hơi thở như hơi thở của thế giới, tim như nhịp đời, hồn như thần thánh, trái chín dưới tia sáng của người, dưới nhiệt hừng tãi hoa của người, bài thơ từ trên cây thơ rụng xuống.

nên đọc bài sau đây của một Thi-sĩ tài hoa, có danh tiếng hiện nay trong nhóm Thi nhân trẻ tuổi của nước Pháp, nhận định về THƠ và giá trị của THƠ. Đây là bài ở Paris vừa gởi về, tôi xin dịch đúng nguyên văn.

TÂN PHONG

Bài thơ, riêng biệt với thơ, và bài thơ đối với Thơ cũng như thể xác đối với linh hồn, gạch nối của một thể giới với một thể-giới khác; đôi bàn tay âu yếm xiết vào nhau, đôi tia mắt trao đổi cùng nhau, cảm thông của đôi con tim yêu nhau. một bài thơ đặt giữa hai linh hồn.

Có thơ, nghĩa là chủ tâm; có bài thơ, nghĩa là tác động. Nói đến các giá trị thơ, nghĩa là đánh giá một tác động. Thế nhưng mà, có phải người ta đánh giá một tác động chẳng, hay là đánh giá những hiệu quả của tác động ấy? Làm một tác động Thơ, tức là làm một thí nghiệm; thí nghiệm của chính mình; người nào không luôn luôn tự đi tìm mình, mà cứ đi tìm những mục đích khác hơn là đạt đến giới hạn chính của mình, người ấy không phải là thi sĩ. Phải trải qua gần mười thế kỷ mới trở về nguồn gốc, mới hiểu ý nghĩa trung gian của bài thơ. Phải trải qua gần mười thế kỷ mới thoát từ sự lợi ích của bài thơ, mới giải thoát bài thơ ra khỏi sự dể dãi, mới cho nhà thơ được

quyền tự thoải phồng những danh từ của nhựa thơ, được xây dựng thể giới của y, được gây tiếng đồn thơ đúng theo nhịp đời của y. Phải trải qua gần mười thế kỷ mới tách Thơ ra khỏi văn - chương, mới cho Thơ ý-nghĩa sinh - tồn riêng của nó, bởi vì Thơ chính là đời, và do đó trước hết là đời của Thi-sĩ.

Người ta bảo: cần phải kiểm điểm lại các giá-trị. Chẳng có giá trị nào mà ta cần phải kiểm điểm cả, bởi vì mọi sự vật chỉ có cái giá trị của một người muốn gán cho nó mà thôi.

Có lẽ, hơn mọi sự vật khác, Thơ sống trên một sự hiểu lầm rất khở. Người ta hay chơi với các danh từ, và trên các danh - từ, nhưng nếu thế thì đừng có chơi gian-lận! Thơ có lẽ là nơi độc-nhất mà người ta có thể khiêu-vũ không cần phải quay tròn, mà người ta có thể chơi ở bốn góc phòng, chơi ma chố-sói hay là chơi trò trẻ con tàn ác, duy có ở đây là không ai công-nhận các trò giả tạo, trò kéo ngôn ngữ như lê giầy rách. Trước đây năm chục năm, cứ

★ JEAN BOUHIER

hễ để tóc dài, bờm-xòm, có mét mặt xanh xao, đeo cà vạt loét- loét, và lựa chọn những vần cho thật kêu, đã tự xưng được là Thi sĩ rồi. Đáng chán nhất là cứ đóng cái vai trò vô liêm sỉ ấy mãi rồi bọn tự xưng là Thi-sĩ kia rốt cuộc tưởng mình là nhân vật quan trọng thật sự lại còn tưởng là công chúng cũng coi mình là nhân vật quan trọng thật sự!

Tôi đổ các anh bây giờ thử phá bỏ các truyền kỳ kia xem! Họ là giảng đạo trong sa-mạc, nếu không thì phải tự cho mình là kẻ vô chính phủ!

Những người đã phá bỏ được thật là có công ơn xứng đáng với Thơ (nói thế cũng chưa đủ) họ đã tạo tác ra Thơ. Họ đã phá tan sự hiểu lầm. Thơ, trước kia, mặc các đồ quần áo cũ kỹ, xấu xí, nay có quyền cởi trần truồng hết ra, để hiện ra tất cả trình tiết bên trong của giấc ngủ của nàng. Những kẻ tình nhân mà nàng Thơ đòi hỏi, bây giờ nàng đã tìm được.

Chúng ta phải yêu nàng Thơ, lấy nàng, nguyên vẹn như nàng hiện nay, luôn luôn trần truồng nhưng đã mất cái nét khô khan

của trình tiết để được nở phồng lên đầy hạt giống của đời. Các nhà Thơ ở nơi đây, từ nơi cánh tay của họ đang rụng xuống những trái chín của hạt giống ấy. Bài thơ sinh nở ấy là mùa gặt của trái tim.

Giá trị của một tác động, giá trị của một thí nghiệm? Đố ai dám bảo rằng bài thơ là một chân lý khoa học? Đố ai còn dám nói đến phương pháp? Đố ai dám bày đặt ra một phòng thí nghiệm của Thơ?

Cứu cánh chứng minh cho phương tiện. Nhất là về Thơ. Xưa kia, người ta đã gom góp các phương pháp làm Thơ, người ta đã giải phẫu các bài thơ, công việc của các nhà mổ xẻ, các nhà khoa học của văn chương. Sách giáo khoa đâu phải viết ra cho các Thi nhân! Nguy hại nhất là chúng nó giết Thi nhân. Người ta không để dành các nhà thơ trong mấy cái bình hóa học! Không! Thơ không phải là một khoa học: nó không phải là một môn học, nó chẳng có định luật nào cả, chẳng có công thức nào cả. Nó không có phương pháp. Một tác động về sinh lực có cần một phương pháp nào không, có

THƠ VÀ NHÀ THƠ

tuân theo một kỷ luật nào không? Hễ có bắp thịt, là có phản xạ. Trong tác động thơ, có trái tim. Nói đến phương pháp tức là nói đến công tác, Thơ không phải là một công tác, bài thơ không phải là một bài bắt phạt học trò phải viết. Trái còn xanh mà đem dú cho chín thì chẳng bao giờ còn mùi vị, còn nước ngọt thơm tho của những trái chín cây với màu vui tươi mà người ta hái giữa gió đồng quê. Làm thơ theo một phương pháp, tức là tự bắt buộc trí óc phải tuân theo một mệnh lệnh. Thi hứng không bao giờ gò ép được.

« Kỷ-luật là sức mạnh của quân đội » ? Thi sĩ đâu có đi ra trận; kỷ-luật kèm hãm và chuyển hướng cuộc đời. Thơ, trái lại, giải phóng cuộc đời, làm nở phồng cuộc đời lên, làm nổ vang cuộc đời trong mê ly huyền diệu của bài thơ.

Thi-nhân chỉ có kỷ luật do



★ DANH NGÔN

Tình ái không mù quáng bằng lòng tự ái.

(L'amour est moins aveugle que l'amour-propre)

VOLTAIRE (Nhà văn Pháp)
Thế kỷ XVIII

tự mình đặt ra cho mình. Nào ai đại gì! Lý trí của nhà Thơ vẫn ngủ, hành động của người vẫn không chịu được kỷ-luật. Người ta không viết một bài thơ với ý thức, với ý niệm là phải làm xong một công việc. Không phải trên một tờ giấy mà người ta viết một bài thơ, mà viết trong tim với mực máu. Giấy chỉ là một biển cổ. Trước hết là có nhu cầu thiết tha. Những giây phút trôi qua, tay cầm bút, người ta quên hẳn tờ giấy mà trên đó bài thơ được ghi chép, là tờ giấy trên đó người ta trét những tiết lộ của linh hồn.

Thơ là đời, nghĩa là tinh túy của người; trí thông minh ở trong thơ, cũng như chiếc va li ngoại giao được vượt qua những biên giới của lý trí.

(Ký sau hết)

TẤN PHONG dịch

THANH XUÂN



Qua một lần chia cách
Tháng năm trôi cũng sâu
Không tới vào dĩ-vãng
Hồn em đi về đâu ?

Mùa xuân nào má đỏ
Qua sông mấy nhịp cầu
Nước cuốn dòng thơ-ấu
Sông ơi, trôi về đâu ?

Cho em nhiều luyến tiếc
Thương nhau quên tháng ngày
Vườn tâm - tình bỏ ngõ
Em buồn về tương lai

Hơn một mùa thương nhớ,
Tin - yêu có phai mờ ?
Chị ơi, chiều gió rét ?
Băng - giá, mòn ngày - thơ . . .

VÂN - KHANH
(Mỹ-thơ)

những con ma trong

TỪ
TRẦM
LỆ

Văn-học-sử âu - tây

Sự nghiên-cứu về ma là một trong những ngành của khoa-học tân thời, đó là môn siêu-linh học. Môn học này liên-quan đến tất cả những hiện-tượng không thể chỉ dùng lý-luận mà giải-thích được. Một người Pháp, ông Richet đã sáng tạo ra môn học ấy lối hơn 30 năm nay cùng lúc với một viện chuyên-môn. Nếu tin theo vài sự ghi chép, thì 3.000 năm trước Chúa giáng-sinh, đã có thấy xuất hiện từ trong sông Nil (Đông Phi-châu) ra một hình ma mặt đen dẹt, đến báo oán cho một vị vua miền Nam bị ám-sát.

Từ sử-gia la-tinh Tite-Live, đến những tiểu thuyết gia tân-thời, trải qua các Văn-sĩ Shakespeare, Molière và Walter Scott, ngành văn-học Âu-Tây đầy đầy những cuộc xuất-hiện, siêu tự-nhiên, những hình ma kỳ-bí. Xứ nổi tiếng nhất về ma là Anh-quốc. Những tác-phẩm cổ-diễn Anh đều đậm mùi vị ma quái. Ngày giờ đây, ở những lâu đài cổ vẫn không dứt có ma hiện lên quấy nhiễu và sự đó đã làm những sản-nghiệp ấy bị giảm giá rất nhiều. Kể những hình ma xuất hiện lẻ loi, thì ở hầu khắp nước Anh

NHỮNG CON MA

đều có. Nhưng đặc biệt là những cuộc hiện hình đông đảo như trường hợp một đoàn tăng-lữ mà linh mục Auton Stephen đã thấy ở tu viện Saint-Dunstan. Kể khắp nước Anh, giáo hội Borley là nơi có nhiều ma nhất. Trong số những con ma ở đó, có hai tên đánh xe không đầu, một sư nữ, hai con ngựa kéo một cỗ xe bốn bánh và một người đàn bà cứ hiện lên là nói: « Đây, Carlos, hãy chăm dứt đi ». Giáo hội ấy cất lên vào năm 1863. Những người có cư trú ở đây đều thấy ma mãi cho đến khi nó bị hoàn toàn tàn phá trong một vụ hỏa tai năm 1939. Giáo hội phát cháy do một chồng sách tự nhiên ngã xuống làm đổ một cây đèn dầu. Trong lúc cháy người ta thấy có hai hình dáng bí mật hiện bên trong khung cửa sổ và hai cái bóng khoác áo choàng rộng đi ngang qua vườn.

Con ma nổi tiếng hơn hết ở Anh quốc là con ma ở lâu đài Glamis, nơi nữ hoàng Elizabeth sống thời thơ ấu. Hầu hết quan khách, khi này hoặc khi khác, trú ngụ nơi lâu đài ấy, đều thấy nó hiện ra, thường hơn hết trong hình dáng một người khổng lồ

với bộ tóc hung đỏ. Cũng rất nổi tiếng là hình ma của bà Catherine Howard mà vua Henri VIII đã cho lệnh trảm quyết khi nhà vua tìm được bằng cớ về sự bất chính của bà. Lẩn thoát được những kẻ canh giữ, bà toan đến bên vua để kêu oan nhưng bị quân lính theo kịp và kéo xén bà kêu thét lên, qua các hành lang trong cung-điện Hampton Court. Từ đấy, thỉnh-thoảng, cái hình ma ấy vẫn hiện lên chạy dài trên cũng mấy hành lang ấy, kêu lên cũng những tiếng gào thét ấy.

Nhà hát ở Drury Lane có con ma cũng rất nổi tiếng. Con ma này hiện lên, đi qua lại, ngay giữa ban ngày, nhưng không hề nhát một ai cả. Theo sử-gia Myc Queen Pope đã kể với những thực-nghiệm thì hàng ngàn người có thấy con ma ấy, nhất là cả rạp đã thấy nó trong một buổi sáng. Con ma ấy tác trung-bình, mặc một chiếc áo-choàng dài lối kỵ-binh và đội cái mũ ba sừng.

Trong số các con ma Anh-Cát-Lợi, được mến hơn hết là hình ma của cô Hamilton, tình-nhân của đô-đốc trứ danh Nel-

son. Theo lời người giữ tòa nhà của nhà Nữ quý phái ấy, cô Hamilton vẫn xinh đẹp như hồi còn sống, bước lên những bậc thang lầu. Nhưng, con ma xinh đẹp ấy có cái tật xấu là cứ mở mấy cái cửa mà người ở đây đã khóa bằng chìa khóa. Trong những nhân-vật lịch-sử mà hình ma của họ vẫn tiếp-tục hiển hiện, người ta còn kể ông Hoàng Đen vẫn văng lai ở Hall Place gần Bexley. Kể đó là Francis Drake trong một cỗ xe đen do những con ngựa không đầu kéo, chạy băng qua khắp vùng đồng hoang ở Dartmoor, theo sau là một đàn chó săn mà tiếng sủa của chúng khiến những con « chó sống » lăn ra mặt đất chết tất cả. Sau hết là anh cướp đường vang danh, anh chàng Dick Turpin. Cứ mỗi năm, anh ta hiện lên ba lần trên mình một con ngựa và tể ngựa phi nước kiệu từ trên trái đồi Trap đổ xuống.

Bao giờ bạn có sang chơi đất Pháp, những khi bóng chiều mờ dần sắp tắt, bạn chó có trẻ tràng lần vắn ở trong khu điện Tuilleries. Chẳng vậy, bạn rất có thể, nơi khúc quanh một con

đường trong khu vườn, chạm trán với một người lùn mặc đồ đồ chói theo một kiểu thức hoàn toàn cổ xưa. Mặc dù tướng tá nhỏ bé, nhưng anh ta có cái giọng rất nghiêm-trọng và oai nghi. Có lẽ do anh ta chỉ nói những chuyện tương lai và ở sự anh ta quen nói với những bậc chức vị cao trọng trong đời. Người thứ nhất gặp anh ta là vua Henri IV. Một ngón tay chỉ lên không, anh lùn mặc đồ đồ ấy báo cho vua Henri IV rằng ông sắp sẽ thiệt mạng trong một cuộc đi dạo bằng xe trong đường phố Ba-Lê. Thỉ vài hôm sau đó, vua Henri IV bị Ravaillac đâm chết. Rồi đến Napoléon cũng chạm trán với anh ta trong lúc ông đang đếm bước trăm tư mặc tướng trong vườn. Nhưng lần này, anh lùn không phải mang hung tín đến. Anh ta bảo Napoléon rằng ông sẽ được một thời gian làm vua trong 15 năm. Và, 15 năm sau đó, quả có trận Waterloo. Một lần nữa, con ma lùn mặc đồ đồ đã tiên đoán không sai chút nào.



Chương II

(Tiếp theo P.T. số 38)

NÓI về đời sống vật chất của các nhà Văn thời Tiên - chiến ở Hà-nội, chúng ta không thể quên nhắc đến hoàn-cảnh xã-hội và kinh-tế liên-hệ tới sự phát-triển thân-thể và sự nghiệp của họ. Dĩ-nhiên, hoàn cảnh lúc bấy giờ khác hẳn với hiện-trạng sau chiến-tranh, nhất là khi phải so-sánh Bắc-Việt với Trung và Nam-Việt,

hay đúng hơn là Hà-nội với Huế, Saigon, ba thủ-đô của Việt-Nam.

Thường thường những nhu-cầu của giới Văn nghệ-sĩ tiên-chiến rất là khiêm-nhượng, cho nên người ta có cảm tưởng rằng họ không cho đời sống vật-chất của họ là quan-trọng lắm. Tuy đa số đều nghèo, và khổ, nhưng tất cả đều có một thái-độ

hiên ngang, một khí phách ngông nghênh, bất chấp những phù-trăm của số kiếp. Tính-chất lãng mạn của họ là một trạng thái khá lý thú của thái-độ ấy.

Và lại, xã-hội Việt-Nam thời bấy giờ không phải thật là một xã-hội phong kiến: giới gọi là phong-kiến chỉ thu hẹp trong một tầng lớp quan lại nào đó thôi, và một nhóm tiểu tư bản mà các Văn nghệ sĩ hầu như không biết đến. Những vị quan liêu được quyền cao chức cả như HOÀNG-TRỌNG-PHU, VI-VĂN-ĐÌNH, PHẠM-VĂN-THỤ, những nhà doanh nghiệp cự phú như NGUYỄN-HUY-HỢI, PHẠM LÊ BỔNG v.v... đều là những kẻ mà giới Văn-học Việt-Nam coi như thuộc hạ của Chính-phủ Bảo-hộ, và họ không hề đếm-xỉa tới. Còn đám trí thức kỳ-cựu hoặc tân-tiến, gần hết đều nhập-tịch vào làng Văn: cũ, như TRẦN-TRỌNG-KIM, NGUYỄN-VĂN-NGỌC, NGUYỄN-VĂN-VĨNH, DƯƠNG-QUẢNG-HÀM, PHẠM-QUỲNH, NGUYỄN-HỮU-TIẾN, DƯƠNG-BÁ-TRẠC, LÊ-DU,

NGUYỄN-VĂN-TỔ...; mới, như PHẠM-DUY-KHIÊM, NGUYỄN-TIẾN-LĂNG, NGUYỄN-MẠNH-TƯỜNG, TRẦN-VĂN-TÙNG, LÊ-TÀI-TRIỂN, VŨ-ĐÌNH-DY, HOÀNG-TÍCH-CHU...

Trừ một số rất ít, còn hầu hết các lớp người này không có gì là phong-kiến, hoặc trưởng-giã, mặc dầu họ còn có địa-vị khác và nghề nghiệp khác làm được nhiều tiền hơn là nghề viết Văn. Tôi đã nói đến đời sống rất bình dân của NGUYỄN-VĂN-VĨNH. Tôi có thể nhắc đến NGUYỄN-VĂN-TỔ, ngày hai buổi đi làm việc vắn đi bộ trên một cây số từ nhà đến Viện Bác Cổ Viễn Đông mà ông là Phó giám-đốc, chỉ mặc một áo dài trắng, che một cây dù đen. TRẦN-TRỌNG-KIM ngồi trên chiếc xe-kéo nhà cũ kỹ, áo quần âu phục rất xưa, và sống rất giản dị. NGUYỄN-VĂN-NGỌC, LÊ-DU, DƯƠNG-QUẢNG-HÀM, đều như thế cả.

Nói rộng ra, đời sống chung của nhân dân Hà-nội lúc bấy giờ cũng không có gì xa hoa phung-phí lắm. Không có nhiều nhà

hàng sang trọng, trừ vài tiệm ăn lớn của Huê-kiều như « Mỹ-Kinh » ở phố Hàng Buồm, « Nam-kinh » ở phố Hàng Lọng; không có những tiệm rượu hay quán cà phê ở các góc đường. Các nhà văn không có đến ngồi uống bia, uống rượu, và la cà nơi các tửu điếm. Có vài nhà khiêu vũ rải rác ở ngoại ô Hà-nội, như *Rex*, *Fantasio* ở Khâm-Thiên, nhưng khách hàng vắng lắm, chỉ một số thanh niên con nhà giàu, hoặc một số ít công chức, tư chức, chức phần đông trí thức, nhà Văn, sinh viên, học sinh, tuyệt nhiên không bao giờ bước chân đến các chỗ chơi bời nhảy nhót ấy.

Tôi thiết tưởng có thể nói tổng quát rằng xã-hội tiền-chiến ở Hà-nội là một xã-hội khá lành-mạnh, thanh-niên và học sinh không bị truy-lạc, trí-thức không lo-đềngh với học-vấn, sĩ-phu không thờ-ơ với trách-nhiệm.

Trong làng Văn, có cảm-tình liên-lạc, tương thân tương ái. Trừ một vài phần-tử riêng biệt, và một vài trường-hợp nào đó, còn toàn thể giới Văn nghệ sĩ đối xử với nhau rất thân

thiện, êm ả, hòa nhã, không có ganh ghét, không có dèm pha, không đim nhau, không thù hằn nhỏ mọn, và không có bè phái.

Có lẽ nhờ hoàn-cảnh khá tốt đẹp ấy mà Văn-ngệ Tiền-chiến được nảy nở phồn thịnh chăng?

Tuy có một tờ báo chuyên môn đim các bạn Văn-ngệ sĩ có tài năng như Huy-Thông, Lan-Khai, Hàn Mặc Tử, Vũ Trọng-Phụng, Nguyễn-nhược-Pháp, Nguyễn-Tuân, Trương-Tứ, Nguyễn-công-Hoan, Nguyễn-khắc-Hiếu... và luôn luôn tìm cơ-hội chửi-riếu hoặc đả-kích họ, nhưng các báo khác vẫn nâng-đỡ, giới-thiệu, khen phục, phê-bình với công-tâm, và đề cao các tác phẩm của các bạn đồng-nghiep. Chớ nếu ai nấy cũng ganh ghét nhau, đim nhau, đả-kích lẫn nhau thì làm gì ngày nay chúng ta còn những tác-phẩm và những nhà Văn đáng-mến trong Văn-học sử Việt-Nam của Thế-kỷ XX?

Hoàn-cảnh xã-hội tương-đối lành-mạnh, nếp sống tinh-thần của đại-chúng nhân-dân được đòi phần thanh cao trang-nhã, tinh thần phục vụ và ý thức văn nghệ của anh em làng

Văn biết tôn trọng tài năng và giá-trị của mỗi người, ý niệm về số kiếp và nhiệm vụ chung của con người Văn nghệ, là những yếu tố tốt đẹp đã vun bón rừng hoa Văn nghệ, của thời tiền chiến.

Cấu tạo xã hội thời bấy giờ cũng giúp thêm vào đó một phần. Tuy rằng ở dưới quyền đô hộ thực dân, nhưng trước chiến tranh, nhà Văn vẫn theo pháp-luật cộng hòa của Pháp. Sách báo không bị kiểm duyệt. Xuất bản được hoàn toàn tự do. Muốn ra một tờ báo chỉ làm đơn đưa lên Biện lý cuộc 24 tiếng đồng hồ trước khi phát hành số 1 tờ báo của mình. Báo chí Việt ngữ được phép xuất bản dễ dàng.

Di nhiên, pháp-luật ấy có một điều-khoảng chỉ định riêng trường-hợp « phạm vào luật báo chí » và « xúc phạm đến chủ quyền của nước Pháp ở Đông-Dương », v.v... nhưng đó là riêng về chính trị mà thôi.

Sự phát-hành sách báo được hoàn-toàn tự-do, theo phương-tiện của mỗi nhà báo, và mỗi nhà Văn. Một quyển sách in ra hoặc một tờ báo xuất-bản, tác-

giả hoặc chủ-nhiệm tờ báo tự gửi đến các nhà đại-lý, hoặc tự ý nhờ một nhà sách lớn làm tổng phát hành. Cả thành-phố Hà-nội không có một sạp bán báo lẻ ở ngoài đường, và không hề có chuyện cho mượn báo hoặc cho mượn sách. Báo và sách được gửi bán đầy đủ tại các tiệm sách ở rải-rác các phố. Một quyển sách mới xuất-bản, một tờ báo mới ra đời, đều luôn luôn được các báo sốt-sắng giới thiệu, và bạn đọc đến mua tại các hiệu sách. Vài ba bài báo phê-bình, thế là quyển sách được độc-giả chú ý đến ngay. Công chúng nô-nức mua một tờ báo hoặc một quyển sách mới ra đời và có giá-trị, cũng như đi xem một phim mới và hay tại các rạp chớp bóng. Bạn đọc dù ít tiền cũng không bao giờ thuê một tờ báo hoặc một quyển sách với một giá rẻ để coi rồi đem trả lại hàng sách.

Ông chủ bà chủ hàng sách cũng không bao giờ cho thuê sách báo để lấy món tiền thuê, rồi gửi sách báo trả lại nhà báo và nhà Văn. Hậu-quả rõ-rệt của sự cho thuê sách báo là một số ít người, chỉ số ít

thôi, bỏ ra một món tiền rất nhỏ mọn để thuê coi chơi, hàng sách (chỉ có một số ít thôi), được lấy số tiền ấy, còn nhà Báo và nhà Văn không có gì hết. Thí dụ sách gửi bán 100 cuốn, có 10 người mua, còn bao nhiêu cho mượn. Một thời gian sau, nhà Văn nhận được 90 cuốn trả về.

Tôi xin nhấn mạnh rằng CHỈ MỘT SỐ ÍT người bán sách, bán báo, không thương xót nhà Văn, mới cho mượn sách báo như thế thôi, chứ tất cả các hiệu sách và sạp báo đứng đắn tử tế, có tín-nhiệm với độc giả và thông cảm với con người Văn nghệ, không bao giờ nỡ làm công việc giết chết Văn nghệ như thế. Mượn sách cũng chỉ một vài phần tử nào trong đám thiếu số mà thôi. Tuy nhiên, một số ít kia cũng đủ làm trở ngại một phần lớn sự phát triển của nhà Văn. Tiền bán sách không đủ trả tiền in, thì quyển sách thứ hai,

hay quyển thứ ba, vì vậy không thể xuất bản được nữa.

Đó là một nguyên nhân chính cho chúng ta nhận xét về sao số đông nhà Văn Việt - nam không thể xuất bản được nhiều sách, như ở các nước khác.

May thay, tình hình đáng buồn ấy tuyệt nhiên không có ở Hà nội hồi tiền chiến, và nhờ vậy mà Văn nghệ Việt nam càng thêm điều kiện phát-triển mạnh mẽ thời bấy giờ.

(Còn nữa)

● Nhờ các bạn đính-chính giùm

Xin các bạn làm ơn sửa lại hai chỗ sai lầm :

1) Trong P.T. số 37, nơi mục này, trang 44, cột nhất, câu thứ nhì, thay vì : Alfred de Vigny, xin sửa lại : Alfred de MUSSET.

2) Trong P. T. số 38, nơi mục này, trang 48, cột nhất, câu thứ nhì, thay vì : chánh THỨ C, xin sửa lại : chánh THẤT.

NGƯỜI TÙ BINH

* PHAN THI MỸ-KHANH (1)

*Riêng lặng hương hồn em
gái tôi*

SAU mấy ngày vất vả, lặn lội đường rừng, người liên lạc phụ trách đưa René lên thượng cấp xét hỏi, hôm nay mới đặt chân vào làng này, thuộc vùng tự do, xa trận tuyến. Còn những bốn ngày đường đất mới đến cơ quan nhưng kết hợp với một vài công

tác cần thiết, người liên lạc tạm đặt René vào trú tại một nhà nhỏ trong xóm. Chủ nhân là một bà cụ góa trạc sáu mươi và đôi cháu bé chưa quá mười tuổi.

Một mối, René yên lặng cời

(1) *Chắc bạn đọc Phở-Thông còn nhớ bà PHAN THI MỸ KHANH là con gái cụ PHAN KHÔI.*

giày, bỏ áo ngoài, ngả mình trên chiếc chõng tre mộc mạc, chẳng buồn để ý đến mọi vật chung quanh và mặc cho chú liên lạc lúi húi thu xếp đồ đoàn vào một xó. Bỗng có tiếng trẻ hướng ra phía ngõ, reo mừng, làm René không hiểu gì, cũng nhìn theo. Một người con gái rất trẻ, dáng điệu nhanh nhẹn, một tay cắp chiếc rổ đầy thức ăn, một tay xách chiếc lồng gà, bước vào gian nhà bếp. Bà cụ chạy ra, đón lấy chiếc lồng đặt xuống đất, thăm thò với người con gái rất lâu. René đoán là họ đang nói về chàng vì thỉnh thoảng chàng bắt gặp những tia mắt đưa nhanh về phía nhà trên.

Tiếng nói chuyện im hẳn. Người con gái bỗng thản nhiên, thông thả tiến đến trước mặt René nói bằng tiếng Pháp rất thạo : « Chào ông ! Ông đi đường xa có mệt không ? » Rồi nàng đưa mắt nhìn đôi giày và chiếc áo ngoài của người tù binh loang lổ vết bùn, hỏi tiếp : « Ông đi gặp mưa to à ? » René đang nằm, nhồm dậy ; chàng chỉ thốt được một tiếng : « Vâng, chào cô ! » rồi im lặng, sững sờ nhìn nàng từ đầu đến chân, ra vẻ kinh ngạc. Lâu lắm, chàng mới hỏi tiếp :

« Cô biết tiếng Pháp à ? Các cô ở đây vui quá, ngoài kia người ta chạy trốn cả khi gặp tôi ! » Nàng con gái mỉm cười, gật đầu chào René và lui xuống nhà bếp.

Và cũng bắt đầu từ giây phút ngạc nhiên này, René mới chú ý đến nàng. Khổ người hơi gầy, nàng có nước da trắng và mớ tóc rất dài. Mặt không đẹp lắm nhưng xinh với đôi mắt đen trong sáng, chiếc mũi dọc dừa và hàm răng trắng nuột. Vẻ đẹp nàng dịu hiền, mộc mạc của người dân bà xứ quê nhưng hình như riêng ẩn một chút gì cao quý bên trong. René nghe lòng rộn lên một niềm vui mới hòa lẫn nguồn xúc cảm triền miên. Từ lâu, chàng buồn lắm, không phải chỉ mới mấy hôm nay, bị bắt làm tù binh sau một trận giao phong, thân chàng bị giam giữ và không biết có ngày mai. Nhưng chàng buồn vì xót xa cho đời trai của mình, đem chí hy-sinh, lộng quả cảm đặt không đúng chỗ. Ngày còn ở bên nước nhà, chàng có ngờ đâu sẽ qua Việt-Nam dự cuộc chiến-tranh tồi bại này. Là một thanh-niên có học thức, vui-vẻ, yêu-dời, ưa hoạt động, chàng sang đây với ông chú mục-dịch tìm-tòi nghiên-cứu về vấn-đề kinh-doanh.

Nhưng giữa mùa khói lửa ngất trời, chàng bị động-viên sung vào đội pháo binh và đã trở thành một sĩ quan. Trong thời-gian tại ngũ, chàng nhớ xứ sở, nhớ gia-đình và đâm ra chán-nản khi thấy thể chiến kéo dài và biết bao nỗi thương đau đã chất chồng trên đám dân Việt hiền-lành. Và bên quê chàng, gia-đình chiến-sĩ cũng mỗi mắt ngóng trông. Nhiều đêm đông lạnh, khi chung quanh các trại lính đượm màu u-buồn vắng lặng và ghê rợn, René nằm gát tay trên trán nghe bên ngoài mưa đổ, lá rơi. Chàng tưởng tượng đến một ngôi nhà nhỏ trên bờ sông Rhin, một khu vườn xinh xắn. Gia đình chàng : một người cha khô-khan, lạnh-lùng, một bà mẹ dịu hiền và cô em gái ngây thơ có đôi mắt biếc... Nhớ nhung và mến tiếc... Chàng nhớ cả đến thời thơ-ấu và bầu bạn nhỏ tung-tăng trên những nơi cỏ xanh tươi có đàn cừu non đương gặm cỏ... René buồn lắm. Chàng thầm mong một chiều được trở về cố hương... Nhưng hôm nay thêm một mối giây thắt chặt sự tự do của chàng, René vẫn cảm thấy lòng vui lên, phấn-khởi...



Buổi chiều êm-ả quá. Tuy thu

đã về từ lâu, trời chiều nay trong, không gợn mây và nắng nhạt gây hơi ấm nơi lòng người, cỏ cây, cảnh vật. Giá thỉnh-thoảng không có những hồi trống báo-động phi cơ oanh tạc, đoàn người già trẻ nhón nháo gọi nhau, xáo-trộn sự yên tĩnh ở đây thì René tưởng như mình đang lạc vào một thế-giới thanh bình hoàn toàn xa lạ. Thấy cô con gái bà cụ chủ nhà ngồi giặt bên bờ giếng, chàng mon men đến gần hỏi chuyện :

— Cô giặt quần áo cho ai thế ?

— Cho mấy đứa bé kia ông ạ. Nàng vừa nói vừa giơ tay chỉ hai cháu đang vin một cành ổi trong vườn.

— Cha mẹ chúng đâu ?

— Chúng là con của anh chị tôi. Anh chị tôi đi làm xa, gửi chúng cho tôi.

— Tên cô là gì ?

Người con gái cười, hỏi lại René : — Ông hay hỏi quá. Ông hỏi để làm gì ?

— Tôi hỏi cho biết, thế thôi. Và chàng lặp lại cái câu ban sáng : — Các cô vui quá, hiền tiếng nói tôi ; ngoài kia người ta chạy trốn cả khi thấy tôi.

— Vì các ông ở hàng ngũ địch, vì các ông bắn giết chúng tôi.

René được dịp, buồn bã phân trần : « — Tôi không thích bắn giết đâu, cô ạ ! Chỉ vì bắt buộc thôi. Tôi đau xót lắm, tôi chỉ muốn về nước, thế nhưng người ta không cho phép... Hôm nay tôi lại bị bắt, tôi là một tù binh, tôi oán ghét chiến tranh lắm ». Nói xong, chàng cúi xuống lấy mũi giày đi đi qua lại trên một tảng đá, mặt lộ vẻ cảm động...

Giọng nói ấm và trong trẻo của người con gái khóa lấp sự suy nghĩ của René : « — Tên tôi là Thu, ông nhớ chưa ? » Chàng còn đương ngờ ngác thì nàng cất giọng thêm : — « Thu là mùa thu ấy mà, mùa chính giữa hè và đông ». René « a ! » một tiếng như đã thông cảm được lời nàng, và thân mật, chàng hỏi thêm : « — Chúng ta đang ở giữa mùa Thu đây phải không cô, cô Thu ? » Tiếng Thu, chàng cố uốn lưỡi lại mà vẫn chưa rõ khiến Thu bật cười, nhưng cũng đáp : — Phải đấy, ông ạ !

René sung sướng, mỉm cười. Thu chỉ cảnh trời bảo chàng :

— Mùa thu xứ ông có giống mùa thu Việt-nam không ?

— Cũng cảnh trời u ám, gió

nhẹ và lá vàng rơi từng lúc... Mà biết bao giờ tôi lại được sống mùa Thu xứ tôi ?

Người con gái Việt nhìn chàng trai đất Pháp, cảm thông được nỗi buồn xa xứ. Nàng giũ áo quần đem phơi và đi vào nhà,



Sáng hôm sau René dậy muộn. Đêm qua chàng nằm mơ nhiều quá. Những giấc mơ hãi hùng chen lẫn một giấc mơ êm. Chàng thấy mình và một cô gái giống cô Thu đang vượt một khu rừng ngập tuyết trắng. Rồi có đoàn thú dữ chạy ra vồ lấy hai người. Cô gái níu áo chàng, rú lên sợ hãi và chàng bừng tỉnh dậy.

Thu và bà cụ cùng ở nhà bếp. Hai mẹ con có vẻ lãng xãng sửa soạn những thức gì khác thường. Thu ngồi xồm dưới đất. Bàn tay trắng trẻo mềm mại của nàng đương khuấy trong bát đậu xanh đầy nước. Theo đà tay nghiêng nghiêng của nàng, vỏ đậu trôi ra, còn lại những hạt đậu trắng nuột trong bát. Cạnh đấy, mẹ nàng cầm dao rọc những tàu lá chuối còn đọng sương sớm, ướt lóng lánh. Hai mẹ con cùng im lặng, mãi miết. René nhẹ nhàng đến bên Thu. Chàng tò mò

hỏi : « — Cô làm gì đó ? » Thu mỉm cười :

— Làm bánh ! Ở xứ ông có thứ bánh này không ?

Chàng lắc đầu và ngồi xem tỉ mỉ từng cử động của hai người đàn bà. Nhìn bà cụ, chàng chợt nhớ đến mẹ, đến cử chỉ dịu hiền của bà mỗi buổi mai vẫn gói cho chàng một mẩu bánh mì bỏ vào túi rết, trước khi chàng đến trường. Có lẽ năm nay bà đã già lắm, mái tóc kia chắc đã lốm đốm hoa râm. Còn con bé em chàng, hàng ngày vẫn ăm búp bê ra vườn chơi và thường nũng nịu bên chàng, có lẽ nay đã thành một thiếu nữ. René thì thầm tính... Hai mươi tuổi, em chàng hai mươi tuổi rồi còn gì ! Đột nhiên chàng có cảm giác em chàng giống cô Thu ở đôi mắt...

Tối đến, khi René đương băng khuâng về Thu, thì người liên lạc ý chừng công tác riêng đã xong, về ngồi cạnh chàng, lặng lẽ bảo :

— Ngày mai chúng ta sẽ tiếp tục lên đường !

Chàng thần thờ, lập lại :

— Chúng ta sẽ lên đường !

Người liên lạc cắt nghĩa :

— Vì, công tác tôi đã xong và gia đình này bận việc, chúng ta ở đây không tiện.

Đôi mắt René sáng lên, chớp nhanh : « — Việc gì, anh biết chứ ? » Chú ta vừa chỉ cô Thu, vừa ghé tai chàng, nói nhỏ : « Ngày kia, người ta sẽ cưới cô đó ! »

René gật đầu, lầm bầm : « À, cô Thu lấy chồng !... Những chiếc bánh khi sáng... Đôi gà mái mua hôm qua nhốt trong lồng... »

Chàng buồn tiếng thở dài và lên giường kéo chăn đắp kín người mặc dù trời về đêm chưa lạnh. Chàng cảm thấy buồn thối thía... Niềm vui của chàng mỏng mảnh, dễ tan vỡ như một chiếc trứng. Người liên lạc đập vào chàng, nhắc một lần nữa :

— Này, sắp sửa hành trang đi, sáng mai chúng ta lên đường sớm !

René không đáp. Chàng như kẻ ngủ say rồi. Thật ra, qua làn chăn mỏng, rõ ràng chàng vẫn còn trần trọc. Người liên lạc bực mình, cần nhả mấy tiếng.

Sáng hôm sau. Thu dậy, hai người đã ra đi tự bao giờ. Trên gối nàng, một mảnh giấy trắng gấp tư làm nàng chú ý vội cầm lên xem. Chỉ vờn vờn có mấy chữ : « *À Thu parfait bonheur* » ! (1) nét mực nguệch ngoạc chứng tỏ

(1) Chúc Thu hoàn toàn hạnh phúc.

người viết nó rất vội vàng. Thu ái ngại, chép miệng : « — Cũng là một kỷ niệm, mình sẽ trao cho Tân xem ». Nghĩ đến Tân, người bạn đường ngày mai sẽ hòa nhịp với đời nàng, Thu sung sướng, hai má ửng hồng. Hình ảnh anh chàng René đáng thương, có tâm hồn lạ lùng đã xa dần...



Trong một ngày Thu ảm đạm năm sau, René được trả lại tự do. Trời không trong, không có nắng vàng nhàn nhạt đem về hơi nắng ấm, mà lại có mưa rơi và gió nhẹ, nhưng lòng René sung sướng hân hoan. Chàng đã thạo nhiều tiếng Việt, chàng mong gặp một bóng dáng quen thân để trao lời chào đầu tiên, thân ái. Trở lại đường xưa, chàng tìm vào ngõ cũ. Vẫn gian nhà nhỏ mộc mạc, vẫn bà cụ năm ngoái và đôi cháu bé thơ, nhưng nghe chừng hơi

đơn lạnh và trống trải. Phải rồi, thiếu tiếng nói ấm, giọng cười trong của cô gái trẻ thuở nào...

Nhưng vừa thấy chàng, bà cụ đã kè lè giọng khàn khàn, buồn áo não : « Nó đã chết rồi ông ạ ! Chết trong một trận oanh tạc tại quê chồng ! Nếu nó còn ở đây với tôi thì chưa việc gì, có lẽ hôm nay cũng còn gặp ông. Nó về ăn cưới cô em chồng, ở lại chơi một tuần thì gặp phi cơ dội bom xóm ấy, nhà cửa tan tành hết. Xác nó bị vùi dưới hầm sâu, bới một ngày mới lên. Tôi đứt từng đoạn ruột ông ơi ! » Bà cụ nấc lên, đôi vai khô gầy rung rung theo tiếng thồn thức. René vụt đứng dậy, chạy ra ngõ, mặc bà cụ ngơ ngác nhìn theo. Chàng lao đảo bước đi dưới mưa gió, gào lên : « Chiến tranh ! Chiến tranh ! Ta nguyện rửa mi, mi cướp mất nguồn sống của ta ! »



★ TẬP VIẾT

Em Hoa, 5 tuổi, học lớp Năm thấy con số 11, không biết viết thế nào, liền hỏi cô giáo :

— Thưa Cô, số 11 này có hai con số 1, thì em phải viết con số 1 này ở bên phải con số 1 này, hay ở bên trái ?

B. T.



* TÂN PHONG

CUỘC
TÌNH
DUYÊN
S Ồ I
N Ồ I

của

Thi sĩ MUSSET

và Nữ-sĩ

GEORGE SAND



(Tiếp theo P.T. 38)

MUSSET vẫn là thi sĩ ngây thơ, tự đồ lỗi cho mình vì không biết chịu đựng George Sand, khiến nàng chán nản nên nàng phải nhận lãnh tình yêu của Bác sĩ Pagello.

Từ Venise trở về Paris, dọc đường chàng còn viết rất nhiều thư gửi sang Venise thăm George và Pagello, lại còn cảm ơn bác-sĩ đã săn sóc cho nàng, khen ngợi Pagello là người tốt, xứng đáng tình yêu của George. Trong một bức thư, chàng lại viết : « George ơi, anh còn yêu em nhiều lắm, nhiều lắm. Anh biết em đang sống chung với một người yêu em, nhưng anh yên lòng. Vì anh biết Pagello là một người đàn ông đáng hoàng, có thể làm cho đời em sung sướng... »

George trả lời trong một bức thư :

« Vâng, Pagello yêu em và chịu đựng em đủ các cách. Em hoàn toàn thỏa mãn. Em đang viết quyền *Lélia*, đề kỷ niệm cuộc tình

duyên của chúng ta ở Venise, *Lélia* chính là em đây, anh ạ... » Như thế là hai người chia tay từ già nhưng không giận nhau, và còn « anh anh — em em » ngọt xớt !

Musset về đến Paris ngày 12 tháng 4 năm 1834. (Hai người ở Paris ra đi Venise tháng 12, 1833. Cuối tháng 3, 1834, chàng về Paris một mình). Chàng đi thẳng về nhà. Mẹ chàng thấy chàng tiêu tụy, bèn la lối om sòm : « Chúa ơi ! Chúa ơi ! Bà George Sand làm gì thằng con tôi mà để nó ốm o gầy mòn thế này ? »

Anh ruột của Alfred, là nhà văn Paul de Musset, cũng nhất định đồ lỗi cho George Sand là đã quyến-rũ chàng thi-sĩ ngây-thơ trẻ dại, đi Venise rồi bỏ rơi chàng, để chàng trở về một mình, còn nàng ở lại ôm ấp người yêu mới. Cuộc tình duyên dang-dở này gây ra một dư luận rất xôn-xao trong giới Văn-ngệ thủ-đô Paris : một phe binh vực Alfred de Musset, một phe binh vực

George Sand. Phe binh-vực Musset, có nhà phê-bình Sainte Beuve, nhà thơ Alfred de Vigny, nhạc-sĩ Franz Listz, an-ủi chàng và bảo chàng đừng thêm buồn nữa, đừng nghĩ đến « con mẹ » ấy nữa, và tốt hơn là tìm một cuộc tình-duyên khác. Phe binh vực George Sand thì có nhà phê-bình Gustave Planche, nhà thơ Prosper Mérimée và người chồng cũ của nàng là Văn-sĩ Jules Sandeau. Mấy người này mắng Musset là ngu-ngốc, khờ dại. Nhất là Sandeau đã bị Musset cướp mất người yêu bây giờ đến lượt Musset để người

yêu cho một chàng y-sĩ ngoại-quốc chiếm đoạt, Sandeau cho đó là một cuộc trả thù đích-đáng của số kiếp.

Musset vẫn bào chữa với mọi người : « Tôi chỉ yêu cặp mắt đẹp của nàng thôi. »

Không phải ! Chính Musset bị bỏ rơi, bị cầm sừng, mà vẫn còn yêu George Sand nhiều lắm, « yêu còn say - mê, yêu điên - khùng, yêu ầu - tả », lời của chàng viết trong một bức thư từ Paris gửi sang Venise, tỏ lòng thương nhớ tình xưa... »

Ông thầy thuốc
với cô NỮ-SĨ

GEORGE SAND
chịu đựng tình yêu mới lạ với một bác sĩ ngoại quốc, chỉ vì nó mới lạ, chứ một ông Thầy thuốc với một bà nữ-sĩ làm sao thông cảm được với nhau lâu bền ? Chính George đã viết thư về cho Musset, tả nỗi lòng thắc mắc ấy : « Pagello là người đạo đức, đáng được hưởng các thứ hạnh phúc trên đời, nhưng anh ta không phải là một

người thông minh. Anh ấy không đọc nổi và không hiểu nổi quyền truyện *Lélia* của em. Anh ấy tặng cho em một cuộc sống có thể gọi là đầy đủ, tưng bừng, mới mẻ, nhưng em đã thú thật với anh ta rằng lần đầu tiên trong đời em, em yêu mà không tha-thiết, không say-mê... »

Thế rồi tháng 8 năm 1834, (4 tháng sau khi Musset xách vali thui-thui về Paris một mình)

George cũng trở về nước Pháp. Pagello đi theo. Về Paris, George Sand trở về căn nhà cũ bé nhỏ và xinh xắn của nàng ở đường bờ sông Malaquais. Pagello thì ở một phòng trọ đường Petits-Augustins, một gian phòng khách-sạn bần-chật thuê mỗi ngày 1fr50.

Tội nghiệp anh « chồng » bác-sĩ người tỉnh Venise thơ-mộng của nước Ý, đến Paris lạ nước lạ cái, lại bị bà « vợ » nữ-sĩ bỏ rơi một cách thảm-hại giữa thủ-đô nước Pháp!

George Sand tự-do chấp-nối lại với Musset cuộc tình duyên đã đứt đoạn, và thường tiếp chàng tại căn nhà cũ còn đầy kỷ-niệm mê ly. Nàng vẫn âu-yếm như xưa, say mê như trước : « Anh ơi ! Chàng Thi-sĩ của em !... »

Chàng viết trong quyển nhật-ký :
 « A ! George ! Tình yêu xinh đẹp làm sao ! Chưa có người đàn ông nào đã yêu như anh yêu em. Anh điên rồi, em thấy không, anh bị tràn ngập tình yêu. Anh mê em, hơi em là da thịt của anh, là giòng máu của anh ! Anh yêu mê say như chết, một tình yêu không bờ bến, không có tên, vô lý, thất-vọng, tuyệt-vọng ! Người

ta mê với anh rằng em có người yêu khác nữa rồi, anh biết, anh chết đi được, nhưng anh yêu, anh yêu, anh yêu... »

Còn bác-sĩ Pagello ? Ông nầy than phiền với một nhà Báo, vì các báo ở Paris ngạo ông. Nhà Báo nói thật cho ông nghe :

— Ông chẳng có tài-năng gì cả mà bảo George Sand yêu ông mãi sao được ? George là một bậc tài-hoa, ở Venise nàng theo ông trong lúc nàng buồn vì tình, nàng thất vọng vì duyên, chớ đâu phải vì yêu ông ? Muốn được George Sand yêu thì phải là người có thiên tài như Musset, như Chopin, chớ ông chỉ biết giết chết vài con vi-trùng, ông hòng xin lại sao được một vinh dự lớn lao mà nàng đã vô ý ban bố cho ông được chút ít ở Venise rồi ! Một chút ít đó, chưa đủ cho ông rồi ư ? Nàng là người của danh tiếng ngàn năm. Mai sau, mỗi khi người ta nói đến nàng, người ta cũng nhắc một chút đến tên ông, ông còn đòi gì nữa ? Ông muốn làm chồng thật sự của Nữ sĩ George Sand à ? À ! Hãy đề cho tôi cười ! Ha ha ! Ha ha ! »

Bác sĩ Pagello về phòng trọ khóc cả một buổi chiều. Tối ngày cuối tháng 10, 1834, sau khi đến

Paris 2 tháng, ông xách va-li ra mua vé xe lửa trở về nước Ý. George Sand đã đi nghỉ mát ở Nohant, ông có viết thư, tỏ ý muốn đến thăm nhưng nàng không tiếp.

Đoạn tuyệt... rồi đoạn tuyệt...

MẶC dầu thỉnh thoảng hai người vẫn vô tình áp dụng câu tục ngữ Việt-Nam « yêu nhau lắm, cãi nhau đau » nhưng George Sand và Alfred de Musset đã cùng nhau sống trong tình yêu tuyệt vời. Bây giờ Musset lại ghen dữ, thật là anh chàng Thi-sĩ điên khùng vô lý. Lúc Pagello còn ở với George, thì chàng không ghen. Ngày nay, Pagello không còn nữa, George đã hoàn-toàn quên y, không một lần nào nhắc lại tên y nữa như một lầm-lỡ đã qua, một kỷ-niệm đã chết, đã chôn vùi trong quên lãng, thì Alfred lại ghen !

Trong nhật-ký của George, có chép :

« Anh yêu em, ôm riết lấy em làm em sung-sướng, sao bỗng dưng anh nổi ghen ? Anh chửi, anh rên khóc, rồi anh quỳ xuống chửi em, em lại tha lỗi cho anh ngay... »

Hai người cứ yêu nhau say-mê, rồi lại giận-dối. Giận đối bao nhiêu rồi lại yêu nhau đắm đuối bấy nhiêu. Hòa thuận rồi chia rẽ, tuyệt giao rồi đoàn tụ, cãi nhau hoài, bắt tay từ biệt nhau luôn, nhưng lại nhớ nhau, tìm nhau, gặp nhau xí-xóa, hôn nhau mê-ly, rồi « mình-mình, em em » như trái đất xoay tròn không có gì trục-trắc !

Cuối tháng 10, 1834, Musset đến ở luôn với George Sand, tại căn nhà xinh đẹp ở đường Malaquais trên bờ sông Seine. Nhưng chỉ ở chung được mấy ngày, rồi Musset lại bỏ đi. Chàng nói với Sainte Beuve :

— Lần này tôi với George tuyệt-giao thật sự, tuyệt-giao cho đến chết. Hai đứa đã thề nhất-định không ngo mặt nhau nữa.

Chàng về ở nhà người bà con, tại tỉnh Bourgogne. George tuyệt vọng, đau đớn, đi Nohant, quê của nàng.

Được 10 ngày. Musset trở về Paris. George cũng chạy về Paris. Chàng quyết liệt, không tiếp nàng. Nàng cắt một lọn tóc huyền, thơm đẹp của nàng, gởi đến chàng. Thi sĩ đã nao núng, xúc động, ôm lọn tóc lên môi, hôn và khóc nức nở, chàng quyết gặp nàng để xin lỗi nàng, và nhất định sống chung với nhau cho đến già, đến chết.

Nhưng các bạn hữu của nhà Thơ can thiệp, không cho chàng gặp nàng nữa. Họ sợ hai người này hóa điên hết. Cả giới văn nghệ Paris bàn tán xôn xao về cuộc tình duyên sôi nổi của cặp Thi sĩ Nữ-sĩ này. Ở các xa lông, các câu lạc bộ văn nghệ, các tiệm cà phê, chỉ nói rặc chuyện Musset—George Sand.

Cuối tháng 11, George, người yêu bị đau khổ, và nữ sĩ tài ba, bắt đầu viết lại quyển Nhật-ký, trong đó nàng đã diễn tả tất cả những rạo rực của tim nàng, với một giọng văn vô cùng cảm động, một thiên tình hận tuyệt bút của nàng, và cũng là một kiệt tác trong văn học sử Pháp.

Nàng trở về quê, ở Nohant. Nhưng không lâu đâu, chỉ được năm hôm thôi, nàng lại chạy lên Paris, trốn tránh các bạn làng Vann, để gặp lại Musset. Đôi uyên-

ương lại ôm nhau khóc lóc thê thảm, rồi lại yêu nhau mê ly, mê đắm, mê-hồn, mê-mải...!

Nàng còn đi khoe với nhà Văn Gustave Planche, như một thắng trận vẻ-vang :

— Alfred đã tha thứ cho tôi. Chúng tôi lại yêu nhau đê-mê như trước.

Gustave Planche, nhà phê-bình văn học, có tiếng là trào phúng cay chua, đáp :

— Thế hả ? Bà thất bại nặng nề quá nhĩ !

Quả đúng như lời phê-bình gắt gao và mai-mĩa của Gustave Planche. Cuộc đoàn tụ cuối cùng này không bền được 2 tháng, và chỉ làm khổ thêm cho George. Nàng viết :

« ... Anh là Thi-sĩ, anh còn trẻ mãi, trẻ mãi, anh còn đang sung túc đầy nhựa thơ. Em thì đã ngã quỵ rồi, em sắp chết, vì em đau khổ quá ! Thôi, xin vĩnh biệt anh ! xin vĩnh biệt anh ! Em không muốn xa anh, em không muốn gần anh, em chẳng muốn gì cả, hết, hết... »

Ngày 6 tháng 3 năm 1835, lần cuối cùng nàng quả quyết đi về quê Nohant.

Musset không gọi lại.

Thế là hai người xa nhau hẳn

giữa lúc yêu nhau cuồng nhiệt, không khí, bay lên mây xanh, thật cao, thật cao, rồi tự nhiên nổ l-

« Ta hãy để nó lan ra, cái vết thương thiêng-liêng ấy...! »

(*Laissons-la s'élargir, cette sainte blessure*)

A. DE MUSSET

Cuộc tình-duyen sôi-nổi của Thi-sĩ Alfred de Musset và Nữ-sĩ George Sand đến đây là chấm dứt. Hai người không gặp nhau lại nữa.

Nhưng nó vẫn còn kéo dài trong Văn-học sử nước Pháp một cách không ngờ, và không kém lý-thú.

Từ năm 1852, Musset 42 tuổi được cử vào Hàn Lâm-viện Văn-học Pháp nhưng Thi-sĩ đã thành như kiệt sức, không còn viết lách gì được nữa, tinh-thần bị yếu lắm, tài-hoa cũng đã úa tàn. Các bạn bè của chàng đều đổ tội cho George Sand, tại nàng mà sự nghiệp Văn-thơ của nhà Thi-hào trứ danh một thuở, nay đã gần như điêu-tàn khánh-khiet. Nữ-sĩ George rất bức mình về những lời chỉ trích ấy, nhưng nàng làm thinh. Năm 1857, Musset từ trần hưởng thọ mới được 47 tuổi, thì hai năm sau, 1859, nàng xuất-bản một quyển tiểu-thuyết, tựa là « Elle et lui » (Nàng và chàng). Quyển này làm xôn xao giới văn-nghệ, và bán chạy như tôm tươi, vì trong quyển truyện nàng ám-chỉ cuộc tình duyên của nàng và

Musset, nhưng lại đổ lỗi hết cho chàng về cuộc tình duyên dang dở. Năm sau, 1860, anh ruột của chàng là nhà văn Paul de Musset bèn cho ra đời một quyển truyện tựa là « Lui et elle » (chàng và nàng) để trả lời lại quyển « Nàng và Chàng » của Nữ-sĩ George, và bào chữa cho em mình.

Hai quyển tiểu thuyết này rất được giới thanh niên nam nữ tranh nhau mua, và vì thế dư luận công chúng cũng chia ra hai phe : một phe Musset và một phe George Sand. Xét kỹ lại, thì phe nàng không được thắng lợi, vì những tập thơ *Nuits de Mai, Nuits de Décembre* (1) của Thi sĩ đã làm xúc động hầu hết các văn nghệ sĩ và trí thức, và đã gây cho chàng một cảm tình luyến ái của khắp các giới thanh niên Pháp và Âu châu thời bấy giờ. Musset đã nổi tiếng khắp Thế giới là « Thi sĩ bức nhất của Tình yêu ».

TÂN PHONG.

Kỷ sau : Nữ-sĩ George Sand, người yêu của Đại Nhạc sĩ Chopin.

(1) *Làm sau khi Musset thất vọng ở Venice, trở về Paris.*

LÊ - HẢI BÀ VƯƠNG

(TRIỆU - ẦU)



★ Tô-Nam NG. ĐÌNH-DIỆM

NƯỞ C nhà trong thời nội thuộc Đông-Ngô lần thứ II (vào khoảng năm 248), về huyện Nông - Công thuộc tỉnh Thanh - Hóa xưa là quận, Cửu-Chân có bà Triệu - Ầu, em gái Triệu-quốc-Đạt, một chiến sĩ cứu

quốc thời xưa. Bà sinh ra có những kỳ tướng mà cổ kim chưa thấy ở trên nhân loại, như vú dài 3 thước, mình rộng 10 chét tay, tiếng lớn như chuông, sức khoẻ như thần, mỗi ngày đi 500 dặm: vì nỗi cha mẹ mất sớm, năm 20 tuổi mà còn ở với anh. Anh là người ôm một chí lớn, muốn cứu quốc gia khỏi vòng nội thuộc, nhưng bị người vợ quá hừ, chẳng những lằng loàn lại còn

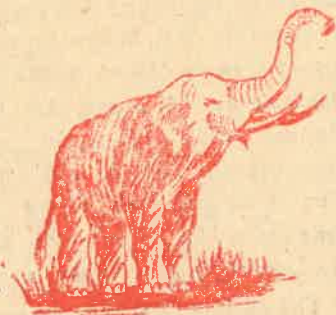
LÊ HẢI BÀ VƯƠNG

muốn phá công việc của chồng là khác.

Bà thấy chị dâu như vậy, không biết xử trí thế nào, bàn với anh đề đuổi chị, sợ chị ra ngoài tổ giác, công việc của anh sẽ vỡ. Vì cuộc vận động của anh còn đang trong thời bí mật, đề chị lại ư? Đề chị ở nhà thì việc càng chóng vỡ, nguy hiểm tánh mạng cho cả gia đình.

Khi vào núi thăm thấy em đã có hơn ngàn chiến sĩ. Ông bèn khuyên em trở lại trông nom gia đình, còn việc khởi nghĩa là việc của bọn tu mi, chứ em là phận nhi nữ, có trách nhiệm gì?

Bà đáp: « Em đây thiết tưởng non sông đất tổ, đâu phải của riêng các bạn nam nhi, bôn phận của giai thế nào thì bôn phận của gái cũng thế. Em dù là



« Muốn coi lên núi mà coi
Coi bà Quân tượng cốt voi
bành vằng ».

Suy đi tính lại suốt mấy ngày đêm không tìm ra được phương pháp gì khác, sau cùng bà đành phải quyết. Nhân lúc người anh đi vắng, bà liền rút gươm giết chết chị dâu rồi lên núi ở, chiêu tập đồng chí đề rồi hưởng ứng với anh. Cách mấy tháng sau anh trở lại nhà thấy việc đã xảy như vậy cũng chẳng oán hận gì em.

hạng khăn yếm, nhưng chí cũng muốn cỡi gió tuông mây, lướt sóng đề diệt Kinh ngư, quét hết những bọn ngoại địch tham tàn, cứu dân khỏi chốn lầm than cực khổ, thì mới hả dạ. Chứ có lẽ nào chịu theo thói thường nhi nữ, cúi đầu khom cật, làm thân tì thiếp như ai.

Anh thấy em quyết chí, cũng

không miễn cưỡng, cáo biệt ra về, chiêu tập các bạn đồng tâm kéo cờ khởi nghĩa, bốn phương hào kiệt hưởng ứng cũng nhiều. Đạt bèn tổ chức thành ra đội ngũ, kéo đi chiếm các huyện thành, giết các thú mục. Tiếng tăm đã thấy lừng lẫy, nhưng tai hại thay, giữa lúc ngọn cờ phục quốc còn đương phất phới trong quận Cửu-chân, nhân dân quận khác còn đương mong đợi, thì dùng một cái ông đã bị bệnh từ trần! Ôm bầu nhiệt huyết về nơi chín suối, làm cho anh em đồng chí cảm thấy như rã nát đầu. Nhưng mà anh em vẫn không nản chí, vẫn muốn tiếp tục chiến đấu cho đến thắng-lợi cuối cùng; trong lúc tìm người thay thế thì họ nhận thấy chỉ có bà Triệu là xứng đáng hơn, rồi họ kéo nhau vào núi suy-tôn Bà làm chủ tướng, chỉ huy cả hai cánh quân, kéo đi chinh phạt các vùng lân-cận.

Cứ như lịch sử chép lại thì lúc Bà làm chủ-tướng, mỗi khi ra trận, Bà lấy vải lụa thắt vú ra phía sau lưng, mình mặc áo bào kim tuyến cầm ngọn giáo dài, ngồi trên đầu tượng, oai-phong coi rất lẫm-liệt! Tới đâu quân địch không thể đương nổi, chưa trông

thấy bóng là đã chạy hoài, vì thế chúng phải tặng bà một cái biệt hiệu Lệ-Hải Bà-Vương, chứ không dám gọi tên chính. Đô-Hộ phủ cả sợ phi báo về Tàu đề xin cứu viện.

Lúc ấy Ngô vương tiếp được tin báo, biết Bà là đáng anh thư xuất chúng, các viên thú mục không phải là địch thủ với Bà, vậy muốn thủ thắng, tất nhiên phải có một người giống như Mã Viện ngày trước mới được, nhưng khi xét lại các hàng võ-tướng chỉ có Lục-Dận 陸胤 là hơn, tuy rằng lúc ấy Dận đã có tuổi, nhưng bắt đặc-dĩ cũng phải phong cho Dận làm đại tướng, kéo quân sang Nam (nguyên Dận là con Lục-Tồn 陸遜 một danh tướng đã từng phóng hỏa đốt hết 400 trại của Lưu-huyền-Đức ngày xưa).

Thế rồi Lục Dận kéo quân sang Nam, đôi bên đánh nhau 5,6 tháng giời, nhón nhỏ tới gần 100 trận. Trận nào Dận cũng bị thua. Về sau không dám khai chiến, đành phải đóng quân cố thủ để chờ cơ-hội, phía ngoài đề mặc cho Bà tung-hoành.

Chẳng ngờ về sau y dò được tin: Bà Triệu là người có tính lạ đời, chỉ ưa thanh khiết, còn

vật ô-uế thì Bà nhắm mắt lánh xa. Nhân đó Dận mới nghĩ ra một kế, chắc rằng kế sách ăn chặt, bấy giờ Dận mới dám hạ chiếu thư hẹn ngày đối trận.

Về phần bà Triệu luôn luôn khiêu-chiến, thấy Dận không chịu giao phong, chưa có cách gì để chém đầu Dận. Bà đương buồn bực, thì bỗng tiếp được chiến thư, chắc rằng Dận đã đến ngày hết số, Bà phê chuẩn ngay.

Thế rồi đúng ngày giờ hẹn, Bà cũng nai nịt ngồi tước mình voi đem quân ra thẳng mặt trận, ngó đầu nhìn sang trận địch, thì thấy tướng sĩ của Dận, cỡi trần trụi ngực, thỏn thêu như một đàn dê, cho là bần thiêu, rồi bà nhắm nghiền hai mắt quay voi chạy về bản trận. Lục Dận thấy Bà trúng kế hạ lệnh quân sĩ nhất tề đuổi theo, tướng sĩ thấy Bà bỏ chạy tưởng rằng Bà thua, nên cũng bỏ chạy tan nát. Lục Dận thừa kế đuổi đến tận xã Bồ - Điền 蒲田 thuộc phủ Hậu-Lộc 厚祿, trông thấy Bà chạy lên núi, Dận liền cho quân bỏ vây, vòng vây dần dần thắt chặt, tưởng chừng mọc cánh cũng khó bay qua, thế mà lạ thay. Cả Bà lẫn voi đã biến

đầu mất, mấy vạn quân sĩ chia nhau tìm khắp đầu non hang hốc, chẳng thấy dấu vết nơi mô (năm ấy Bà vừa 23 tuổi). Theo lời thổ dân lúc ấy truyền lại thì Bà đầu phải thường dân, tức là một vị nữ thần giáng thế, phụng mạng Ngọc-Hoàng xuống giết những kẻ tham ô, ngày nay hết hạn, Bà lại bay lên thiên đình. Vì thế nhân dân lập miếu đề thờ, rồi sau vua Lý-Nam-Đế (vào năm Giáp-tí 554 đến năm Mậu-Thìn 549) nổi binh đánh đuổi quân Lương chiếm lại Long - Biên, lên ngôi Hoàng-Đế, quốc hiệu là nước Vạn - Xuân (từ đây nước nhà mới có niên hiệu), đặt ra bá quan, xây dựng cung điện, nhớ đến Bà Triệu là vị anh thư thuở trước. Để sai xây lại đền thờ ở xã Phú - Điền phong hiệu Bật-Chính-Anh-Liệt-Hùng-Tài-Trinh-Nhất Phu-Nhân (弼正英烈雄才貞一夫人) rồi các triều đại về sau cũng phong tặng. Hàng năm nhân dân tế lễ, khói hương phảng phất như miếu Đồng-Nhân ở ngoài Hà-nội, là miếu thờ Hai Bà Trưng.

Nhưng tới ngày nay trải qua nhiều cuộc dâu bể, đền thờ Bà Triệu cũng đã hủy liệt mất nhiều.

nhưng khi vãn cảnh người ta còn
thấy hai bên cột đá có hai vẽ đối
không rõ khắc tự bao giờ.

« Bách chiến dư ba đẳng Lệ-
Hải, Thiên Thu kỳ nữ xế My-
Linh »

Nghĩa là : Trăm trận sóng
thừa vang Lệ-Hải,

Ngàn thu gái lạ sánh My-Linh.

Nhân tiện thuật giả cũng có
văn thơ đề kỷ niệm :

Mũi kiếm đầu voi gái xứ Thanh,
Nhũ dư ba thước tướng giết
sinh.

Tề gia tạm gác tình thân chị,
Cứu quốc thề nơi chí cả anh.

Trăm trận thư hùng vang Lệ-Hải.

Ngàn thu hương hỏa nổi My-Linh
Ngán thay nội thuộc vòng chơ

dẫn,

Bầy Dặn hoi tanh giám hòm
mình.



NHÂN MỪNG

Bác - sĩ Nguyễn-thành-Thượng

Được tin cháu Nguyễn-thành-Thượng trưởng nam
của anh Nguyễn-thành-Cường bạn tôi vừa giết Văn-bằng
Bác-sĩ Hóa-học tại Ba-lê.

Tôi thiết lòng trông mong cháu Thượng trau dồi học-
vấn kiến thức thêm, trở nên một nhân-vật hữu dụng cho dân
tộc, nhân loại hiện tại và tương lai, để khỏi phụ lòng kỳ-
vọng của anh bạn tôi một người có đầu óc tiến bộ với cái
thế-giới đương đột phi mãnh tiến như ngày nay.

VÕ-OANH

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỪ-VU ★ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

(Tiếp theo P. T. số 38)

MÃI cho tới lúc người
khán hộ đến gõ cửa
phòng, tôi mới bừng tỉnh. Tôi
liền đứng lên và tìm một chiếc
ghế để ngồi. Quả tình, khi đó,
tôi mơ mơ, hồ-hồ, chẳng còn ý-
thức được các việc vừa xảy ra,
là thực, hay là mộng, là chân
lay là ảo ? Tôi cứ ngồi yên một
cách si ngây như thế, chẳng nói,
chẳng rằng, cho mãi tới lúc Hải

Lan, ở ngoài bước vào, và vui
vẻ kêu lên :

— A, anh đến từ bao giờ thế?

— Tôi cũng vừa mới đến đây,
cô ạ.

Thiết tình, ngoài mặt, tôi cố
giữ lấy vẻ điềm tĩnh, nhưng
trong thâm-tâm tôi, tự thấy vô
cùng hổ thẹn. Dưới làn nhân-
quang của Hải Lan, nét mặt tôi,
đã biến đổi. Cái dòng điện của

Bạch-Tần đã làm diên-đạo tất cả cảm quan của tôi, tôi chẳng còn là tôi nữa. Bạch-Tần đã hoán-cải tất cả tâm-hải của tôi.

Còn Bạch-Tần, nàng vẫn giữ được nguyên vẹn, cái phong-độ cũ; không những thế, có lẽ, nàng-co-hồ đã trở nên hoán-phát và thông-mẫn lạ thường. Ngôn-ngữ, cử-chỉ của nàng, có phần phong-phú hơn nhiều, nàng quả đã thao túng tất cả cái làn không khí của gian phòng này. Tinh-thần tôi hoảng-hốt, tôi chẳng còn nhận thấy rõ, tôi là kẻ đã cứu giúp kẻ khác, hay, tôi là kẻ phạm tội; tôi cũng chẳng biết; tôi đương đau khổ, hay tôi đương sung-sướng. Tôi chỉ thấy lòng tôi nặng trĩu, vì ưu-tư, và tâm hồn tôi, như bị đè-bẹp, dưới một áp-lực khủng khiếp.

Những tiếng nói, giọng cười của Bạch-Tần và Hải-Lan làm cho tôi hết sức khó chịu. Tôi ngồi chết đờng ở trên cái sofa; tôi lo-lắng, run sợ và tưởng chừng như một thứ tai-họa gì ghê-gớm lắm, sắp sửa xảy tới đến nơi, nếu tôi nói năng hay cử động. Tôi không khác gì một kẻ khốn-nạn đương

ngồi chờ sự hành phạt của vận-mệnh.

Mãi sau, Hải-Lan mới hỏi tôi:

— Hôm nay, anh làm sao thế? Anh có vẻ như không được thư-phục, thì phải?

— Thừa vâng, tôi thấy trong người «khó ở», thứ nhất, ở đầu và ở ngực.

Cô liền hỏi tôi bằng một giọng rất ôn-nhu:

— À, anh soi một bôi trà vắt chanh, nhá? Hay anh thích cà-phê hơn?

— Thôi, cô ạ, tôi không khát. Có lẽ, tôi xin về, để đi nằm nghỉ, thì hơn.

Thế rồi, tôi liền cáo từ họ.

Trên con đường về, tôi không thể không nhận thấy cái kiếp người thiệt là tối tăm, mờ mịt. Đến liệu dưỡng viện, cái không khí yên tĩnh ở đây, đã làm cho tôi khôi phục được thái độ thường ngày. Tôi định bụng nhất quyết không đến y viện Thánh-Tâm nữa, để cho Bạch-Tần trở lại lạnh nhạt như xưa một cách yên ổn, tự nhiên.

Ngày hôm sau, tôi đã cùng người-lão bệnh nhân, đàm thoại,

không biết bao nhiêu là chuyện, trong đó, tôi cố gắng để tìm hiểu thêm, về cái ý nghĩa của cuộc sống. Tôi cũng hạ một quyết tâm, là đem tất cả tâm tình ái-luyến, ký thác vào cái chức vụ hiện thời của tôi. Đến đêm, tôi đem ra đọc, những cuốn sách mà y sư Xa lập Mỹ đã có bụng yêu giới thiệu với tôi, và cho tôi mượn. Nhờ thế, tâm cảnh của tôi đã lần lần, trở lại bình tĩnh như xưa.

Nhưng, có một việc ngoài sự dự liệu của tôi, đó là dây điện-thoại. Hồi chuông réo lên, và khi nghe thấy ở đầu dây bên kia, chính là Hải-Lan, chứ không phải Bạch-Tần, tôi vụt liền tưởng tới bao điều trách móc, bao sự phiền não. Dầu sao, tôi cũng không thể nào từ chối; không nghe. Nhưng tôi đã quá lo xa, Hải-Lan chỉ hỏi tôi, liệu sáng mai, có thì giờ rồi, để đi chơi với cô hay không? Cô lại nói, cô có, rất nhiều điều, muốn đàm đạo với tôi.

Việc đòi hỏi của Hải-Lan thiệt là đột ngột, vì, lần này, là lần đầu tiên, cô làm như vậy. Vả, cứ lấy luận lý mà giảng, tôi không có cơ gì để cự-tuyệt

lời yêu cầu đó; mà, lấy tình cảm ra để nói, sự mời mọc này không phải không đem lại cho tôi cả một nỗi vui tươi, khoái trá. Tuy, trong lòng tôi có đôi phần lờ-à, nhưng tôi cũng vui vẻ nhận lời.

Sau khi khoác cái ống nói lên máy điện-thoại, tôi đàm bối rối, nghĩ tới cái cuộc họp mặt buổi sáng mai. Tôi suy nghĩ lung-tung. Cái mờ-bùng-bùng rồi bời trong lòng tôi, lại càng rối hơn. Tay tôi cầm cuốn sách, mắt tôi mở trừng trừng, mà tôi chẳng nhận ra, tôi đọc cái gì. Khỏi óc tôi như bị quay cuồng, linh loạn, trong một cơn mê dữ dội.

Sáng hôm sau, vào khoảng mười giờ, Hải-Lan đến tìm tôi. Hôm nay, cô ăn bận cực kỳ diễm lệ và sự trang sức của cô hết sức công phu: ở mi mắt, cô có điểm một làn phấn lam thơ-thốt và lòng-mi cô đã được chải óng mượt và uốn cong, nên, cặp mắt xanh màu ngọc bích của cô, nổi bật và sáng ngời lên, như nước hồ một ngày xuân quang, minh-mị. Mớ tóc vàng óng ánh của cô, phản chiếu thành một vầng hào-quang rực rỡ, nó bao bọc chung

quanh đầu cô, mà làm cho khuôn mặt trái xoan của cô, lộ ra, bao vẻ « linh lung khả ái ». Ngần ấy điểm quang-thái bất tôi phải liên tưởng tới đóa hoa tươi sáng đương rung rinh khoe vẻ điểm kiều, dưới ánh dương, với cả một bản nhạc êm đềm của một đàn hoàng-oanh và bách-linh, chúng đua nhau ca hát vang trời !

Uyển-chuyển trong tấm áo khoác trắng muốt như tuyết, Hải-Lan, cất giọng ôn nhu, bảo tôi :

— Anh ạ, chị Bạch-Tần thế là đã bình-phục hẳn rồi. Chị ấy lại bằng lòng đến liệu-dưỡng-đường của y sư Xa-lạp-Mỹ, để hoàn-tất việc trị-liệu về thần-kinh-hệ. Thế rồi, sang đến mùa xuân tới, chị có ngỏ ý muốn, anh sẽ bồi bạn chị ấy xuống nghỉ ngơi trong một thời-gian, ở bờ bể miền Nam. Có một điều rất may, là chị ấy đã tự nhận, tinh-thần của chị ấy, còn cần phải được liệu-dưỡng một cách khoa-học.

Lê ra, cái tiêu-tức đó, phải làm cho tôi hứng-phấn, mới đúng, nhưng chẳng rõ tại sao, tôi lại nhận thấy nó vừa đột-

ngột, vừa nghiêu khê, thế nào ấy. Tuy nhiên, tôi không dám thổ-lộ chân-tình ra với Hải-Lan, vì tôi e cô mất vui, tôi bẽn lẽn nói :

— Thật thế, ư em ? Nếu vậy thì tốt quá ! Đó là cái kết-quả của tất cả công lao khó nhọc của em đấy. Thế, Bạch-Tần có ước-định hôm nào đến đây, hả em ?

— À, cái đó còn tùy ở y-sư Xa-Lạp-Mỹ, chứ. Chị ấy hy-vọng rằng, y-sư sẽ dành riêng cho chị ấy, một căn phòng an-tĩnh và thanh khiết.

Tôi đứng lên, cởi tấm áo khoác ngoài cho Hải-Lan. Trong cô bạn một bộ xiêm-y màu lam-hồng, có điểm những sợi ngân-tuyến, lông-lánh. Thân hình đều đặn, óng-ả, và làn da trắng mịn của cô, hòa hợp với bộ áo, một cách tiết-tấu, nên, tôi phải thốt lên lời tán-mỹ :

— Hải-Lan ăn bận và trang-sức tuyệt khéo ! Trông em cứ «nôn» ra thôi !

Cô tươi cười, nũng-nịu, đáp :

— Thế, a anh ? Em mong, em cứ giữ nguyên được mãi mãi, cái ấn tượng đó trong tâm-

não anh...

— Về phần anh, anh cũng cầu xin cho em tươi, trẻ, suốt đời ! anh phải đem hai câu thơ này, để tặng em...

— ... hai câu thơ ? Thích quá nhỉ. Đầu, anh đọc em nghe...

— Đây, đây : «Nguyện quân, thanh-xuân năng vĩnh tại : Dung quang cứu ẩn cổ nhân tâm ! »

— Trời, hay quá, hai câu đó tả được rõ tất cả ý nghĩ của anh, anh có nhận ra không ?

— Đúng ! Em ạ, chúng ta phải lấy cái ngày hôm nay, làm một ngày kỷ niệm hoan lạc của chúng ta, em nghĩ sao ?

— Em xin đồng ý.

— Thế bây giờ, em hãy ngồi đây chờ anh một lát nhé. Anh cần phải báo cáo ngay với y sư Xa-lạp-Mỹ, về cái ý định của Bạch-Tần, anh dám đoán quyết, y-sư sẽ vô cùng vừa lòng, đẹp ý.

Nói xong, tôi đứng lên, đi tìm y sư. Quả nhiên, y sư rất cao hứng và ông ước định, tuần lễ sau, tôi sẽ đích thân, đi đón Bạch-Tần. Sau đó, tôi về phòng riêng để thay quần áo. Trở lại khách sạn, tôi báo với Hải-Lan :

— Anh phải xin lỗi em ... anh đã để em ngồi chờ quá lâu.

— Thưa, cũng chẳng lâu là bao, anh ạ... Có phải, anh đã đi thay quần áo không ạ ?

— Đúng, em ạ. Chẳng lẽ em ăn mặc chỉnh tề như thế kia, mà anh lại lười sười, coi sao được.

Lúc ấy vào khoảng mười một giờ, hai chúng tôi đi đến một nhà hàng khá sang trọng. Quả, hôm nay, Hải-Lan có vẻ rất khác thường. Tôi có cái cảm-giác, cô đã quên hết quá khứ và cô cũng chẳng thử-nghiệm gì tới tương-lai. Trong thời khắc hiện tại, cô đem hết về thanh-xuân, mỹ-diễm ra, để huy-hoặc cho thiết thỏa thích. Cô đã uống khá nhiều rượu, và, sau bữa thịnh-soạn, cô bảo tôi :

— Bây giờ, ta phải đi chơi ở một nơi nào thiết xa xa, anh à.

— Nhưng nơi xa như thế nào, hả em ?

— Em ước ao nơi nào có đủ, núi, hồ... Em vốn sinh-trưởng ở nơi thôn dã, nên em vẫn không ưa những đô-thị phồn-hoa.

— Anh cũng có một hướng nghĩ như em. Anh, anh vốn là một đứa con đẻ của «tự-nhiên», chứ, không phải một tên nô-lệ của xã-hội !

(Còn nữa)

nhân ngày truy - niệm Phan - Khôi

Chúng tôi vừa nhận được một bài lai - cáo của ông Phan - Vỹ, nguyên Quận trưởng quận Tam - Kỳ, một người cháu ruột của Cụ Phan - Khôi, hiện ở Saigon, bỏ tức một vài chi tiết về thân thế Phan tiên sinh.

Chúng tôi xin vui lòng trích đăng những tài liệu ấy sau đây.

PHỒ-THÔNG

★ PHAN - VỸ

Từ ngày chính tôi là người đã tiễn ông Phan-Khôi lên tàu ra Bắc (1945) tôi hằng ao ước có dịp nói lên những gì về mẫu chuyện đau buồn, uất-ức của ngày biệt-ly kia và sẽ nói luôn cả cuộc đời con người đáng kính ấy.

Rồi thời-gian qua, vài cơ-hội đến với tôi, năm 1949, khi xem đến tập kỷ-niệm «Đại hội Văn-nghệ toàn quốc» của Việt-Cộng, hay ngày Nhân-văn ra đời, rồi Nhân-văn bị đàn áp, và cuối cùng là ngày được tin ông từ-trần trong đau-thương thảm - đạm. Nhưng mỗi lần đến lại một lý-do khác nhau không cho đề cập đến sớm quá, theo tôi nghĩ. Cũng có lẽ vì vậy, dịp quan-trọng của ngày truy-niệm Phan-Khôi tại Tòa Đô Sảnh Saigon hôm 9-7-60 vừa qua, đã khiến tôi ngẫu-nhiên xem thấy nói trên báo-chí và, đi dự. Suốt buổi lễ tôi vô cùng cảm-động và gần như thoải-mái cho lòng thương-tiếc của Văn-nhân hiện-

NHÂN NGÀY TRUY NIỆM PHAN KHÔI

đại đối với Ông. Nhưng tôi cũng xin bỏ tức thêm vài điểm trong thuyết-trình của các diễn-giã.

Nếu một ai biết được sự thật vì sao Ông Phan-Khôi lên đường ra Bắc để rồi bao nhiêu năm chịu sống với Việt-Cộng, sẽ phải đau lòng trước nghịch cảnh và thán-phục con Người ấy. Người đời không thể nói rằng Ông Phan-Khôi vì sợ chết hay vì muốn yên thân mà mật sai người mang thư ra Bắc để đạt ý-định mong có sự che chở hay vinh-thân với Chính-Phủ Hồ-chí-Minh lúc bấy giờ. Sự thật, Ông Phan-Khôi vì công-kích Việt-Cộng nhiều lần và quá khích nên Ủy-Ban địa-phương phải kêu về Hà-nội. Chúng trình rằng Ông Phan-Khôi hiện đang được uy-tín với một số không ít, lại là Cha của PHAN-THAO, Nghị - sĩ Quốc - Hội, Cha của PHAN-CỪ đảng-viên quan-trọng tại địa-phương, anh chú bác của PHAN-BÔI, tức Hoàng-hữu-Nam đương là Thứ-trưởng Nội-vụ, anh chồng của LÊ-THỊ-XUYẾN tức bà Phan Thanh hiện là đại-biêu Phụ-nữ toàn-quốc, thì bắt giam hay thủ tiêu là đều thất-sách mà đề vậy thì địa-phương mất uy tín quá nhiều. Do lời kêu trình trên, Trung-ương

Việt-Cộng bèn sắp đặt mưu-mô, do Phan-Bôi chủ-trương, giả Bộ Nội-Vụ đánh điện mời Ông ra Hà-nội để giam khéo. Trên đây tôi trình bày qua về lý-do Ông Phan-Khôi đi Bắc và cũng vì vậy từ ngày đó Ông không còn dịp vào Nam nữa.



Ngoài ra, diễn-giã thứ ba, giáo-sư Trần-dinh-Bảng, đã đem lại cho chúng tôi một may mắn vô cùng vì được nghe một người chứng-kiến ngày cuối cùng, ngày lâm-chung của Ông PHAN-KHÔI nói chuyện. Nhưng tiếc thay Giáo-sư nhận xét rằng Ông Phan-Khôi đã có cái lầm là hiểu Cộng-sản qua lòng mình. Ông cho rằng Ông Phan-Khôi chưa biết rõ bản chất người Cộng-sản, đã lỡ lầm đem tài ra phụng-sự Cộng-sản trong mười năm trời để rồi cuối cùng được chữ bói, hắt hủi và chết trong âm-thầm, tủi cực. Có lẽ vì muốn nói rằng cái lầm của Ông Phan-Khôi cũng đồng thời là cái lầm của người trí-thức mà đa-số hiện nay còn phải đau khổ ngoài Bắc. Tôi muốn thanh-minh rằng Ông Phan-Khôi không hề làm Cộng-sản. Bao nhiêu mẫu chuyện đã xảy ra từ ngày Việt-Cộng cướp

chính quyền đến khi lìa quê hương ra Bắc lần cuối cùng, trong gia đình, ngoài xã-hội Ông Phan-Khôi đã hùng-biện trả lời là Ông chống Cộng-sản trong mọi hoàn cảnh và bất chấp mọi thời-gian. Không kể đến những mẩu chuyện mà dân chúng miền Trung chẳng ai quên trong ngày Ông lên diễn đàn chất-vấn phái-đoàn Trung-Uơng Việt - Cộng đi quan-sát phản - ứng toàn - dân sau ngày chúng ký - kết hiệp ước Fontainebleau với Pháp, ngày Ông đập bẻ bàn đèn bỏ hút, ngày gia đình Ông tạo ra không khí bất hòa về chính - trị để đến bữa ăn cha con ăn riêng hai bữa, đủ chứng tỏ rằng Ông chống Cộng và hiểu Cộng như thế nào, đến ngay cả ra Bắc, sống trong sự kèm tỏa của chúng, ta tìm xem bao năm qua Ông đã làm gì để chịu tiếng là làm Việt-Cộng. Một người sống trong cảnh ngộ ấy, nhất là được Việt-Cộng cổ tình mua chuộc; nào Hồ-chí-Minh tận tay tặng áo, nào Đảng chịu nhún mình để cử Ông làm Trưởng Phái-đoàn sang Bắc-Kinh mà rồi cũng không một tạp văn nào, ông ca-tụng đảng, cổ nuôi chí chờ

ngày bộc phát. Tôi cương-quyết nói rằng Ông Phan-Khôi là một nhân-vật chống Cộng đáng phục nhất,

Giáo-sư Trần-đình-Băng có nhấn mạnh ở đoạn kết rằng dù ông Phan-Khôi mới thành-công một nửa, nhưng tên tuổi Người sẽ sống mãi trong lòng ta, đã cho phép tôi thêm rằng giữa cảnh ngộ Ông Phan - Khôi không có gì đáng trách mà hoàn-toàn đáng-phục.

Nếu người chỉ chống Cộng trong lý-thuyết sẽ còn bị người khác phàm-bình là chống trên đường lối nhưng không thực-tế, đứng mũi chịu sào, đằng này ông Phan-Khôi đã hoàn-toàn trong mọi hoàn-cảnh, không sợ-sệt mà chống Cộng ở xa-lông, không hèn nhát mà dùng lại khi bị uy-hiếp. Hơn thế, Ông Phan-Khôi khác người là ở vào cái tuổi mà người đời gọi là «lão gia an chí» thì ông lại càng cố để lại cho hàng thanh-niên chúng ta một gương chống Cộng quyết-liệt hay đặc-biệt đáng kể là không tài nào mua chuộc được Ông trong bất cứ hoàn cảnh nào.

PHAN.VỸ

Chuyện vui

n o i

h e n

h ò

★ Bà LAM.GIANG

HÔM đó là ngày gì mà vui cho đời nữ - sinh chúng tôi quá, có lẽ là ngày xung của chúng tôi nên chúng tôi bị bà Hiệu-Trưởng khủng-bổ một trận nên thân. Nguyên-nhân cũng chỉ vì mấy lá thư tình tai hại từ bên trường Nam gửi sang. Mà nhà trường có luật kiểm-đuyệt thư của học-sinh. Thế là chúng tôi bị nghe giảng luân lý một cách miễn-cường đến sượng mặt.

Nào là :

— Cơm cha áo mẹ công thầy. Các em tới đây để học lễ-nghĩa trí tri cho nên người nên phận. Các em không nên đem nhà

trường làm cái trạm thơ ái-tình.

Chẳng hiểu các cậu viết gì trong thơ mà chúng tôi bị la dữ ! Thật là oan cho chúng tôi quá !

Chúng tôi cả lớp đều im-lặng. Buồn buồn nhận lấy bài học đích đáng. Nhưng chỉ năm phút sau khi bà Hiệu-Trưởng quay gót đi rồi là chúng tôi rủ nhau quyết trả thù những lá thư không quen biết ấy đã làm chúng tôi điên đầu cả buổi.

Chúng tôi liền cử một bạn văn hay chữ tốt nhất lớp mà cũng gan nhất. Thảo một tá thư tình gửi sang trường Nam cho mấy cậu leo cây một chuyến.

Mười hai lá thư cùng viết

một mẫu không sai chữ nào, có khác chăng là chỉ khác tên mười hai người sẽ được hân hạnh nhận thư.

Trong thư bạn tôi đã tả tình rất lâm ly và cổ rào trước đón sau cho có vẻ con nhà môn-phạm nề-nếp lơ sa chân vào bể bình.

Thư rằng :

Kính anh...

Em đường đột viết thư này xin anh hãy bình tĩnh tiếp-nhận và đọc cho hết lời em.

Đã từ lâu em e-áp mai không dám nói ra cũng vì muốn giữ thân phận mình là gái nên đành âm-thầm lặng lẽ chôn kín mối tình đầu để cố bảo thủ lấy luân-lý cổ truyền cho khỏi bị người chê là gái lãng-mạn. Cho đến nay không thể vừa si-tình vừa sáng suốt được, em đành bạo viết thư này mong anh hiểu cho lòng em là kẻ đã yêu anh với tất cả mối chân-tình trinh nữ. Chỉ vì em đã đại-dột nhìn thấy bóng dáng ưu-tú của anh trong một ngày nào... Để cho ngày biển ăn đêm quên ngủ thần thờ xây giấc mộng xa xôi.

Anh ơi ! Nếu tình em không phải là mối tình vô duyên, thì xin

anh đừng để lá thư này là lá thư cuối cùng chấm dứt mối tình em. Và vì thế em xin hẹn gặp anh thứ bảy này đúng 12 giờ trưa. Trên con đường ven biển chạy dài xuống. Anh hãy để ý nhìn kỹ trên đường như em đã cẩn thận kẻ ba dấu chữ thập đỏ nối liền nhau. Nơi đó anh hãy đợi em một tí em sẽ tìm đến anh để chúng ta có dịp bắc chon nhau nhịp cầu thông cảm.

Sở dĩ em phải hẹn anh vào giờ ấy là vì chỉ có trưa thứ bảy thấy mẹ em yên tâm đánh một giấc ngon lành em mới có thể lên ra mà đón Hoàng-tử của lòng em được.

Xin anh đừng bỏ qua mà tội cho tình em.

Thân ái.

Cuối thư lẽ dĩ nhiên chúng tôi không dám đứng tên thật mà đã mượn những tên rất hoa-mộng ký vào.



Trưa thứ bảy ấy các cậu đứng hẹn quá ! Cửa hồ bỗng dưng đem nài nỉ mà dằng tặng, không nhận lãnh là phí hoài đi. Ngàn năm một thuở cơ mà..

Bãi biển giờ này vắng lắm !

Trên nắng dưới nóng. Ai ai cũng về nhà tránh nắng trưa, cho đến phu xe cũng gát gọng xe nằm nghỉ dưới bóng râm. Duy chỉ có những kẻ say tình là không kể gì mưa nắng. Cho nên vẫn lặn lội đi tìm hoa giữa cảnh trưa đứng bóng.

Đâu đây chuông nhà thờ rung inh-ỏi... Sóng biển từ ngàn năm vẫn vô tình dội nước vào bờ. Đã chứng-kiến biết bao cuộc tình duyên đưa nhau ra đây làm nơi hẹn hò ân-ái. Giờ này chắc hẳn cũng lấy làm lạ cho một tốp thanh-niên mặt mày nhẵn nhụi áo quần bảnh bao tính ra vừa đúng một tiểu đội.

Họ làm gì mà đi đi lại lại trông có vẻ sốt ruột chờ mong. Mà sao họ không đi xa hơn, hay xích xê độ năm chục bước nữa sẽ có một cây tra to lớn có bóng mát, nơi đó đứng chờ đợi hay nghỉ xả hơi có khoẻ thân hơn không ? Mà cứ cam tâm đứng đợi nắng giữa trời !

Trông họ có vẻ bí-vật lắm. Chốc chốc lại coi giờ, rồi lại bóc thư ra xem đi xem lại. Hết đứng lại ngồi, ngó trước nhìn sau, mồ hôi nhỏ giọt. Loanh-

quanh trong mấy cử chỉ ấy. Hay họ là những nhà thám-tử ?

Một giờ qua...! Mà họ vẫn kiên tâm tắm nắng.

Lúc đầu, trong bọn gặp nhau họ vẫn giữ thái-độ tự-nhiên mỗi người có một tâm-sự riêng, và coi như vừa đi qua đánh rớt một vật quý trở lại tìm kiếm. Lâu dần, họ lấy làm ngạc-nhiên và nghi-ngờ cho cuộc gặp gỡ tréo cẳng ngổng này. Người đẹp đâu chẳng thấy mà chỉ thấy một bầy tu mi nam tử. Họ tự hỏi thăm trong bụng như thế. Rồi hình như không thể kéo dài không khí khó thở nữa. Họ làm lạnh với nhau.

Một người trong bọn lên tiếng :

— Chú đi đâu giờ này ?

Người kia hỏi lại :

— Giờ này chú đi đâu mà hỏi tôi ?

— Thôi đừng đùa nữa, nói thật cho tớ nghe rồi tớ sẽ kể rõ mục đích đến đây của tớ cho chú nghe. Ly kỳ lắm !

— Thật nhé ! Sở là mình có một nàng hẹn gặp mình trưa nay tại dấu chữ thập này để cùng mình xây một mối tình thơ mộng.

Nỡ lời người đẹp mình không
quản nể mưa nắng sẵn sàng ra đây
chờ mãi nhưng không thấy nàng
đâu cả. Có lẽ nàng đau chẳng?
Hay nàng bị cha mẹ cấm ngăn
mà lỗi hẹn. Nay đây, các bạn
xem thư nàng viết cho tôi sẽ
biết tôi có sở đào hoa hay không?

Cả bọn tranh nhau xem thư,
xem xong mới vỡ mặt ra. Thật
không ngậm ót mà cay.

— Chết rồi chắc-chắn chúng
mình bị Hồ-Ly tinh bên trường
Nữ học nó hốt hồn nên mới đại
mặt mà đến đây!

— Về đi thôi hề!

— Anh em! Về đi thôi!

Rồi không ai bảo ai họ đã phủ
phàng xé tan tành những lá thư
vứt ra gió bụi, những lá thư
mà trước đây 15 phút họ đã coi
quý như những lá bùa hộ mệnh.

★

Xa xa trên bãi cát vàng, núp
khuất sau một ghe to bị hư hỏng,
dựng nghiêng bên góc cây dừa,
một bầy nữ-sinh chúng tôi ôm
nhau cười đắc thắng!

**Trong giới sinh-viên Đại-học Việt-nam ở Hải ngoại
một thành công đáng khen**

Chúng tôi được tin bạn **NGUYỄN - THÀNH -
THƯỢNG**, sinh viên ở Pháp, con trai ông Nguyễn-
Thanh Cường, nhà doanh-nghiệp có tiếng tăm ở Gia định,
Chủ nhà máy ngói Tuilphuhuu, vừa thi đậu kỹ-sư Tiến-
sĩ Hóa-học (Ingénieur Docteur en Chimie) với "Mention
très honorable", — ưu hạng danh-dự.

Đó là một thành công rất tốt đẹp; chúng tôi xin thành
thật có lời mừng bạn Nguyễn Thành Thượng và ông
Nguyễn Thanh Cường

N. V.

Câu đối

● « Nhà trống ba gian, một thầy, một cô, một
chó cái,

● Học trò dăm đứa, nửa người, nửa ngợm,
nửa đười ươi»

là của

CAO - BA - QUÁT

hay của

NG.-CÔNG-TRÚ

?

★ NGUYỄN-VỸ

VÀI nhà chép văn học sử
cho rằng câu đối trên là
của Cao-bá-Quát dán tại trường
học lúc ông làm giáo thụ ở Quốc-
Oai. Một số giáo-sư viết sách
luận-đề về Cao-bá-Quát cũng theo
đó mà soạn bài cho học trò.

Nhưng chúng tôi không được
biết các nhà văn học sử căn cứ
vào tài liệu nào để nói chắc chắn
rằng câu đối trên là của Cao-bá-
Quát? Trong « Chu Thần thi tập »
của Cao-bá-Quát có ghi câu đối
ấy không? Hoặc có tác phẩm nào

của người đồng thời có nói về
câu đối ấy không?

Nếu tôi không lầm, hiện nay
không có quyển văn học sử nào
đưa ra tài liệu chứng minh quyền
tác giả của Cao-bá-Quát.

★

Trái lại, tôi tin rằng CÂU
ĐỐI TRÊN KHÔNG PHẢI
CỦA CAO-BÁ-QUÁT. Cao-bá-
Quát làm giáo thụ là một chức-
quan lại của Học chính thuở
trước, dạy trường nhà nước ở
Quốc-Oai, là một phủ lớn của
trấn Sơn Tây. Trấn Sơn Tây lại là
một vị trí quan trọng và đông đúc

nhân dân, chỉ cách Thủ-đô Thăng-Long vào khoảng 80 cây số, chứ không phải "một nơi hẻo lánh" như ông Hà-như-Chi viết trong quyển *"Việt-Nam Thi-văn giảng luận"* của ông nơi chương nói về Cao-bá-Quát. Chúng tôi không khỏi ngạc nhiên rằng một trường học lớn của Nhà nước ở một phủ lớn như phủ Quốc - Oai, của một tỉnh quan trọng như Sơn Tây, mà chỉ có "HỌC TRÒ DẦM ĐỪA, nửa người, nửa ngòm, nửa đười ươi".

Câu đối ấy chỉ có thể là của một ông Đồ nho, thì cử lặn độn cứ rớt hoài, hoặc một ông quan hưu trí và nghèo, mở trường dạy tư dầm ba cậu học trò để tiêu-khiển. Cảnh "nhà trống ba gian" là cảnh nhà nghèo, chứ không phải cảnh một học đường rộn rịp của Nhà nước, ở một phủ huyện dưới quyền một vị học quan làm đến chức giáo thụ. Chúng ta nên nhớ rằng dưới thời Cao - bá - Quát, (Thiệu-Trị, Tự-Đức), *giáo-thụ* là một chức quan lại được đến hàm *chánh Thất phẩm*, Hàn-lâm viện biên tu, lớn hơn cả chức Huấn-đạo (1) và mỗi tháng lương bổng được 25 quan tiền, 20 phương gạo và thêm trợ cấp 5 quan tiền xuân phục, mỗi năm 4

kỳ, Xuân, Hạ, Thu, Đông, trình giấy lĩnh lương hàng tháng. Theo sinh hoạt thời bấy giờ, có số lương như thế là ăn tiêu vừa đủ. Thế thì quan giáo thụ Cao - bá - Quát nhậm chức nơi học đường ở phủ Quốc - Oai, sao lại ở "ba gian nhà trống"? Nhất là nhà của Nhà nước? Sao lại chỉ có "dầm đưa học trò" với "một thầy, một cô, một chó cái"? Vả lại hồi xưa "Quan" là quan, còn "thầy" là ở hàm *cửu phẩm* trở xuống: thầy thông, thầy lại, thầy đồ... mà thôi. Quan giáo thụ, không ai gọi bằng "Thầy" bao giờ.

Những thắc-mắc trên đã cho phép tôi nghi-ngờ: câu đối kia không phải của quan Giáo-thụ Cao Bá-Quát.

Nhưng vì sao tôi lại tin rằng **CÂU - ĐỐI ẤY LÀ CỦA NGUYỄN - CÔNG TRỨ?** Năm 1843, cụ Nguyễn-công-Trứ đang làm Tuần-phủ tỉnh An-Giang, bỗng dưng bị dính liểu vào một vụ án nặng-nề, tuy là cụ bị oan nhưng cũng bị cách-chức và bị vua Thiệu-Trị phạt, bắt phải đi làm lính ở Quảng-Ngãi.

Các nhà nho-sĩ ở Quảng-Ngãi

(1) *Hồi bấy giờ, Huấn đạo, hàm Bát phẩm, cũng được gọi là « Quan Huấn đạo »*

nghe danh «cụ Thượng Trứ» từ trước, bây giờ được tin cụ bị cách tuột xuống làm lính đến đóng tại Quảng-Ngãi, đều đến thăm cụ rất đông và tỏ lòng ngưỡng-phục cụ. Trong đám Nho-sĩ được hân-hạnh quen tên lính lệ Nguyễn-công-Trứ ở Quảng-Ngãi, (lúc bấy giờ cụ đã 65 tuổi), có ông nội của tôi. Ông tôi đã được cụ Trứ đọc cho nghe câu đối trên kia mà cụ cho biết là cụ đã làm dán trước cửa nhà cụ, lúc cụ 40 tuổi nhưng hãy còn là anh khóa-sinh đi thi rớt mấy lần rồi ở quê nhà dạy học, chờ chờ khoa thi sau.

Ấy chính là lúc cụ ở "nhà trống ba gian, một thầy, một cô một chó cái", và dạy chơi "học trò dầm đưa, nửa người, nửa ngòm, nửa đười-ươi". Xin nhắc một câu thơ khác của Nguyễn-công-Trứ cũng làm trong lúc ấy: "Kìa ai bốn vách tường mo, BA GIAN NHÀ CỎ..."

(Hàn-vi phong-vị phú)

Tôi tin câu-đối kia của Nguyễn Công-Trứ, là do chuyện truyền-khẩu ông tôi kể lại cho Thầy tôi, Thầy tôi kể lại cho tôi, cách nay đã trên 30 năm.

Sau này tôi thấy có quyển sách chép là của Cao-bá-Quát, tôi hơi ngạc nhiên. Và tôi đã cố tìm tài-liệu chính-thức nào trong một bản thảo nào của thời Cao-bá-Quát, chứng-minh điều ấy, nhưng chưa tìm được.

Đáng lẽ tôi không viết bài này hôm nay, vì tôi đã có đề cập đến câu chuyện giai-thoại này trong quyển *"Văn-chương và tư-tưởng Việt-Nam qua các thời-đại"* của tôi đang soạn, và sẽ xuất-bản. Nhưng vì có một bạn giáo-sư cần cứ theo quyển *"Việt-Nam Thi Văn Giảng-luận"* của ông Hà-như-Chi mà viết thư tỏ nỗi thắc-mắc, nên tôi xin trả lời. Nếu sau này có tài-liệu nào chính-thức chứng-minh là câu-đối của Cao Bá Quát, thì sẽ xin đặt lại văn-đề.

N.V.

Kỳ sau: I. — Những nghi-vấn lớn-lao trong Văn-học Việt-Nam, từ Hồ-xuân-Hương đến Hoàng-cao-Khai.

II. — Một đôi sai lầm rất đáng tiếc trong một ít sách «luận-đề» về các nhà Văn của Thế-kỷ XVIII và XIX, dạy trong các lớp Trung học.

Những người dân bà
lừng danh trong

LỊCH - SỬ



côp mẹ
sinh
côp con



4. — AGRIPPINE

mẹ của

NÉRON

**Nàng đi tới đâu, dân chúng
phải hoan - hô « vạn tuế »**

(Tiếp theo P. T. số trước)

TÌ H Ế là từ địa vị một cô cháu gọi Hoàng đế Claude bằng bác, Agrippine bỏ chồng, ngang nhiên kết-hôn với bác và lên chức vị Hoàng-hậu. Lễ cưới vừa mới cử hành xong, thì Agrippine liền truyền lệnh bắt chém đầu nàng Lollia Paulina là người tình cũ của Hoàng - đế Claude. Quân-lính đem cái thủ-cấp của Lollia vào cho Agrippine xem, tân Hoàng-hậu tự tay cạy cái miệng kẻ tình-dịch ra để coi có phải là sún mất một cái răng cấm thì đúng thật là nàng, bấy giờ Agrippine mới yên tâm.

Nhưng đã thật yên tâm chưa? Agrippine còn một địch thủ khác nữa, rất lợi hại, Chính là Britannicus, con trai của Claude, vì cậu bé này là thái-tử chánh thức sẽ được lên kế-vị vua cha khi nào Claude băng-hà. Agrippine phải mưu-toan diệt trừ Thái-tử Britannicus, để sau này con nàng là Néron sẽ lên ngôi Hoàng-đế La-Mã. Nhưng giết Thái-tử là

một vấn-đề rất khó khăn, vì Britannicus đã được dân chúng yêu chuộng, chàng là một trang thanh niên khôi-ngôi tuấn tú, không dễ gì một sớm một chiều dùng mưu mô mà ám hại được chàng,

Agrippine bèn nghĩ thủ đoạn khéo léo để lần hồi gạt con trai của Claude ra ngoài. Nàng tìm cách bắt buộc Octavie là con gái của Claude phải hứa hôn với Néron, con trai của nàng, mặc dầu Octavie đã có vị-hôn-phu khác rồi, Nàng ép Octavie phải từ bỏ vị-hôn-phu kia.

Năm sau, nàng nói với Hoàng đế phải chính thức nhận Néron làm con nuôi. Claude ưng thuận. Agrippine muốn gì, là Claude cũng chịu theo cả. Đến đời Claude đã nghe lời nàng, ra trước Thượng-nghị-viện La - Mã để tuyên bố long trọng rằng khi nào Ngài chết thì Néron sẽ lên kế vị.

Agrippine bằng lòng, truyền lệnh làm lễ thành hôn cho Néron với Octavie. Nàng còn sửa đổi

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ LỪNG DANH

các nghi lễ trong Triều La-Mã, tự dành cho chức vị Hoàng hậu được quyền hành ngang hàng với Hoàng đế. Agrippine tuyên bố luật lệ cho đàn bà bình đẳng với đàn ông, nhưng luật lệ ấy chỉ để áp dụng riêng cho chức vị Hoàng Hậu của nàng mà thôi. Nàng tiếp các Đại sứ và các Quốc-trưởng ngoại quốc. Nàng chủ tọa các lễ duyệt binh. Nàng có một đôi ngựa lâm quân riêng biệt để

hầu hạ nàng, và một chiếc ngự thuyền trong đội Hải-quân để nàng đi du lịch trên mặt biển. Nàng cho đúc tiền La - Mã với hình nàng in trên đồng tiền, và một câu : « Agrippine, Hoàng-hậu La - Mã ». Mỗi khi nàng ở kinh đô đi chơi đâu, đều có chiếc xe sáu ngựa, sơn son thếp vàng long lẫy, Nàng đi tới đâu, dân chúng phải hoan hô « vạn tuế » Ai phản đối, nàng bắt chém đầu.

MỘT ĐĨA NẤM XÀO...

Trong năm 54, nghĩa là 5 năm sau khi Hoàng đế Claude cưới cô cháu Agrippine và đặt nàng lên ngôi Hoàng hậu, Claude bỗng dưng mình thấy rằng Agrippine đã lần hồi lấn áp hết quyền hành của mình, và con trai của nàng là Néron cũng ngang tàng như sắp sửa dành luôn ngôi Hoàng đế vậy. Claude hơi hối hận, bèn quyết định làm lễ mặc chiếc áo đỏ cho thái tử Britannicus, con trai của ngài. Theo tục lệ của các triều vua La-Mã từ đời Hoàng đế César, con trai của vua đến tuổi trưởng thành, được vua khoát cho

chiếu áo thụng đỏ trong một buổi lễ long trọng, để biểu hiệu chức vị Thái - tử chính thức, sẽ được nối ngôi Vua.

Claude tuyên-bố :

— Britannicus sẽ nối ngôi, để cho Dân-tộc La-Mã có luôn luôn một Hoàng-đế kế tiếp giòng-dõi César.

Agrippine tức-giận bầm gan. Muốn thực hiện cho được cái tham-vọng đặt Néron lên kế-vị, nàng phải giết Hoàng-đế Claude rồi sau cùng sẽ thanh-toán nốt Britannicus. Nhưng trước hết, còn một người đàn bà nguy-hiêm,

là Domitia Lepida, chính là bà nội của Britannicus. Agrippine truyền lệnh cho bà này phải tự-tử. Lepida không dám cãi lệnh Hoàng hậu, và thắt cổ tự-tử. Thanh-toán xong người đàn bà cuối cùng có thể nâng-dỡ Britannicus, Agrippine cho dọn một bữa tiệc đặc-biệt khoản-dãi Hoàng-đế và Triều thần. Biết Claude thích ăn nấm xào, nàng bỏ thuốc độc trong nấm. Claude đang ăn ngon lành, bỗng dừng ôm bụng kêu la rên xiết. Nhưng Claude không chết. Agrippine làm bộ hoảng hốt trước mặt triều thần và cho gọi một vị lương-y. đến gấp rút chữa bệnh cho Hoàng đế. Lương y đã được lệnh sắp đặt trước cửa Hoàng-Hậu, lấy một lộng chim bồ câu có tẩm thuốc độc, thọc vào cổ Hoàng-đế, nói là để Hoàng-đế nôn ra cho dễ, không dè Hoàng-đế trợn mắt chết tươi !

(12 tháng 10 năm 54 sau J.C.)

Sáng hôm sau, trước mặt triều

thần và Nghị-viện đông đủ, Agrippine mặc đồ đại-tang khóc sụt-mướt, tuyên-bố Hoàng-đế Claude đã băng-hà. Ai nấy cảm-dộng, cúi đầu gục lệt. Bỗng mười hai tên lính ngự-lâm quân của Agrippine trong cung điện đi ra, đứng dàn ra hai bên ngai vàng. Néron mặt mũi dữ-tợn, mình khoát chiếc áo đỏ bước ra trước ngai, quân lính hoan-hô "Hoàng-đế muôn năm !". Triều-thần và Nghị-viện cũng đành phải hô theo. Thế là Néron lên ngôi Hoàng-đế La-mã, trong lúc Triều-thần và Nghị-viện cứ tưởng rằng người kế-vị phải là Thái-tử Britannicus. Nhưng Britannicus vừa bị lính của Agrippine bắt giam trong phòng kín ở sau cung điện.

Néron mới được 17 tuổi.

Chiều hôm ấy, Néron ký sắc-lệnh đầu tiên của Hoàng-đế tuyên-dương "Hoàng-Thái-Hậu Agrippine là người mẹ hiền lành nhất của La-Mã".

Chiếc du thuyền lộng lẫy giữa hội Hoa - Đàng

Con người cứ mù quáng hành-dộng theo tham vọng cuồng-nhiệt của mình, nhưng Thượng-đế vẫn

lặng lẽ sắp đặt cuộc trừng phạt cuối cùng xứng với tội ác của nó. Néron lên ngôi Hoàng đế, sẵn

oai quyền trong tay, liền tìm cách gạt « bà mẹ hiền lành nhất của La-Mã » ra ngoài vòng chính trị. Muốn tỏ cho bà biết rằng Hoàng-đế không phải là con nít nữa, một hôm phái đoàn dân biểu xứ Arménie đến yết kiến, Agrippine trong bộ y phục lộng lẫy bước ra Triều, liền bị Néron lễ phép đuổi đi :

— Xin mời Hoàng Thái-Hậu vào cung an nghỉ.

Agrippine giận con lắm, nhưng làm gì được ? Bà lại nghe bộ hạ báo cáo rằng Hoàng đế Néron đang yêu say mê một con đầy tớ rất đẹp, tên là Acté, người Hy-Lạp. Con nhỏ này mới 16 tuổi đã chiếm được trái tim của Néron và xúi dục hèn hạ ly dị với người vợ chính thức, là Octavie, do Agrippine đã cưới cho hắn.

Agrippine nổi giận, hăm dọa sẽ đưa Britannicus ra trước Nghị-viện đề tôn chàng lên ngôi Hoàng đế chính - thức. Bà chỉ vào mặt Néron :

— Mi phải nhớ rằng mi chỉ là một kẻ ngoại giòng lên tiếm đoạt ngai vàng của giòng họ César.

Néron làm thinh, nhưng một buổi chiều cho mời Britannicus uống rượu với hắn. Uống xong



NÉRON

cúp rượu, Britannicus ngã lăn ra chết, xúi bọt mép (Năm 55 sau J. C.)

Agrippine bắt đầu lo sợ cho số mạng của mình. Bà nhớ lời Thầy bói theo khoa chiêm tinh đã bảo trước cho bà biết hồi Néron mới có 3 tuổi : « Néron sẽ lên ngôi Hoàng đế, và sẽ giết mẹ ».

Sự thật thì Néron chưa dám thủ tiêu Hoàng Thái hậu, sợ mẹ còn phe đảng mạnh. Y chỉ giải tán hết đội ngự lâm quân riêng

của bà và mời bà sang ở một lâu. Néron suy nghĩ các thứ âm-đài to lớn tại thành phố Naples, cách xa La - Mã. Thỉnh thoảng hoàng đế đến thăm mẹ rồi về, chớ không dám ở lâu. Agrippine cũng gồm con, không dám đến gần.

Hai mẹ con giữ miếng với nhau, và ngấm ngấm thù địch lẫn nhau. Néron lúc bấy giờ say mê Poppée (1) đã nghe lời Poppée đuổi con đầy tớ Hy - Lạp đi rồi, và muốn ly dị vợ chính thức là Octavie để đưa Poppée lên ngôi Hoàng-hậu. Nhưng Agrippine nhiệt liệt phản đối, vì bà còn quyền thế Hoàng thái hậu, nhất định ngăn cản Néron không cho cưới Poppée. Do đó, Agrippine lại là mối căm thù của Poppée nữa.

Poppée trẻ môi bảo Néron :

— Ngài là chúa tể một đế quốc vĩ đại nhất trên hoàn cầu, Ngài là vị Hoàng đế lớn hơn hết thầy các vị Hoàng đế, mà Ngài còn để Hoàng thái hậu Agrippine sai khiến, có khác nào một đứa trẻ nít để cho mẹ nó dắt mũi !

Néron ức lắm, chỉ vỗ vai người yêu :

— Em đừng lo !.. Ta đang chờ cơ hội.

Néron suy nghĩ các thứ âm-mu. Thuốc độc ư ? Hoàng thái-hậu là một tay chuyên môn dùng thuốc độc rồi : Néron còn nhớ bà đã bỏ thuốc độc trong đĩa nấm xào cho Hoàng đế Claude... Và Néron cũng biết bà đã có dự trữ các thứ thuốc trừ độc để phòng.

Ấm sát ư ? Hơi khó, vì bà đã phòng bị mọi sự bất trắc. Sau cùng, có tên hầu cận của Néron, Anicetus, bày mưu đóng chiếc du thuyền giả, sơn quét thật đẹp. Mời Hoàng thái hậu đi ngự du trên thuyền, rồi ra giữa biển cho thuyền đắm. Néron cười, khoát trá, khen kẻ nịnh thần :

— Diệu kế ! Diệu kế !

Tháng Ba năm 59, Néron đến thành phố Baies, làm lễ thờ Thần Minerve. Y viết một bức thư rất âu yếm gửi Agrippine : « mời Hoàng thái hậu đến dự tiệc vui với con trong dịp cúng Thần. Con nhớ mẹ lắm và kính yêu mẹ ». Agrippine được thư tưởng Néron còn chút tình mẫu tử, vui vẻ đến dự lễ. Néron ôm mẹ, hôn âu yếm hai bên má, và cười dơn như hồi còn con nít. Agrippine cũng mừng rỡ với con, và ăn bữa cháo bồ-câu ngon lành với Hoàng-đế.

(1) Xem lại P.T. số 36 và 37

Xong tiệc, Néron tiễn mẹ ra bờ biển. Trời đã tối, đêm nay không có trăng, nhưng muôn triệu ngôi sao lấp lánh trên vòm trời như một cảnh thiên đàng đầy châu ngọc. Trên mặt biển im lặng lao xao những gợn sóng vàng, một chiếc du thuyền rực rỡ các đèn treo như hội hoa đăng, đón chờ Hoàng thái - hậu. Néron vỗ vai mẹ :

— Chiếc du thuyền con bảo đóng để tặng mẹ đó.

Agrippine vui mừng bước xuống ngự thuyền. Anicetus, vị quan hầu của Néron, người đã tay đóng chiếc thuyền đẹp lộng-lẫy kia, được Néron phái đi theo Hoàng-Thái-Hậu, để tiễn bà về Naples. Nàng cung nữ Accronia người thân tín của bà, đứng hầu bên cạnh.

Chiếc du-thuyền nhẹ-nhàng

lướt sóng bơi ra giữa biển. Agrippine vui-vẻ chuyện trò cùng Anicetus, và khen ngợi Néron :

— Hoàng-đế đã biết ăn-năn, và đã tỏ lòng kính thờ ta, ta bằng lòng lắm.

Bà vừa dứt lời thì mái thuyền lợp bằng chì bỗng rớt xuống với một tiếng « ầm ! » ghê rợn, đè chết một sĩ-quan. Đèn bỗng tắt hết, trong thuyền tối mù-mịt, Agrippine bị một cây gậy đập mạnh vào đầu, bà vừa kêu lên một tiếng thì chiếc thuyền tự động bề ra làm hai, ai nấy đều rơi chìm xuống biển. Anicetus đã đề phòng trước, chụp tấm ván thuyền bơi thoát vô bờ. Y tưởng Agrippine đã chết chìm dưới biển rồi, nào dè bà đã bơi được, mặc dầu bị nhiều vết thương trên đầu và trên vai. Bà gặp một chiếc ghe chài, nhờ người cứu vớt, đưa bà về đến Naples..

Đám sương vào bụng ta đây này !

Được tin Agrippine thoát nạn, Néron, vừa tức giận, vừa lo sợ. Thế nào Hoàng-Thái-Hậu lại không trả thù ? Chỉ sợ bà thừa

cơ hội này, xui dục quân-đội nổi loạn.

Néron đang tức tối, uống luôn một hơi mười cốc rượu vang, đi

qua đi lại trong cung, lo nghĩ mưu-
kế. Bỗng đứng một vị quan hầu
của Agrippine sai đến đề báo tin
cho Néron biết bà vẫn khỏe-mạnh,
Néron liền ném một lưỡi gươm
vào chун người ấy, và kêu la lên :

— Agrippine sai người đến
giết ta !

Quân lính ủa ra trời tay trời
chân người quan-hầu và đem ra
chém đầu giữa phố. Sẵn cơ-hội,
Néron sai Anicetus cầm đầu một
đoàn quân kỵ-mã phóng nước rút
đến Naples, xô cửa vào lâu-đài
của Agrippine, bắt trời tất cả
những người ở đấy, và ập vào
phòng của Hoàng - Thái - Hậu.
Agrippine đang nằm, không hoảng
sợ.. Một tên lính cầm khúc gỗ
đập vào đầu bà, một tên lính
khác rút lưỡi gươm ra toan đâm
bà. Agrippine bình tĩnh chỉ một
ngón tay vào bụng, bà và bảo tên
lính :

— Mi hãy đâm lưỡi gươm vào
đây !

Người lính đâm một lát gươm
vào bụng Agrippine chết liền (ngày
20 tháng 3 năm 59, sau J. C.)

Đêm ấy, người ta đốt xác của
Agrippine và vút tro ra gió.

Có sắc lệnh của Néron cấm
xây mã cho Hoàng thái hậu, cấm
lập đền thờ, cấm đúc tượng, cấm
nói đến tên...

Vài kẻ tội tở trung thành lên
lút nhặt được một nắm xương tàn
của Agrippine, đào lỗ chôn bên
lề đường đi Misène, ngay trước
cửa một biệt-thự nơi đây Néron
đã từ trong bụng Agrippine lọt ra.
oe-oe ba tiếng khóc chào đời !...

TÂN PHONG

Kỳ sau : *EVA PERON*,
Cô thư ký sở Bưu Điện lên làm
Bà Tổng-Thống.

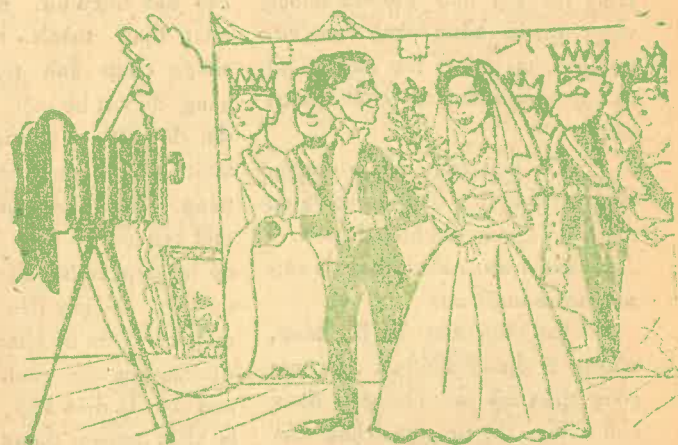
CÁC KHẨU HIỆU

- 20 tháng 7 Việt gian Cộng sản và Thựe dân
chia cắt đất nước.
- Triệt để ủng hộ đường lối thống nhất của Chanh-
phủ Việt-Nam Cộng-Hòa.

Mình ối !

đâu là
tâm - lý
ái - tình

trong cuộc
hôn - nhân
của nàng
CÔNG
CHÚA



với người
nhiếp ảnh ?

MÌNH Ơi, tâm-lý có phải là một khoa học không?

— Không. Nó thuộc về môn Triết-học.

— Bữa nì, em muốn Minh nói chút ít cho em nghe về khoa tâm-lý, có được không? Có một vấn-đề mà em cho rằng thuộc về loại tâm-lý, cứ làm em thắc-mắc hoài suốt cả tháng nay, em giải-quyết không ra.

— Vấn-đề chi rứa, em?

— Em muốn Minh phân-tách về tâm-lý của ái-tình trong cuộc hôn-nhân của nàng Công-Chúa Margaret với người thợ chụp ảnh. Em cứ muốn hiểu vì một lý-do thầm kín nào mà cô Công-chúa trẻ đẹp như thế kia không chọn người chồng xứng đáng với cô hơn, mà lại đi lấy một gã rất tầm thường chẳng có chút giá-trị chi?

— Có một câu châm-ngôn Pháp: «Con tim có những lý-do mà lý-trí không sao biết được» — *Le cœur a des raisons que la raison ne connaît pas.*

— Em chịu câu ấy là đúng, nhưng ở địa-vị đặc-biệt của một công-chúa mà cả Thế-giới đang chú ý đến, thì sự lựa chọn của nàng tất-nhiên phải có một lý-do quan-trọng, chứ đâu có thể mù-quáng hớ-hên được?

— Em có thích cô ấy không?

— Em thích cô lắm chứ. Mặc dầu không có dính-liều gì về chuyện của người ta, nhưng em chỉ nhận xét về phương-diện tâm-lý của phụ-nữ, em thấy em phục cô Công-Chúa thông-minh và tự-do, ở trong một Triều Vua phong - kiến và bảo - thủ nhất ở Âu-châu, mà nàng dám ngang nhiên cưới người chồng bình dân theo ý muốn của mình. Em tưởng các báo Âu-Mỹ gọi «đám cưới của thời đại» cũng không phải ngoa đâu.

— Anh, thì anh cho rằng cô công chúa nước Anh nêu lên một cái gương rất tầm thường, tồi tệ, cho phụ nữ đời nay, nhất là cho các bạn thiếu nữ. Khi Margaret nhất định thành-hôn với anh chàng chụp ảnh trong Triều, là nàng đã vứt bỏ một cách hết sức đại dột tất cả những gì đẹp đẽ nhất và cao quý nhất trong đời nàng. Khác nào một em bé có một con pu-pê đẹp lộng lẫy mà nó lại đem ra bôi đất bôi bùn cho dơ dáy, bẻ gãy đầu gãy tay cho móp bẻ. Đứa bé không biết tăng-tiêu của quý của mình như thế là ngu dại, là điên khờ, chứ sao gọi là khôn ngoan, thông minh được? Margaret hiến mình cho một kẻ trụy-lạc, hư hỏng, bất-tài, vô-hạnh, khác nào nàng tự hủy hoại thân

MÌNH ƠI!

thể cao quý của nàng trong tay một kẻ tầm thường không xứng đáng.

— Như rứa là Minh cho rằng tình yêu phải phân chia giai cấp? Em không tin rằng Minh nghĩ như thế đâu.

— Em đã biết anh luôn luôn chủ trương ái-tình không phân biệt giai cấp, tuổi tác, địa vị. Anh vẫn triệt để quan niệm rằng một ông giáo sư Đại-học có thể cưới một con đầy tớ làm vợ, hay một cô gái nghèo nàn gánh đậu hủ đi bán rong ngoài phố, miễn là người thiếu-nữ nghèo ấy có những đức tính tốt, tâm hồn thanh cao, tính nết dịu dàng, khôn ngoan, thủy-mị. Lịch sử loài người đầy rẫy những cuộc tình duyên phi giai cấp. Tự cô chí kim, biết bao nhiêu những cô công chúa lấy chồng bạch đình, những cô gái con quan cưới anh bán sĩ, hoặc những vị vua chúa kết duyên với hạng gái bán cùng. Nga Hoàng PIERRE LE GRAND đã cưới một cô thợ giặt, đầy tớ của vị Cố-đạo ở Saint Pétersbourg, Hoàng-hậu Marie Louise lấy người chồng thứ ba là BOMBELLE, một tên quan hầu. Dương-quý-Phi yêu chàng AN-LỘC-SON, Công chúa CAROLINE của

nước Anh (1817) không ngần-ngại lấy anh lính thủy PERGA-MI. Bà Quả-phụ KHADIDJA, tiên rừng bạc bẽ ở thành La-Mecque, lấy chồng là chú đầy tớ MAHOMET. Nàng công-chúa Á-Rập lấy anh lái buôn. Công chúa TIÊN DUNG, con gái của Vua Hùng-Vương, kết duyên với CHỦ-ĐỒNG-TỬ nghèo rớt mồng tơi. Hoàng-hậu ANTINÉA ở Atokor lấy chàng kỵ mã AFLANE, Hoàng-hậu xứ Espagne, MARIE CHRISTINE DE BOURBON (1806-1878) lấy người «gác-đờ-co» (lính cận vệ) MUNOZ mà bà thăng lên chức Quận-công Rianzarès, Công chúa Hy-lạp ALOMÉ (60 năm trước J.C.) trao thân gởi phận cho một chàng phiêu lưu lãng sĩ, ALEXAS. Nữ-thần VÉNUS, trong thần thoại Hy Lạp, yêu anh thợ rèn VULCAIN. Và mới đây, trước Công Chúa Margaret mấy tháng, con gái của Nhật-hoàng lấy chồng làm thư ký hãng buôn, Công chúa Iran lấy anh cầu thủ bóng tròn của nước Bỉ, v.v... Còn nhiều nữa... Cho nên em nói rằng Margaret lấy người thợ chụp hình là một tình yêu có ý-nghĩa của thời đại, thì chuyện đó đã xưa quá rồi.

— Thế cho nên em đã nói với Minh lúc nãy là em thắc-mắc về vấn đề tâm lý ái-tình trong vụ hôn nhân của Margaret, Em chỉ thấy Công chúa đẹp như thế, địa vị

cao lớn như thế mà lấy người thợ chụp hình trong Triều, thì em nghĩ rằng có lẽ đó là một tình yêu cao thượng chăng? Một tình yêu mới mẻ, và tiến bộ, chứ không còn phong kiến và hủ lậu nữa chăng? Nhưng vừa rồi, em nghe Minh kể một dọc tên trong Lịch-sử, em ngán quá, em hết phục Công chúa Margaret nữa rồi.

— Đây, chúng ta đặt vấn đề trên bình-diện tâm-lý. Chúng ta coi như một hiện trạng của vấn đề thời - đại, mà chúng ta phân-tách theo tâm-lý học. Tuy rằng câu châm-ngôn của Pháp nói: « Con tim có những lý-do mà lý-trí không sao biết được », nhưng tâm-lý học có thể giải-phẫu trái tim để tìm hiểu những lý-do thầm kín của nó, cũng như Y-học có thể mổ xẻ nó ra để tìm thấy những căn nguyên về bệnh-lý. Bây giờ chúng ta đặt câu hỏi: « Tại sao cô Công-Chúa nọ lại yêu một anh thợ chụp hình? » Ở đây, chúng ta gạt bỏ « cá-nhân » ra ngoài, mà chỉ chú-trọng đến « trường-hợp tâm-lý » mà thôi.

Các báo ở London đã hỏi công chúa câu ấy, và cô cũng đã trả lời rồi.

Cô có bảo: « Tại vì người ta không muốn cho tôi lấy anh Tow-

nsend. » Ai cũng biết rằng trước kia cô yêu Townsend, một vị anh hùng của xứ cô, một viên phi-công có thành-tích vẻ-vang, lại còn là một người bạn tri-kỷ lâu năm với cô, hiểu cô nhiều hơn ai hết và có tính tình rất hợp với cô. Cô yêu Townsend và anh này cũng đã ly-dị vợ để được tự-do yêu cô. Tất cả nước Anh, cả Thế giới, đều hoan-ngênh cuộc tình duyên ấy. Nhưng bây giờ giá sử cô Công - Chúa bảo như thế này: « Tôi không kết duyên được với TOWNSEND thì trên đời này không còn ai xứng đáng bằng Townsend nữa. Bây giờ hoàn cảnh bắt buộc tôi phải có chồng, thì bất cứ người đàn ông nào có thể làm bạn được với tôi là tôi cưới, nhưng đây không phải là hôn nhân vì ái-tình nữa. » Gia-sử Margaret nói như thế thì đáng phục biết bao nhiêu !

Nhưng, Margaret không phải là người đàn bà có lý tưởng. Vì không lấy được người yêu hoàn, toàn tốt đẹp như Townsend, nàng lại đi lấy một anh thợ chụp hình không bằng gót chun của Townsend, mà nàng cũng bảo là nàng yêu, thì cái tình yêu của nàng còn có giá trị gì nữa đâu? Trái tim Công - chúa của nàng

không đáng giá ngàn đồng anh-kim vậy!

Nếu quả thật Margaret muốn đã phá các nghi thức phong kiến của nhà Vua, nếu nàng quyết sống theo trào lưu tư tưởng phóng dật, tự do và tiến bộ, thì tại sao trước kia nàng không bắt chấp cả những ngăn cản của gia đình, của nhà Thờ, và tự ý kết hôn với Townsend? Cô đã đến tuổi mà luật pháp của nước Anh và của Triều đình cho phép tự ý kết hôn không cần sự ưng-thuận của Nữ-Hoàng Elisabeth. Cũng như bác ruột của cô, là ĐUC DE WINDSOR bỏ cả ngôi vua (Edouard VIII) để đi theo tiếng gọi của tình yêu, và cưới người yêu là Mrs Thompson, người đàn bà Mỹ, cũng ly dị với chồng.

Nhưng đây, Margaret đã tuyên bố trước Thế giới rằng mặc dầu cô rất yêu Townsend, cô cũng đành hy sinh tình yêu của cô để tuân theo truyền thống của Vương Quốc.

Lúc bấy giờ người ta phục cô là biết đặt quyền lợi và uy tín của Triều đình lên trên tình yêu, nhưng người ta vẫn thương hại cô, gọi cô là « nàng Công Chúa buồn rầu ». Như thế tức là

Margaret vẫn coi trọng chức vị « Công Chúa » của cô hơn là tình yêu, mặc dầu tình yêu giữa cô và Peter Townsend rất tha-thiết, nồng nàn, mê đắm.

— Đã vậy, tại sao bây giờ cô lại lấy một anh thợ chụp hình không đáng giá một đồng xu?

— Thế mới là điên! Mới là dại-dột! Bây giờ ta hãy gạt vụ Townsend ra ngoài, vì chàng đã lấy cô thư-ký làm vợ, thì Margaret cứ việc lấy chồng. Nhưng giá sử cô lấy một người bình-dân nhưng có tài ba, thí dụ một anh Thi-sĩ nghèo của nước Anh mà có thiên tài như CHATTERTON, hoặc là một nhạc-sĩ lừng danh nhưng nghèo như PARSONS, một họa sĩ duyên-dáng như VANESSA BELL, một nhà khoa học như W. RAM-SAY, v.v.. hay là ít nhất cũng một chú tài-tử ciné trực đầu như YUL BRYNNER, một chú hề ngớ-ngẩn như Jerry Lewis, thì vinh-dự cho cô Công-Chúa biết mấy! Nàng MỸ-NUƠNG của Việt - Nam ta còn đẹp bằng mấy Công Chúa Margaret, mà chỉ vì nghe một giọng hát của TRƯƠNG - CHI, anh chàng cá đóng khối, cũng dề-mê buồn nhớ vì chàng, một giọt lệ của nàng rơi vào chén ngọc đủ làm tan ra

nước. Nàng TRÁC-VĂN-QUÂN, đời nhà Hán, nghe một khúc Phụng-Cầu hoàn của TỬ-MÃ TƯƠNG NHƯ, chàng thư sinh nghèo, mà nàng dám leo tường trong đêm khuya để đi theo chàng, lấy chàng làm chồng, và cùng chàng bán quán rượu để qua ngày tháng trong hạnh phúc của tình yêu.

Nước Anh ngày nay cũng như ngày xưa có hiểm gì nhân tài, trong đám bình dân ở các ngoại ô London, mà trí óc và tài hoa làm vẻ vang cho Anh quốc biết bao nhiêu, sao Margaret không chọn lấy một người, mà lại nhè anh thợ chụp hình, mặt thô mỗ dơ, tài không có, nết cũng không, học thức zéro, chuyên môn ăn nhậu và nhảy nhót với bọn làng chơi ở xóm Pimlico ?

Mình có thấy không ? Cái tâm lý ái-tình của Công-Chúa Margaret Hoa Hồng, là cái tâm-lý trụy-lạc mà nhà Triết-học FREUD đã giải-bày trong lý-thuyết của ông. Một cô Công-chúa ăn không ngồi rồi ở trong cung-diện, trên ba chục tuổi mà chưa có chồng, vô-phúc gặp phải anh chụp hình lấu-cá được phép ra vào cung-diện để chụp ảnh gia - đình

Hoàng-hậu. Thế rồi ngày một, ngày hai, chàng ta tán tỉnh, rủ công chúa ra nhà của y chơi, dần dần nàng bị sa ngã. Thế đâu phải là "tình yêu" ! Margaret có tuyên bố : « Tại sao tôi cưới Tony Armstrong ? — Tại vì tôi đi xe hơi hoài, bây giờ dù là trời mưa tôi cũng muốn đi bộ chơi cho vui. Tony là cây dù để che mưa cho tôi ». Thế thì tâm lý ái tình trong trường hợp này, là tâm lý của một thiếu nữ bừa bãi, không biết tự trọng, không có lý tưởng về tương lai, không có quan niệm tốt đẹp và sáng suốt về hạnh phúc. Là tâm lý của hạng thiếu nữ bị chi phối bởi một sự kiện mà nhà Triết học FREUD gọi là « dẫn nén » — *Refoulement* — dẫn nén dục tình, lâu ngày không chịu được nên cho buông trôi theo đòi hỏi của vật dục. Cần phải nói rằng nếu anh thợ hình này có hạnh kiểm tốt, hoặc có ý chí phát minh khoa học, muốn nghiên cứu chụp hình Mặt Trời, Mặt Trăng, sao Kim Tinh, sao Hỏa Tinh, v.v.. thì còn đáng khen, và đáng mừng cho Margaret biết đem cái SẮC của mình mà phối hợp với cái TÀI của ý trung nhân. Mình thấy không, chúng ta không

đề - cập đến vấn-đề giai - cấp trong tình-yêu. Chúng ta chỉ lưu-ý đến cái giá - trị rỗng - không của gã chụp hình. Chúng ta không phân biệt địa vị xã hội của một anh thợ hình với một nàng Công chúa. Chúng ta đứng hoàn-toàn trên địa hạt tâm-lý để phân tách một sự-kiện tâm-lý mà thôi.

— Đây cũng là một bài học kinh nghiệm cho các bạn gái của Thế-hệ.

— Một bài học có thể phân-giải rõ-ràng như thế này :

1) Tình yêu không cần phân chia giai cấp, địa-vị, tuổi-tác, xứ-sở. Tình yêu không có biên giới.
2) Tuy nhiên, hạnh phúc của tình yêu chỉ có thể đảm bảo thật-sự, lâu bền, khi nào có sự thông-cảm giữa hai tâm-hồn. Sự thông-cảm ấy chỉ có trong sự hòa-hợp lẫn nhau của những yếu-tố tinh-thần và vật-chất, trong tình cảm cũng như trong thực-tế. Margaret đã nhất định không chịu từ bỏ chức vị « Công Chúa », nghĩa là nàng còn đeo theo cái danh-nghĩa hoàng-tộc, chứ đâu phải nàng vì tình yêu mà chịu hy-sinh danh-nghĩa chói lọi kia để mở một tiệm chụp hình với chồng. Nàng đâu có

chịu bỏ cái danh-vị « Công-chúa » để hoàn toàn theo chồng, sống đời bình dân với chồng.

Như thế, theo phân-tách về tâm-lý học, sự thông-cảm giữa hai người không thể có được, và thực-tế dần dần sẽ phá tan hạnh phúc, cái lâu đài hạnh phúc bằng giấy mà họ đang xây dựng trên một bãi cát. Hạnh-phúc của họ cũng y như pho tượng của vua xứ Babylone, đầu bằng vàng mà chân bằng đất sét vậy !

— Em cũng nghĩ như Minh, Minh à. Thí dụ trong vòng một vài năm sau họ không chịu đựng với nhau được nữa nhưng cố tránh sự đổ vỡ, thì họ cũng sẽ sống như những cặp vợ chồng gượng gạo, tình yêu sẽ còn như một dĩ vãng mĩa mai, hạnh phúc sẽ như một làn mây u ám. Phải không, Minh ?

— Đúng thế, Và bao nhiêu kinh nghiệm thực tế ở đời đã cho ta thấy rõ ràng như thế. Đó là tâm lý chua - chát của những cuộc tình duyên giả tạo. Anh cam đoan với em rằng tương-lai của Margaret với Tony sẽ là một bi-hài-kịch của thời - đại ! Rồi em xem !

DIỆU-HUYỀN

Sách báo mới

Những sách giới thiệu trong mục này là những tác phẩm chúng tôi đã nhận được trong tháng. Chúng tôi xin thành thật cảm ơn các tác giả và các nhà xuất bản.

★ CHIỀU SÓNG DỘI

« Tiểu thuyết cách mạng » của TRẦN ĐỒNG VỌNG
Tác giả xuất bản, 45 đường Nguyễn-Phi. Sài Gòn.

★ BÁC SĨ JIVAGO, tiểu thuyết.

Bản dịch Việt-văn của quyền *Docteur Jivago* của Boris Pasternack, « Mặt Trận bảo vệ Tự do Văn hóa » phát hành (105 Nguyễn-Chợt-lớn) Sự ấn hành bộ sách lớn này là một cố gắng rất đáng khen của mặt trận B.V.T.D.V.H. Về hình thức và kỹ thuật ấn-loát, Nhà in Đại học, Huế, cũng đã thành-công đẹp đẽ. Về nội-dung, các dịch giả đã hết sức trung thành với nguyên văn của bản chính.

★ TRUNG DUNG DỊCH GIẢI của PHAN KHOANG.

Khảo luận về vi diệu của Triết lý không-giáo, qua bộ sách *Trung Dung*. Có nguyên văn Hán-tự, phiên-âm, dịch nghĩa và chú giải rõ-ràng.

★ CHỈ ĐẠO (cơ quan ngôn luận của người Việt Tự-do chống-cộng) Bộ Quốc-phòng. Chủ Bút : Đại-úy Nguyễn-đình-Bảo.

★ MAI « tạp chí của những người yêu văn nghệ và xây - dựng xã-hội »

số 1, ra ngày 10-7-60

Chủ-nhiệm : Ô. Hoằng-minh-Tuynh.

Tòa soạn 160 Phan-đình-Phùng Saigon.

Có nhiều bài có giá trị của các bạn Nguyễn-ngu-J, Nguyễn-hiến-Lê, Trần-Thúc-Linh, Nguyễn Trần-Huân v.v...

★ MỘT TRĂM BÀI GIẢI TOÁN LỚP NHẤT.

Luyện thi Tiểu học và Đệ-Thất của Nguyễn-kim-Quang, Nhà xuất bản Nguyễn-đình-Vượng, Saigon.

★ TÂN XUÂN TÙY BÚT của LÊ VĂN SIÊU.

Phiếm luận nửa triết-lý nửa thực tế xen lẫn chút ít khoa học và kinh tế xã-hội, về một hai vấn đề : định nghĩa văn hóa, sự thành bại của công việc nước, v.v...

★ TRÁI TIM ĐỨC MẸ.

« Tạp-chí tuyên truyền lòng tôn sùng Trái Tim Đức Mẹ trong giới công giáo Việt-Nam ». Số ra mắt phát hành đầu tháng 8 dl. Xuất bản mỗi tháng một kỳ.

Tòa soạn ; Dòng Đồng Công, Thủ-Đức — Giám-Đốc : Linh-mục MINH ĐĂNG

Cụ NGUYỄN - PHAN - LONG đã tạ thế



Cụ Nguyễn-Phan-Long, một nhà Báo kỳ-cựu nhất của Việt-Nam, cựu Thủ - Tướng chính-phủ, đã tạ thế hồi 11 giờ sáng ngày 16 tháng 7 năm 1960 tại nhà riêng số 101ter, đường Trần-quý-Cáp, Saigon, vì đứt mạch máu óc, Ông hưởng thọ 72 tuổi.

Cụ Nguyễn Phan Long là tác giả những quyển *Cannibale par persuasion, Le Roman de Melle Lys*, nguyên chủ nhiệm các báo *La Tribune Indo-chinoise, L'Echo du Việt-Nam* v.v.. Nguyên Bộ trưởng ngoại giao và Thủ Tướng chính phủ hồi 1949-50. Cụ là một nhà văn Việt Nam viết Pháp-văn đã

nổi tiếng và cũng là một nhà chính trị thâm niên từ thời Pháp thuộc.

Nhân dịp này, chúng tôi xin thành-thật chia buồn cùng tang quyến và cầu chúc hương hồn Nguyễn-Tiên-Sinh được tiêu-diêu nơi cực lạc.

NGUYỄN-VỸ



Truyện dài của cô VÂN NGÀ
(Tiếp theo P.T. số 38)

Quan đoán được lòng tôi, liền thừa dịp xuống vừa cặp bến và em tôi đã lên bờ mà bảo cùng tôi :

— Anh xin lỗi em về những gì đã xảy ra đêm hôm. Đó cũng do tình yêu mù quáng của anh khiến xui như vậy, chứ lúc nào anh cũng kính trọng và quý mến em cả. Anh không đành nhìn thấy em đau khổ, và muốn làm vơi sự đau buồn của em.

— Tôi cảm ơn anh lắm.

Còn chúng ta, em tính thế nào để anh sắp sửa buổi lễ

tuyên bố ?

— Anh hãy để tôi suy nghĩ lại đã.

Luôn mấy hôm sau, tôi dật dờ như người mất hồn. Những sự đau khổ, ghen tức, uất hận như là những cơn sốt rét đang hành hạ nơi tôi. Nhiều khi tôi thần thờ bải hoai như không còn thiết mền một cái gì ở đời này nữa và lắm lúc tôi lại thấy nôn nao thêm muốn một cái gì đã mất trong tôi, đang gây ra một trống trải mênh mông bên lòng.

Trong khi ấy, anh Ba tôi ở Cam-bốt được chuyển về chỉ huy quận-bộ-đội ở quận nhà. Quận tôi được sửa lại là quận Ô-môn B, tách rời khỏi tỉnh Rạch-giá và sát nhập vào Cần-thơ. Tất cả những sự liên lạc về tinh thần của tôi đối với chợ Rạch giá, đối với bên gia đình chồng tôi, như xa lặn thêm mãi...

Có lẽ Quan có cầu cứu với anh tôi, nên một hôm anh tôi bảo tôi :

— Con gái lớn ở trong gia đình là một sự phập phồng lo sợ của cha mẹ, như một hủ mắm treo đầu giường, không biết xấu tốt thế nào. Vậy mày có ưng ý đứa nào, cứ nói với

KIÊN TRINH

tao để tao liệu cho, chứ đừng nên ôm mãi mối tình tuyệt vọng như vậy không được.

— Anh bảo tôi phải làm gì bây giờ chứ ?

— Dứt tình với Thanh đi, nếu mày thấy là nó đã phản bội mày. Nó là bạn thân của tao, nhưng tao phải vì hạnh phúc của mày trước hơn hết. Nó hẹn với mày ba năm, mày đã chờ đến bảy năm rồi. Hơn nữa, người ta đồn nhiều tiếng xấu cho nó, làm sao nó có thể trở về đây cưới mày được ?

— Tôi muốn xin nhập học ban cứu thương ngoài mặt trận, anh à.

— Không được. Mày thất vọng đâm ra tính liều. Má và mấy em đang cần đến mày. Mày phải có chồng là chiến sĩ. Vợ chồng bây ở với má, mày khuyến khích chồng mày trong công tác, và nó đem lại hạnh phúc cho mày, sự yên vui cho gia đình... Tao coi trong những đứa thường đến đây, có thằng Quan là được hơn hết. Nó muốn cưới mày. Sao mày không tính dứt khoát đi, để bản dùng mãi mà bị tai tiếng.

Quan còn cậy nhiều người

nói thêm vào với tôi. Chàng lại đến thăm tôi hàng bữa, thường là vào buổi tối vì khi ấy chàng mới rảnh việc, và ngồi dệt những mộng tương lai cùng tôi. Tôi nghe một cách bơ thờ và miễn cưỡng. Tôi sợ sánh giữa hai người con trai : người cũ của bảy năm trước và người mới bây giờ. Đòn cân sao chênh lệch quá ! Thanh thì nghiêm nghị, nhiều khi thành độc đoán và bắt buộc tôi phải từng phục chàng, chàng có thể làm tôi phải đau khổ và khóc lóc, năn nỉ với chàng vì tôi đã cãi ý chàng, nhưng chàng biết che chở, bảo vệ cho tôi, như là chàng lại giữ gìn sự tiết hạnh của tôi khi chưa chánh thức được gia đình nhìn nhận. Tóm lại, Thanh đã cư xử như một người chồng sáng suốt, biết kềm lòng đúng lúc và không muốn nơi người vợ của mình có điều gì tất trách có thể làm hoen ố hạnh phúc gia đình về sau.

Còn Quan, trái lại, nhu nhược đến nỗi phải dùng kế quỷ quyết, toan lừa tôi vào một sự việc đã rồi, như ván lơ dóng thuyền, không còn từ chối sự van xin ái tình của chàng được

nữa. Chàng chiều chuộng tôi, sẵn sàng sẵn đón ý thích của tôi, và lúc nào cũng mềm mỏng, dịu ngọt với tôi. Chàng tha thiết, quấn quít bên tôi, lấy giọng năn-nỉ i-dôi để lung lạc lòng tôi. Chàng khéo léo hơn Thanh trong vụ mơn trớn, vuốt ve tự ái của tôi, chàng đối xử với tôi như là người tình nhân ưu đãi người yêu, lúc nào cũng quý mến, chiều chuộng, nhưng không bao đảm nổi đến cùng!

Má tôi thấy sự đi lại khác thường của Quan, liền kêu bảo tôi:

— Thằng Quan nhờ cậy nhiều người nói với tao là nó muốn cưới mày, nhưng tao có trả lời với họ là đã hứa gả mày cho con của ông bà bác sĩ ở chợ Rạch-giá rồi. Tao cũng nghe người ta đồn thằng Thanh ở Saigon sao đó không biết, mà bây giờ người ta đồn dài nhiều sự cũng không đúng lắm, vậy không biết đâu mà tin. Có một điều tao phải căn dặn mày nhớ là ông bà bác sĩ chưa hỏi hôn thì mày còn là con dâu tương lai của gia đình ấy, mày phải giữ bốn phận này.

Một hôm tôi được giấy mời

của tiểu đoàn địa phương mà Quan là Ủy viên kinh tài của tiểu đoàn ấy. Người tiểu đoàn trưởng trước kia có đặt văn phòng nơi nhà tôi, đã xem tôi như là một đứa em gái.

Anh ấy bảo với tôi:

— Quan nó nhờ qua chỉ trương cuộc hôn nhân của nó với em. Nó bảo là vì gia đình cần đàn, em không tự do được. Với chủ trương của chánh phủ, cha mẹ, anh em không có quyền ép buộc vào sự hôn nhân của con em. Em đã đến tuổi thành nhân, em có trọn quyền tự định đoạt. Nhưng nếu em sợ má em rầy la, em hãy nhờ chánh phủ lo đến việc ấy. Qua sẽ đứng ra làm đại diện chánh quyền mà kết hợp cho đôi bên trai gái.

Tôi nghĩ rằng Quan chưa chi đã hấp tấp quá. Chàng không hỏi ý kiến tôi có ưng sự vận động của chàng không? Con người tôi, qua nhiều truyền thống của tiềm thức, đã buộc chặt vào gia đình. Nếu tôi thật tình yêu Quan đi nữa, mà gia đình tôi phủ nhận tình yêu ấy thì tôi cũng không có đủ can đảm dùng một sự phản ứng đoạn tuyệt với gia đình như vậy!

Anh tiểu đoàn trưởng thấy tôi đang suy-nghĩ liền bảo:

— Sao? Em có muốn qua làm một buổi lễ tuyên bố thật long trọng hơn đám nào cả không?

Tôi lắc đầu và nói:

— Em không thể... lấy Quan được.

Anh ấy sửng sốt:

— Tại sao vậy? Em có thể cho qua hiểu lý do?

— Em cũng không hiểu tại sao. Nhưng lòng em nó bảo thế.

Khi tôi về rồi, anh tiểu đoàn trưởng nói với một người quen với tôi mà sau này người ấy học lại cho tôi nghe:

— Tôi nghiệp! Nó còn yêu thằng Thanh.

Quan biết sự vận động thất bại, tìm đến trách cứ tôi:

— Em đã mê muội, sao mà em lại không sáng suốt hơn. Thời bây giờ mà cứ làm theo xưa, chung thủy mãi vì một lời hứa viễn vông. Gia đình ông bác sĩ vừa dọn nhà lên Saigon ở rồi, như là đoạn tuyệt hẳn với tỉnh nhà vậy, mà có ngó ngàn gì tới em đâu?

Tin ấy có thiệt, tôi vừa mới nghe nói hôm qua. Biết đánh nhằm chỗ yếu, Quan lại tiếp tục:

— Em phải nên cương quyết, Vân ạ. Nhìn vào sự thật dễ tìm

một giải pháp thỏa đáng hơn, chứ nếu em cứ đặt lòng tự ái và danh dự của gia đình một cách sai lầm như vậy, tương lai em còn gì? Chẳng một hai năm nữa, em đã vỡ mộng rồi, em đuổi bắt kịp những ngày xuân đã qua không? Em lấy chồng cho em, nên hay không cũng là do em phải chịu trong mai hậu, gia đình không có quyền ràng buộc em cũng như không thể sửa chữa những sai lầm mà em phải gánh chịu những hậu quả về sau.

— Dù biết vậy, tôi cũng không thể cãi má và bà nội tôi.

— Tôi không ngờ mấy năm tiến bộ trong lý thuyết cách mạng, em cũng còn chưa gọi hết những tư tưởng hủ lậu. Tại sao phải lấy gia đình làm nền tảng khi mà nhân dân đang tiến đến một xã hội cộng đồng? Tình thương trong gia đình rất nhỏ nhít và không nghĩa lý gì cả nếu phải so sánh nó với tình yêu đoàn thể, tình yêu nhân loại. Cha con, vợ chồng còn phải đứng ra tố cáo nhau nếu người thân của mình đã làm hại đến nhân dân, tổ quốc.

— Anh nên hiểu dù sao tôi cũng không dám cãi lệnh mẹ tôi

được. Nếu anh muốn công việc của chúng ta đi đến chỗ tốt đẹp, anh đừng xui bảo tôi làm một việc mà sau này phải ân-hận.

— Em chưa quyết-định, làm cho anh đau khổ vô cùng. Em ơi, em kéo dài tình-trạng lừng-khùng này làm cho tan nát lòng anh ?

Quan lại năn-nỉ van lơn tha-thiết, nhưng chuyện này, chàng làm bực mình tôi hơn. Tôi còn tìm lời an- ủi chàng, bỗng nghe có tiếng em tôi khóc văng-vẳng trong nhà. Tôi vội đứng lên và bảo cùng chàng :

— Thôi anh về đi. Hai hôm nữa tôi sẽ nói sự quyết-định của tôi...

Tôi rảo bước vào nhà, song Quan vẫn lèo đèo theo :

— Em Vân, em đừng để gia-đình chi-phối như vậy. Việc này quan hệ lắm, nó thuộc về tương lai và hạnh-phúc riêng của em mà thôi. Không ai có quyền bắt buộc em trung-thành với một hình bóng cũ...

— Biết rồi... Anh về đi !...

Tôi gắt đuôi Quan xong, trở bước vào nhà thì thấy đứa em gái thứ Mười đang đứng nơi ngưỡng cửa nhìn ra. Tôi cúi

mặt xuống, kéo em vào giường, mặt nó phụng hắt ra và bước theo nặng-nề.

Trưa hôm sau, vào buổi cơm, má tôi bảo cho tôi biết việc cả nhà ông bác-sĩ đã dọn về Sài-gòn. Người thấy tôi tỏ vẻ đứng dưng, liền hỏi :

— Mày muốn lên Sài-gòn không, tao cho phép đó.

Tôi ứa lệ và nói một cách ngập ngừng :

— Bấy lâu tôi không muốn nói cho má buồn ; anh Thanh đã cưới vợ khác ở Sài-gòn rồi. Tôi còn lên đó đặng làm gì ?

— Ai nói mày như vậy ?

— Người ta đồn rùm lên đó.

— Tao cũng nghe người ta đồn như vậy, nhưng tao không thêm tin. Trước khi đi Sài-gòn, bà bác sĩ có nhắn tin với tao nên giải quyết việc hôn nhân của mày cho rồi đi chớ để mày chờ hoài cũng tội-nghiep. Bà cho biết là thằng Thanh hiện đang ở Saigon, song nó về tỉnh Rạch-giá không được. Theo ý bà chỉ có hai cách quyết-định : hoặc làm đám cưới cho mày ở tỉnh Rạch-giá, lẽ dĩ-nhiên là không có chú rể, rồi mày theo bà lên Sài-gòn, có chồng mày chờ trên đó; hoặc mày lên Sài-rồi làm đám cưới sau...

(Còn nữa)



★ SỬ TRUNG QUỐC.

(của ông Trần văn Vững, Tuy Hòa)

... Trong P.T. số 35 có bài "Tù-hi Thái-hậu" của Tân-Phong, trang 72, tác giả viết :

... "Đến khi Hoàng-đế ĐẠO QUANG băng hà, vua HÀM-PHONG lên nối ngôi thiên tử, và giáng chiếu tuyền chọn cung nữ."

Như thế thì vua Hàm Phong lên nối ngôi, tuyền chọn cung nữ. Lan nhi mới trúng tuyền và sau thành Tù-hi Thái-hậu.

Nhưng ở trong quyển *Sử Thế giới* Đệ IV của ông Tăng xuân An (1957) trong bài *Liệt cường xâu xé Trung-hoa* lại viết :

"... I — Liệt cường câu xé T.H. lần thứ III (1894-1905). Tù-Hi Thái-hậu nắm chánh quyền vì khi đó vua ĐẠO QUANG còn nhỏ tuổi"

Tôi rất thắc mắc về hai tài liệu của hai tác giả khác xa nhau quá. Vậy nhờ ông giải đáp cho...

● ĐÁP.— Xin coi sách "Trung Hoa sử cương", của ĐÀO-DUY-ANH, trang 298-299 :

"Vua TUYÊN-TÔN, niên hiệu ĐẠO QUANG, lên ngôi năm 1821, và trị vì được 30 năm.

"Vua VĂN TÔN niên hiệu HÀM PHONG, lên ngôi năm 1851 trị vì được 11 năm". Và quyển "Histoire de la Chine" của RENÉ GROUSSET, Edition 1957, trang 269 :

"... Sa mère, Tseu-Hi, (Tù Hi) disposa du trône : ce fut un cousin germain de T'ong-tche, âgé de quatre ans, qu'elle fit proclamer empereur sous le nom de Kouang-siu (1875-1908)". Kouang sin, chính là Quang-Tự, lúc bấy giờ 4 tuổi.

Thời kỳ chiến tranh 1894-1905 là dưới đời vua QUANG-TỰ, chứ không phải đời vua ĐẠO QUANG, (1821-1851).

Vậy trong quyển *Sử Thế-giới*, Đệ IV, của ô. Tăng xuân An viết sai.

★ **Vấn đề mô phạm.**

(của Ông Nguyễn-ngọc-Đới, Phân-Hội Phụ-huynh Học-Sinh Trung-học DUY-XUYỀN số nhà 10 Liên gia 29, Xã Xuyên Châu):

“Chúng tôi đã được đọc mục « **VẤN - ĐỀ MÔ - PHẠM Ở HỌC ĐƯỜNG** » của tờ Phê-Thông số 37 ra ngày 1-7-1960 vừa qua, và nhận thấy có vài điểm cần xin thanh minh :

1) Tại Duy-Xuyên chỉ có 1 trường Trung-học duy nhất mang tên là Trung-học Bán - công SÀO NAM chứ không có một trường Trung-học Tư Thục nào cả.

2) Tại Duy-Xuyên chỉ có 1 *Phân-Hội Phụ-Huynh Học-sinh* chứ không có Hội Phụ Huynh Học sinh và trong Ban Chấp hành Phân-Hội không có một ai tên NGUYỄN-HỒNG-VÂN.

3) Câu nhận xét về « một ông Giáo sư , mặc dầu Ông không phải là Giáo-sư Quốc-văn ». là sai lầm.

4) Với ý kiến thành-lập thư-viện nhà Trường của Ông Vân thì chúng tôi rất hoan-ngheh. Chúng tôi cũng như nhà Trường đang đặc-biệt lưu ý.

5) Yêu-cầu ông NGUYỄN-HỒNG-VÂN liên lạc trực-tiếp với chúng tôi.

★ **Cùng một quan điểm về vấn đề sinh ngữ**

(của ô. Hoàì Hương. Tiến sĩ Luật-khoa và Tiến sĩ Văn-chương — Paris)

« . . . Tôi được biết tạp chí Phê-Thông hơi trẻ. Nhưng mới đọc mấy số 35, 36, 37, 38, tôi cũng đã có một nhận xét rõ rệt về tôn chỉ và giá trị của quyển báo của ông. Tôi thành thật hy vọng Phê Thông cứ tiếp tục nhiệm vụ văn-hóa trong một thời gian thật lâu 20, 30 năm để xây đắp thêm phần đẹp đẽ nền văn học của nước ta.

. . . Chúng tôi, — một số anh chị em trí thức Việt kiều ở bên này, — đều tán thành quan điểm của ông về vấn đề sinh ngữ. Chúng tôi rất ngạc nhiên đọc trong Phê Thông mới biết là ở Việt-nam, sinh ngữ bị hạn chế ở các cấp trung-học. Nếu như thế thì lắm quá. Tại sao người ta hạn chế sinh ngữ trong khi Tổ quốc đang cần xúc tiến mạnh mẽ sự giao thiệp với các cường quốc văn minh trên Thế giới, về tất cả mọi phương diện : văn-hóa, kinh-tế, kỹ nghệ, thương mại, ngoại-giao v.v... ? Người ta quên rằng ngày nay Việt-nam gởi Đại-

sứ đi được nước này nước nọ, và phái đoàn này phái đoàn kia, có phải là nhờ một thể hệ sinh viên đã rèn luyện từ mấy chục năm trước về các môn sinh ngữ không ? Một thể hệ trí thức văn-sĩ, thi-sĩ, nghệ-sĩ bác học, đương kim có chân tài và học-vấn sâu rộng đang lo góp sức bồi đắp cho nền Quốc học V N ngày nay, có phải là đã nhờ mấy chục năm trước kia tu luyện rèn đúc, hấp thụ văn hóa Hy-La, Ấn-Hoa, và Âu-Mỹ, cho đến hiện đại đó không ? Như ông nói rất đúng, những ai kèm hăm thanh niên trong sự học vấn các sinh ngữ ngoại-quốc, là những kẻ muốn cho nước Việt-nam mỗi ngày mỗi đi dật lùi.

Chúng tôi mong ông tiếp tục trong tạp chí Phê Thông, kêu gọi về vấn đề rất quan trọng này và khuyến khích các bạn trẻ ngày nay học sinh ngữ và đề có dịp họ xuất dương du học thật nhiều, để đào tạo các lớp nhân tài cho Tổ quốc... Đó là một nhiệm vụ lớn lao, mong ông đừng thối chí...”

● Thành thật cảm ơn những lời tâm huyết của quý Bạn,

★ **Chữ Pháp Khó thật !**

(của Ô. Nguyễn văn A. Saigon)

... Trong mục « **Đáp bạn bốn phương** » (P.T. số 36) cô đã trả lời một bạn đọc như sau :

« **La navigation aérienne** : hàng không. Cũng có thể nói là **Aéronautique**. »

Tôi không khỏi thắc-mắc vì sao cô lại có thể trả lời một cách **MO-HỒ** như thế được ? Tại sao **navigation aérienne** cũng có thể nói là **aéronautique** được ? Theo tự-điền Larousse, **navigation** có nghĩa : **Action de naviguer. Science, art du navigateur. v.v.**

Còn chữ **Aéronautique** lại có nghĩa : **nf. Science de la locomotion aérienne. Ex : École supérieure d'aéronautique. Ensemble d'organismes de tous ordres intéressés à la locomotion.**

Thiết tưởng ngần ấy giải đáp cũng đủ cho chúng ta nhận thức được không thể gọi **navigation aérienne** là **Aéronautique** được.

Thành thật mong cô tránh cho độc-giả khỏi thắc mắc trong những lần sau vì những câu trả lời **MO-HỒ VỤNG-VỀ** như thế nữa. Một lần nữa thành thật mong cô đừng quên rằng tiếng Pháp không thể dùng một cách cầu thả bất cứ trong trường hợp nào cũng được.

● **ĐÁP.**— Chữ **Aéronautique** có hai nghĩa :

1.— Thuộc về hàng không : qui a trait à la locomotion aérienne : **Constructions aéronautiques** (các cơ sở hàng không) : **Ligne aéronautique** (Đường hàng không).

2.— Hàng không học (Science de la locomotion aérienne). Chính chữ **aéronautique** (do chữ Hy-Lạp **aéros** = air và **nautès** = naviguer) tức là hai chữ **navigation aérienne** thu gọn lại.

Ông tra lại từ điển **Larousse du XX^e siècle** (toàn bộ 6 quyển lớn) sẽ hết thắc mắc.

★ **Chữ nào cũng khó.**

(của một bạn đọc ở Blao)

« Trong Phở-Thông số 37, bài xã luận, ông có ghi : « *Intelligentsia* = danh từ Nga-xô đề chỉ giới trí thức lãnh đạo », nhưng ông lầm rồi: *intelligentsia*, là tiếng La-tinh chứ không phải tiếng Nga. Yêu cầu ông đính chánh lại trong P.T. số tới. »

● **ĐÁP.**— Chữ La-tinh là *intelligentia*, còn chữ Nga xô là *intelligentsia* khác nhau.

Intelligentia, (la tinh, do chữ *intelligere*), = trí thông minh.

Intelligentsia, (chữ Nga) = giới trí thức lãnh đạo.

★ **Tai vách mạch rừng.**

(của ô. Huỳnh-quang-Gia KBC 6086).

... Đề tỏ một sự gì kín đáo người ta thường mượn câu : « Ở đây tai vách mạch rừng » Nhưng tôi được xem trong nhiều sách báo nhiều người tên tuổi vẫn viết : « Ở đây tai vách mạch rừng » Vậy thưa ông, « rừng » hay « rừn » ? Theo thiên ý của tôi, có lẽ « *Dừn* » thì đúng hơn : « *Dừn* » là tấm phên ngăn hai căn nhà. Ở nhà quê người ta thường hay dùng phân trâu để trát *mạch* (mạch dừn)

Chã lẽ, ngồi nói chuyện trong nhà mà lại có rừn à ?



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ D. H.

★ **Cô Ng. thị Hoài-Phượng. Gia-Long — Sa đéc.**

Chúng tôi không được quen biết những « Bút-đoàn » ấy. Rất tiếc.

★ **Ô Ng. Việt Hải, Huế.**

● Như chúng tôi có nói trong P.T. số 36, người Việt ta thường mê-tín về 3 ngày xấu : mùng 5, 14, 23, (14 chớ không phải 19, như ông viết thư).

Còn con số 13, thì ở ngay Saigon, đa số những người bạn Công-giáo của chúng tôi đều tin là con số xấu. Xin ông đọc kỹ lại bài đó.

● Về vấn-đề tôn-giáo, chủ-trương của *tạp chí Phở-Thông* là triệt-đề vô-tư, Vì bạn đọc của chúng tôi có cả những người theo đạo Phật, đạo Thiên Chúa, đạo Tin-lành, đạo Cơ đốc Phục-lâm, đạo Hồi-hồi, đạo Cao-đài, v.v... Quan diêm cá nhân của chúng tôi về tôn giáo, chúng tôi không muốn đề cập đến, vì Phở Thông là một cơ-quan phổ biến văn-hóa chung của nhân loại tự cổ chí kim, không chú-trọng riêng về một tôn-giáo nào, hay một thời đại nào.

★ **Trung-úy Ng. Thanh-Châu K.B.C. 4418**

Về vấn-đề ông hỏi : « Những người lương hay Phật giáo, lúc cưới vợ Công giáo, có bị bắt buộc phải theo Công giáo không ? » Ông nên hỏi ngay quý vị Linh mục, chắc sẽ rõ hơn.

★ **CỦA một Đọc giả ở Huế.**

Chiếc nhẫn cưới thường làm bằng vàng trơn, không chạm và đeo nơi ngón áp út (ngón thứ tư) tay phải, và chỉ đeo khi nào thành vợ chồng.

Nhẫn hứa hôn thường bằng vàng chạm, cũng đeo nơi ngón ấy.

★ **Hai bạn Trần duy Phan và Lê-q. Hưng, Khánh hội.**

— *Nhân vị* (danh từ triết học) = Ngôi thứ của con người, tạo cho người một phẩm giá cao quý hơn cả đối với vạn vật trên đời.

— *Bản ngã* (danh từ triết học) = Bản là gốc, ngã là tội. Cái tính chất thuần túy cá nhân của mình, (lấy cái tôi làm gốc)

— *Tiềm thức* (danh từ tâm lý học) Tiềm = thăm dấu, ẩn nấp. Thức = sự nhận biết. Tiềm thức = sự nhận biết ẩn trong tâm hồn *La vie inconsciente.* — *Le subconscient*).

— *Liệt sĩ* : người có thành tích anh hùng, oanh liệt.

— *Chí sĩ* : người có chí khí cao.

— *Trí sĩ* : người công chức, quan lại, về hưu trí.

— *Tác văn* : một bài làm nói chung, bất cứ về môn gì.

— *Luận văn* : một bài làm về một luận đề.

— *Nguyên Thủ tướng chính phủ* = Lúc đầu tiên có làm Thủ-tướng chính phủ. (Bây giờ làm chức khác).

— *Cựu Thủ tướng chính phủ* = Hồi trước đã làm Thủ-tướng, (bây giờ về hưu rồi, hoặc làm nghề khác)

Thí dụ = Ông Nguyễn văn X..., *nguyên* Bộ trưởng Bộ..., hiện giờ làm Đại sứ tại....

Ông Lê-v-Y, chủ nhà-máy cưa, là *cựu* Thủ tướng chính phủ thời Bảo Đại.

— Chữ *Lý tưởng* có hai nghĩa :

- 1.— Việc cao siêu hoàn toàn hư không, trái hẳn với thực tế,
- 2.— Mục phiêu rất cao xa, mà tự mình cho là toàn thiện toàn mỹ,

mình cố gắng đạt cho tới, và mình có thể đạt được nhờ tài năng, hy sinh, kiên nhẫn. v.v...

★ **Cô Ngọc-Dung, nữ sinh Gia-Long.**

Đây là sự tích trong Thánh kinh của Gia Tô giáo, về câu « *Của César hãy trả về cho César* » :

« Bọn người Pharisiens hỏi Jésus Christ : « Xin hứa cho biết, Chúa cho phép, hay không, trả tiền thuế cho Vua César ? » Jésus biết bọn này có ác tâm, bèn trả lời : « Hỡi bọn người giả dối, sao các người thử ta làm chi ? Các người hãy đưa ta xem đồng tiền mà người ta phải nộp thuế cho César. » Bọn kia đưa ra một đồng tiền. Jésus hỏi : « Trên đồng tiền có in hình của ai đây, và dòng chữ của ai đây ? » Bọn kia trả lời : « Của César ». Tức thì Chúa bảo : « Thế thì cái gì của César, hãy trả lại cho César, và cái gì của Chúa trả lại cho Chúa » (Evangile, theo Saint Matthieu, XX)

Ngày nay, người ta thường dùng câu ấy theo nghĩa rộng ra, để nói : của người nào trao người ấy.

★ **Ông Huỳnh-quang-Gia K.B.C. 6.086**

Quyển « *Trở Vở lửa ra* » là một quyển tiểu thuyết về phong-tục, của Phan Khôi, hiện nay chúng tôi không thấy tái bản.

★ **Ô. Nguyễn văn Khen, Huế.**

Trái táo tàu = jujube, (Anh và Pháp cũng một chữ)

Trái táo tây (trái pom) = Apple (Anh) Pomme (Pháp).

Trái mận = plum (Anh) Prune (Ph).

★ **Ô. Nguyễn văn Tia, 83/4 Ng trường Tộ Châu Đốc.**

● Về « *Tao đàn nhị thập bát tú* » không có sách sử nào kê khai rõ 28 vị văn Khôi ấy. Chỉ biết có chức *Chánh Nguyên súy* là vua LÊ THÁNH TÔNG, hai phó *Nguyên súy* là THẦN NHÂN TRUNG và ĐỖ NHUẬN. Ngoài ra, còn có : Trạng nguyên NGUYỄN TRỰC. sử gia NGÔ SĨ LIÊN Thám hoa LƯƠNG NHƯ HỌC, v.v... hầu hết là các bậc nhân tài văn học thời bấy giờ.

● Không thể viết : « *Độc giả* » được, vì *Độc* (Đ Q C) là tiếng nom, *Độc* (Đ Q C) là chữ, có nghĩa là đọc. ĐỘC GIẢ là người đọc.

● Sáng LẠN, chứ không phải sáng lạng
(Lạng, chữ Nho, có nghĩa là sáng sửa)
Cứng RẪN, chứ không phải cứng dẫn.

DÒNG sông, hay GIÒNG sông, theo thiên ý của chúng tôi đến được, vì không có gì làm tiêu chuẩn để phân biệt. Trong Nam viết dòng. Ngoài Bắc thường viết giòng.

★ **Bạn H.H. Hân, Quốc học Huế.**

Bài thơ bạn hỏi, chúng tôi không nhớ.

★ **Bạn Thiện-Phúc, Bến Ngự, Huế.**

Điền tích 12 tháng dương-lịch :

Janvier (Pháp) *January* (Anh) : Tháng thờ thần La-mã *Janus*, vị Thần có hai mặt, tượng trưng Hoàng-Kim thời đại.

Février, *February* : Tháng thờ thần La mã *Februus*,

Thần này tức là Thần Pluton của thần thoại Hy-lạp, cai trị địa-ngục.

Mars, *March* = Thờ thần *Mars*,

Avril, *April* (do chữ La-tinh *aprilis*)

Mai, *May* (do chữ La-tinh *Maius*).

Juin, *June* : kỷ niệm Đại tướng *Junius Brutus*, người đã đánh đổ quân chủ La-Mã lập nước Cộng-hòa đầu tiên của La Mã.

Juillet, *July* : kỷ niệm Hoàng-đế La-Mã *Julius César*. *César* sinh trong tháng này.

Août, *August* : kỷ niệm Hoàng đế La-Mã *Auguste*.

Septembre, *September* : do tiếng La tinh *September* = tháng thứ bảy (theo lịch cũ trước *Jules César*, tháng *Mars* là tháng thứ nhất trong năm, thì *september* là tháng thứ bảy. Sau *César* dời lại tháng *Janvier* là tháng thứ nhất, thì *September* là tháng chín, nhưng vẫn giữ nguyên tên cũ)

Octobre, *October* { Tháng 8, thứ 9, thứ 10, theo lịch
Novembre, *November* { cũ của La Mã trước *J. César*, sau dời
Décembre, *December* { lại thành tháng 10, tháng 11, tháng
12, nhưng vẫn giữ nguyên các tên cũ.

● **Ô. D.H.D Tân định**

● Người đã chế ra phương pháp kiến cận thị là nhà bác học Pháp Louis Emile JAVAL (1839-1907), Chính ông về sau thành ra người mù.

● Mắt còn tốt không nên đeo kính. Số kiến *dioptrie* nặng hay nhẹ tùy theo con mắt, và tùy theo người bị cận thị, hay viễn thị. Phải đến Bác sĩ khám mắt mới biết được.

★ **Bạn Xuân-Tiêu — Saigon.**

Đây, bản nhạc bài Từ biệt ca (Chant des adieux):

Faut-il nous quitter sans es-poir, sans es-poir de re-
tour. Faut il nous quitter sans es-poir, de nous re-voir un
jour ? Ce n'est qu'un au re-voir, mes frèr's, ce n'est qu'un au re-
voir. Oui nous nous rever-ront, mes frèr's Ce n'est qu'un au revoir.

★ **Ông Ng. v Thông — Huế.**

Tên các nước trên mấy con tem ngoại quốc của ông :

Straits Settlements = Cựu thuộc địa Mã-Lai của Anh, thủ-
đô là Singapore — Hiện nay đã độc lập
tên là *Malaisie*.

Magyarország = tên chính thức của xứ *Hung gia Lợi*, viết
theo chữ Hung-Gia-Lợi (Anh gọi là
Hungary. Pháp Hongrie).

Eire = tên chính thức của xứ *Ái-nhĩ-Lan*, phía Bắc nước Anh
(Pháp viết là *Irlande*, Anh viết *Ireland*.)

Ifni = một tiểu-bang của *Espagne*, ở trong lãnh-thổ Maroc,

Ets français de l'océanie = (Etablissements...) các đảo thuộc
Pháp ở Châu-Úc.

Gold Coast = một xứ ở Tây-Phi-Châu (Pháp gọi *Côte d'or*)

Saar = tiếng Đức, tên của hạt *Sarre*, ở giữa Đức và Pháp.

Burma = nước Diên-Điện. Còn mấy con tem in chữ Nga là
của các nước chư hầu Nga-Xô.

★ **Một nữ sinh Định-tường.**

D.H. và N.V. là... đúng như lời em đoán. Chị em nói sai.
Đó, không giấu em nữa đâu nhé!

★ **Bạn Ng. Phùng-Năm cl : II Thiên-hữu — Huế.**

● “*Imitation de Jésus Christ*” là một quyển sách không có tên tác-
giả, viết bằng chữ La-tinh, vào khoảng năm 1424. Từ thế kỷ XVII
đến nay, người ta vẫn tranh-luận nhau về cái tên tác giả, Các nhà
Văn học sử Âu châu có đưa ra gần 60 tên, nhưng có 3 tên sau đây là
được lưu ý hơn hết: 1) GERSEN, một vị linh mục hồi Thế-kỷ XIII
2) JEAN GERSEN, Viện trưởng Viện Đại học Paris, 3) THO-
MAS A KEMPIS, một linh-mục của dòng Windesheim. Tựu trung,
vẫn không có tài liệu nào đích-xác chứng tỏ ai là tác giả chính thức.
Quyển này có đến 60 bản thảo, nhưng không biết bản nào là
đúng, bản nào là giả mạo. Đại kịch sĩ P. Corneille có dịch ra thành
thơ Pháp, và Văn sĩ Lamennais có dịch ra thành văn xuôi.

● Hai quyển “*La Cité de Dieu*” và “*Confessions*”, là của SAINT
AUGUSTIN viết từ năm 412 đến 426 mới xong. Nhà văn BOSSU-
ET lấy đại-cương của quyển *La Cité de Dieu* mà viết ra quyển

“*Discours sur l'histoire universelle*”

● Quyển “*Traité du Libre — Arbitre*” của BOSSUET.

● BOURDALOUE (Louis) nhà Giảng-đạo Pháp (1632-1704),
tác giả hai bài giảng danh tiếng nhất về *Dục-tĩnh*, và *Cái chết*.

● EZÉCHIEL, một trong bốn giáo chủ của dân tộc Hébreux.

(6 thế kỷ trước J.C.)

● OSÉE, một vị tiên tri của Israel (789-749 trước J.C.)

● Muốn hiểu về triết lý thực tại, phải đọc “*Cours de philosophie
positive*” của ANGUSTE COMTE.

★ **Ô. Tôn thất Minh, 15 Ng. Hoàng, Huế**

Theo luật quốc tế có thể dịch các sách ngoại ngữ không cần xin
phép các tác giả, nếu tác giả đã qua đời quá 50 năm rồi. Không biết
địa chỉ tác giả, thì hỏi nhà xuất bản (sách nào cũng có ghi tên,
địa chỉ nhà xuất bản, và năm xuất bản).

— Riêng nước Việt Nam chưa ký tên vào Hiệp định quốc
tế về bản quyền xuất bản.

★ **Ông Vũ Phương, 21B, Thôn Vỹ, Huế**

— Ủy ban nguyên tử lực tiếng Pháp dịch là *Commission de
l'Energie Atomique*.

— Về nguyên tử xin xem lại các số P.T. cũ đã có nói đến.

— Theo thể lệ chung của Báo chí ở khắp Thế giới, chớ không
phải riêng ở Việt-nam, các bài lai cáo gởi đến tòa báo, đăng hay
không đăng, không bao giờ trả lại.

★ **Ô. Lâm văn Trân, 4 Lê Lợi Gò Vấp.**

● Về *Phan bá Ngọc*, con trai của cụ Phan đình Phùng, xin ông coi
lại P.T. số 7 trang 89, đoạn dưới; “*TÀI-LIỆU BỒ-TÚC*”

● Về câu danh ngôn của Albert Camus trong P.T. số 28 trang
24, 4 giòng chót, xin ông xem bản đính chính cũng trong P.T. số
28, trang 115.

★ **Cô Hồng-Cúc, Tịnh Biên An-giang.**

Muốn tìm hiểu cách làm thơ Lục bát và Song-thất, cô nên xem
quyển “*Quốc văn Trích Diễm*” của Dương-quảng-Hàm.

★ Ông Hưng Hoan — Tuy Hòa.

● Hai chữ aa để sau tên các vị thuốc trên các nhãn hiệu thuốc Tây có nghĩa là đồng nhau.

Thí dụ : Bicarbonate de Soude } aa 5gr
Phosphate de chaux }

nghĩa là 5gr Bicarbonate de Soude và 5gr Phosphate de chaux.

● Hai câu "kiếp sau xin chớ làm người,

Làm cây thông đứng giữa trời mà reo "

là của Nguyễn-công-Trứ.

● Xin ông gởi cho các bài khác.

★ Chuẩn - uý Nguyễn-văn-Đệ — k.b.c. 3103.

● Thi sĩ J. LEIBA là người Việt, chớ không phải người ngoại-quốc. Tên thật của ông là Lê-văn-Bái.

● Larousse du XXè Siècle, hiện ở nước ta không có bán. Mua ở Paris bao nhiêu chúng tôi không được biết, có lẽ trên 10.000\$?

● Câu thơ "Lác đác bên sông chợ mấy nhà", có người sửa lại " . . . rợ mấy nhà ", là không đúng với nguyên văn của tác-giả.

★ Một Độc giả ở Bình Khê.

THOMAS CHATTERTON. Thi sĩ Anh, sinh tại Bristol năm 1752, tự tử tại London năm 1770. Làm thơ từ thuở bé. Năm 1768, có xuất bản mấy bài thơ rất hay, nhất là bài " The Battle of Hastings " ký biệt hiệu là " THOMAS ROWLEY tu sĩ và Thi sĩ Thế kỷ XV " Những người đương thời đều biết rõ Thomas Rowley chính là Chatterton, và công nhận ông là một thiên tài. Ở London, ông nghèo khổ, rồi tự tử bằng thuốc độc, hồi 18 tuổi. Thi sĩ A. de Vigny xúc cảm về thân thế của ông, có làm ra vở kịch Chatterton, 3 cảnh bằng văn xuôi, rất cảm động (1835). Trong quyền tiểu thuyết Stello của ông, cũng có nói đến Chatterton.

● Trong quyền "English literature của G. Guibillon không nói đến, vì tác giả chỉ kể các nhà thơ cổ điển có nhiều tác phẩm.

★ Ô. Du, Nha Trang

Thủ ấn họa, là vẽ tay nhưng in ra nhiều bản. Ở Saigon, có Họa sĩ TÚ DUYỀN chuyên về môn ấy.

☆ Ô. Trần Bường, Núi Một, Nha Trang

Rất tiếc, chúng tôi không có thì giờ để dịch giùm những bài Anh văn của ông, mong ông thông cảm cho.

★ Ô. Hà văn Ngự, 29 đường Gia long, Phan Rang

Ông muốn lấy giờ đúng theo giờ Tàu hồi xưa, Tý, Sửu, Dần, Mão, v.v... thì cứ buổi trưa, mặt trời đứng bóng, là giữa giờ NGỌ (mặc dầu không đúng với 12 giờ trưa hiện nay), rồi căn cứ theo giờ ngọ mà lấy các giờ khác.

★ Ô. Trần-lệ-Thu, 360/27 Lê-v. Duyệt, Saigon.

Một người chính-trị hoạt đầu, là một người làm [chính-trị] xoay chiều nào cũng được.

Thí dụ, hồi Pháp thì thân Pháp, đến hồi Nhật thì dả Pháp, dả Mỹ, thân Nhật, đến bây giờ thì thân Mỹ, v.v...

Một người đầu cơ chính trị, là một người lợi dụng chính - trị để làm lợi-riêng cho bản thân mình.

★ Ô. Võ-văn-Vi, Kiên Giang.

● Vợ của ông Vua gọi là Hoàng-hậu, nhưng chồng của bà Vua không thể gọi là Hoàng đế được. Chỉ gọi bằng chức tước thôi. Ở Anh hay Pháp, cũng thế, như chồng của Nữ-Hoàng Elisabeth, là Quận Công Philippe Mountbatten. Tiếng Pháp gọi là Prince Consort,

● Bà Luật-sư, hay bà Bác-sĩ, Bà giáo-sư, v.v... mà có chức vị và nghề nghiệp thật sự thì ta mới gọi là bà Luật sư, bà Bác sĩ, bà Giáo sư. Còn không có làm các nghề nghiệp trên, thì chỉ gọi là bà vợ của Luật-sư X, bà vợ của giáo sư Y, bà vợ của Bác sĩ Z.

● Theo sử ta, thì sau khi Chế-Mân chết, công chúa Huyền-Trân được Trần khắc Chung rước xuống thuyền đưa về nước, chớ không có tự tử.

● Chúng tôi không có đọc quyền tiểu thuyết ông nói đó, nên không được biết rõ.

★ Bạn Hoa Phương, Huế

Liechtenstein là một vương quốc rất bé nhỏ ở kẹt giữa nước Autriche và nước Thụy sĩ, không phải là vương quốc Monaco. Các tự điển không ghi tên xứ ấy vì nó bé xiu, dân số chỉ có 12.000 người, nói tiếng Đức.

Về cái chết của Khái-Hưng, xin coi lại P.T số trước.

★ Ô. Huỳnh nhựt Duyên, hẻm 50 Phú Nhuận

Ba chữ C.E.E. của nha Thủy Điện, là Compagnie des Eaux et Electricité,

★ Ô. Ng quang Tiềm, 24 Quang Trung, Nhatrang.

● Đem tình yêu đặt vào tôn giáo, theo như trong quyền tiền thuyết mà ông nói đó, là có dụng ý xuyên tạc tôn giáo

● Về vấn đề cấu tạo Quả đất, quan điểm của khoa học và lý thuyết của một vài tôn giáo có khác nhau và trái nhau hẳn, nhưng chúng ta chưa nên vội phê bình, vì vấn đề ấy còn huyền bí lắm..

★ Cô Bích Vân, Trà Cầu, Quảng Ngãi

● Vâng, ông N.V. ở làng TÂN PHONG.

● Người mà cô gặp trên xe lửa ở Tam quan hôm tháng trước, không phải là N.V.

● Rất tiếc N. V. không có sẵn hình để tặng cô.

★ Bạn Nguyễn văn Long 48 I Phan Văn Trị Cholon

Hai chữ «LUU-MANH» không có trong quyền Tự-diễn nào. cả, vì đây là một danh-từ mới (néologisme). Theo thiên kiến của tôi thì nghĩa đen chữ LƯU là đi đây đi đó, lang thang : *phieu lưu*. *lưu bat*... LƯU-NHÂN, là kẻ đi lang-bang, không nhà không cửa (vagabond), Manh là lấy trong hai chữ *Manh tâm*.

LƯU-MANH, là kẻ vô gia-cư, và có manh tâm làm chuyện ác, chuyện bậy bạ. Dịch ra tiếng Anh là : *a urchin boy, a scamp an outlaw, a rogue*. Tiếng Pháp là *Voyou, hors-la-loi*.

Còn chữ «*Lumpen prolétariat*» mà ông giáo sư của bạn nói nghĩa là *Lưu-manh*, thì chúng tôi không biết ông giáo-sư lấy ở đâu ra ?

Trả lời chung các bạn

● Tất cả các thư gửi về tòa soạn đều để tên ông Giám đốc Tạp chí Phổ Thông.

CHUYÊN TRỊ

Bệnh Phổi máu, Ho lao, Suyễn. Ho ra máu, đau bao tử, đau tim, suy thận lâu năm nên đến :

ÔNG ĐÔNG Y SĨ LÊ VĂN THÀNH

33 Bến Nguyễn Duy Chợt lớn

(nhà Bà Tám chỉ Hộ, Phường Cây Sung)

Ở xa gửi thư hỏi bệnh sẽ được sẵn-sàng phúc đáp

BỨC THƠ CẢM TẠ

Chợ-Lớn ngày 19 tháng 7 Năm 1960

Kính gửi Đông y sĩ Lê-văn-Thành

Thưa ông,

Tôi là Trần văn Cần xin có vài lời dưới đây để cảm tạ ơn ông đã chữa cho tôi được lành bệnh.

Nguyên tôi mắc phải bệnh thật nguy hiểm là *lũng phổi* 12 năm tôi đã chữa đủ thuốc Đông tây đều vô hiệu, tôi cũng không quên đi đủ cả Bác sỹ vẫn không đem lại kết quả cho tôi.

Đến ngày 10-3-60 rất may, người bạn chỉ cho tôi tới ông Lê-văn-Thành Đông Y sĩ chữa bệnh tôi bằng phương pháp *châm cứu* hết sức tài tình, trong 7 ngày chữa bệnh không có tổn tiền nhiều, về nhà tôi thấy bệnh hết 7 phần.

Tôi đến chữa bệnh lần thứ II tại nhà thầy là 14 ngày tôi ra cân lên 4 kilo, tôi từ nay thấy yêu đời, trở lại xã hội còn có thêm 1 người tài xế. Hôm nay tôi cùng vợ con, gia đình hết sức vui mừng. Xin ông vui lòng nhận nơi đây những lời thành thật của tôi xin kính chúc ông cùng quý quyến nhiều điều may mắn.

Nay kính

897/30 Trần Hưng Đạo

Trần văn Cần

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
 NHÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
 KIẾN-THIỆT VÀ THIẾT-KẾ
 ĐÔ-THỊ

Trực-thuộc Phủ Tổng-Thống

Sở Xổ-Số Kiến-Thiết

THÔNG-CÁO

Sở Xổ Số Kiến-Thiết trân trọng thông cáo :

Bắt đầu từ tháng giêng năm 1960 xổ.số Kiến-thiết sẽ phát hành mỗi tuần một loại ghi theo số A, B, C, D, v.v... trong tháng. Mỗi loại 1.000.000 vé đánh số từ 000.000 đến 999.999 và nhất định mở vào ngày : THỨ SÁU HÀNG TUẦN.

CÁCH PHÂN PHỐI CÁC LÔ TRÚNG :

1	lô Độc-Đắc trúng.	1.000.000\$
5	lô trúng.	100.000\$
5	—	50.000\$
60	—	10.000\$
200	—	5.000\$
1.000	—	1.000\$
1.000	—	500\$
10.000	—	100\$
55	lô an ủi	2.000\$

Tổng cộng : 12.326 lô trúng.

Saigon ngày 1 tháng 1 năm 1960

Sở Xổ-Số KIẾN-THIỆT

K. D. số 353/HĐKD — Saigon, ngày 27-7-1960
 In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long — Saigon
 Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

PHỒ-THÔNG

số 43

ĐẶC BIỆT

TRUNG-THU



Sẽ phát hành ngày 1 - 10 - 60 (11 tháng 8 Âm Lịch)



Cùng
 với
 Số đặc biệt
 TRUNG THU
 Sẽ có

1.000
 quyền thơ
 NAM THU
 HÒA KHÚC



Quyền
 NAM THU
 HÒA KHÚC
 gồm có
 100

thân tặng
 các bạn
 yêu thơ
 và
 yêu Thu
 bài thơ
 THU
 của
 100
 nhà thơ
 ở
 khắp
 Nước
 VIỆT
 NAM
 và ở
 HẢI NGOẠI

